

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ**

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG UYÊN HƯNG, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

Bình Dương, năm 2024

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ**

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG UYÊN HƯNG, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA**



**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI
ĐÔNG HÒA**

Trần Thị Thu Hà

Digitally signed by CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA
DN: C=VN, S=BÌNH DƯƠNG, L=TX Tân Uyên
CN=CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:3700147821
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.11.05
16:03:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.1.0

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT
VÀ MÔI TRƯỜNG PHÚ HÒA**



Trần Thị Thu Vân

Bình Dương, năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
1.3.1. Công suất của cơ sở:.....	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
1.4.1 Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	6
1.4.2. Nguồn cung cấp điện	7
1.4.3. Nguồn cung cấp nước	8
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	11
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	19
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	20
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	21
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	21
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	33
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	37
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	40
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	41
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.....	57
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	62
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	62
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	63
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	64

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	65
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	65
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	66
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	66
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải	67
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	71
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	75
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	76

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Biochemical Oxygen Demand (Nhu cầu oxy sinh hoá)
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên môi trường
COD	Chemical Oxygen Demand (Nhu cầu oxy hóa học)
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
DO	Dissolved Oxygen (Oxy hòa tan)
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý các điểm góc của Cơ sở	1
Bảng 1.2. Diện tích xây dựng các hạng mục của cơ sở	3
Bảng 1.3. Loại hình sản xuất của các Doanh nghiệp trong khu nhà xưởng	6
Bảng 1.4. Danh mục các loại hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải ..	7
Bảng 1.5. Hiện trạng khối lượng điện sử dụng của Công ty	7
Bảng 1.6. Hiện trạng nhu cầu sử dụng nước tại Công ty.....	8
Bảng 1.7. Cân bằng nước và tính toán lưu lượng xả nước thải lớn nhất.....	9
Bảng 1.8. Hiện trạng sử dụng đất của Cơ sở	12
Bảng 1.9. Diện tích xây dựng các hạng mục của cơ sở	13
Bảng 3.1. Khối lượng công trình thu gom, thoát nước mưa.....	22
Bảng 3.2. Bảng thống kê mạng lưới thu gom, thoát nước thải.....	24
Bảng 3.3. Kích thước các bể tự hoại tại Công ty.....	25
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật cơ bản của các công trình xử lý.....	28
Bảng 3.5. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	29
Bảng 3.6. Tổng hợp khối lượng CTR sinh hoạt	35
Bảng 3.7. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh.....	37
Bảng 3.8. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	38
Bảng 3.9. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục	44
Bảng 3.10. Chương trình bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị của HTXL	45
Bảng 3.11. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục	47
Bảng 3.12. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã phê duyệt	58
Bảng 3.13. Các hạng mục xây dựng được chuyển đổi công năng tại Cơ sở	60
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	62
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải.....	64
Bảng 4.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	64
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn	64
Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của độ rung.....	65
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022	66
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	67
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải (NT2) năm 2024	67

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2022	68
Bảng 5.5. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2023	69
Bảng 5.6. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2024	69
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường..	71
Bảng 6.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	72

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Sơ đồ minh họa vị trí khu vực Cơ sở.....	2
Hình 1.2. Sơ đồ minh hoạt mặt bằng các nhà xưởng, nhà kho cho thuê tại Cơ sở	4
Hình 1.3. Bên ngoài nhà xưởng.....	18
Hình 1.4. Bên trong nhà xưởng	18
Hình 1.5. Văn phòng điều hành 2	18
Hình 1.6. Văn phòng cho thuê	18
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	21
Hình 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa hiện hữu tại Cơ sở.....	22
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	23
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải	26
Hình 3.5. Phòng máy HTXLNT	32
Hình 3.6. Bể tách dầu và bể điều hòa	32
Hình 3.7. Bể sinh học hiếu khí	32
Hình 3.8. Bể lắng.....	32
Hình 3.9. Bồn lọc áp lực.....	32
Hình 3.10. Máy thổi khí.....	32
Hình 3.11. Mặt đường đã bê tông hóa	33
Hình 3.12. Cây xanh tại khu vực cơ sở	33
Hình 3.13. Thùng chứa rác sinh hoạt.....	36
Hình 3.14. Kho lưu chứa chất thải nguy hại.....	39

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ:

- Tên: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa.
- Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 152, Tờ bản đồ 59, tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Hoàng Việt Hà Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02743 640823
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700147821 đăng ký lần đầu ngày 10/11/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 1/04/2024 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp;

1.2. TÊN CƠ SỞ:

- **Tên cơ sở:** khu nhà xưởng cho thuê.
- **Địa điểm cơ sở:** Thửa đất số 152, tờ bản đồ 59, tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ranh giới tiếp giáp của khu đất như sau:

- + Phía bắc: giáp Nhà máy gạch Việt Đức;
- + Phía đông: giáp đường DT 747
- + Phía nam: giáp Nhà máy gạch Việt Phát;
- + Phía tây: Giáp cụm công nghiệp Uyên Hưng.

(Chi tiết xem Bản đồ số 1: vị trí giao thông - đính kèm phụ lục)

Tọa độ giới hạn của cơ sở theo hệ tọa độ VN-2000 như sau:

Bảng 1.1: Tọa độ địa lý các điểm góc của Cơ sở

Điểm mốc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	1226487	694140
M2	1226266	694215
M3	1226103	693777
M4	1226259	693689
M5	1226310	693665

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)



Hình 1.1. Sơ đồ minh họa vị trí khu vực Cơ sở

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng:

+ Giấy phép xây dựng số 1405/GPXD ngày 29/07/2015 do sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương cấp về công trình nhà xưởng;

+ Giấy phép xây dựng số 2213/GPXD ngày 14/02/2018 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp về công trình nhà nghỉ công nhân, nhà văn phòng;

+ Giấy phép xây dựng số 455/GPXD ngày 7/4/2003 của sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương cấp về công trình nhà máy gạch tuynel và Công văn số 1300/SXD-KTKT ngày 19/4/2021 của Sở Xây Dựng về miễn giấy phép xây dựng công trình cải tạo, sửa chữa Nhà máy gạch tuynel Đông Hòa.

- **Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 90/QĐ-STNMT** ngày 23/1/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m² tại khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, Bình Dương.

- **Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):** Cơ sở có tổng vốn đầu tư 156.821.000.000 đồng thuộc lĩnh vực Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khác quy định tại Khoản 2, Điều 9

của Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm B.

- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở:

+ Công văn số 381/UBND-KTTH, ngày 29/01/2015 về việc địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH SX TM Đông Hòa tại phường Uyên Hưng của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 830428 ngày 17/08/2017, thửa đất số 152, tờ bản đồ 59 của Công ty TNHH SX TM Đông Hòa có diện tích 93.398,6m² (trong đó có 1.103,8m² đất thuộc HLATĐB). Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

+ Hợp đồng thuê số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003 kèm theo Quyết định số 7309/QĐ-CT, ngày 30/12/2002 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Công văn số 1954/STNMT-CCBVM ngày 18/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư.

+ Giấy chứng nhận về phẩm duyệt PCCC số 576/TD-PCCC ngày 28/6/2024 do phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tỉnh Bình Dương cấp.

+ Hợp đồng số 2004-RSH/HĐ-KT/23 ngày 21/10/2023 về thu gom, vận chuyển và rác sinh hoạt.

+ Hợp đồng số 2259-RSH/HĐ-KT/23 ngày 16/11/2023 về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

+ Hợp đồng số 2259-RSH/HĐ-KT/23 ngày 16/11/2023 về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

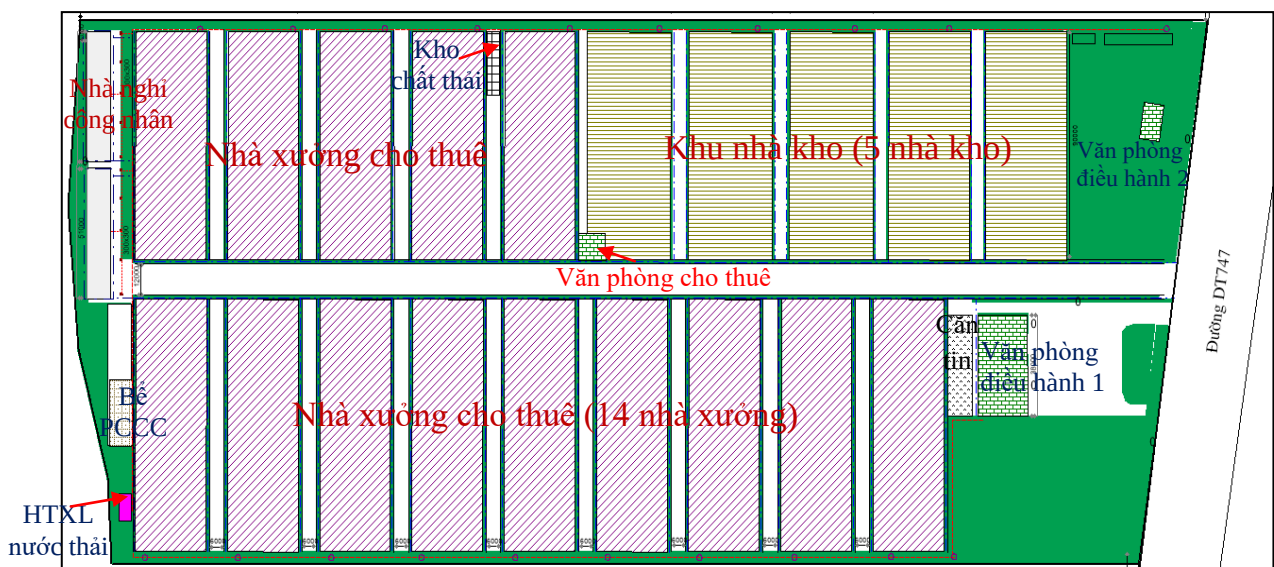
Khu đất cơ sở có tổng diện tích 93.398,6m² đã được xây dựng hoàn thiện về các hạ tầng kỹ thuật và các công trình nhà xưởng, nhà kho. Quy mô, diện tích các hạng mục xây dựng của cơ sở như sau:

Bảng 1.2. Diện tích xây dựng các hạng mục của cơ sở

TT	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Khu nhà xưởng, nhà kho	56.038	60
a	Công trình nhà xưởng (14 nhà xưởng)	40.500	-
1	Xưởng X1	3.000	-
2	Xưởng X2	3.000	-
3	Xưởng X3	3.000	-
4	Xưởng X4	3.000	-

5	Xưởng X5	3.000	-
6	Xưởng X6	3.000	-
7	Xưởng X7	3.000	-
8	Xưởng X8	3.000	-
9	Xưởng X9	3.000	-
10	Xưởng X10	2.700	-
11	Xưởng X11	2.700	-
12	Xưởng X12	2.700	-
13	Xưởng X15	2.700	-
14	Xưởng X16	2.700	-
b	Công trình nhà kho (5 nhà kho)	15.538	-
15	Nhà kho 1 (K1)	3.018	-
16	Nhà kho 2 (K2)	3.150	-
17	Nhà kho 3 (K3)	3.150	-
18	Nhà kho 4 (K4)	3.150	-
19	Nhà kho 5 (K5)	3.070	-
II	Khu văn phòng	906	1,0
1	Văn phòng điều hành 1	670	-
2	Văn phòng điều hành 2	120	-
3	Văn phòng cho thuê	116	-
III	Đất hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ (kho chất thải, trạm xử lý nước thải, căn tin, nhà công nhân,..)	1.840	2,0
IV	Đất giao thông	16.562	17,6
V	Đất cây xanh	18.052,6	20,0
	Cộng (I+...+V)	93.398,6	100

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)



Hình 1.2. Sơ đồ minh hoạt mặt bằng các nhà xưởng, nhà kho cho thuê tại Cơ sở

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở hoạt động chính là cho thuê nhà xưởng. Mỗi doanh nghiệp thứ cấp sẽ có công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác nhau và tự chịu trách nhiệm quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

Mục tiêu phát triển của Cơ sở là xây dựng khu nhà xưởng sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không có công đoạn nhuộm, không thực hiện công đoạn xi mạ, không tái chế, sản xuất các sản phẩm nhựa từ phế liệu có công đoạn làm sạch phế liệu, không chế biến cao su từ mủ tươi, không tái chế cao su, không thuộc da và được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt nam.

Theo Đề án BVMT chi tiết đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018 và Công văn số 1954/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Cơ sở bao gồm:

- Gia công cơ khí kim loại
- Gia công bột sơn tĩnh điện
- Gia công, sản xuất các sản phẩm nhựa
- Gia công sản xuất các sản phẩm từ gỗ
- Gia công in ấn bao bì
- Chiết xuất rượu
- Gia công mực in
- Sản xuất gạch tuynen, gạch ACC
- Gia công, sản xuất thủy tinh gốm sứ.
- Gia công, sản xuất lắp ráp bóng đèn Led.
- Sản xuất nước lọc, nước tinh khiết, đóng chai.
- Gia công sản xuất các sản phẩm từ sơn.
- Sản xuất văn phòng phẩm.
- Trung tâm hội nghị, nhà hàng khách sạn, văn phòng cho thuê.
- Một số loại hình sản xuất gia công ít ô nhiễm, sử dụng ít nước khác.

Hiện nay, trong khu nhà xưởng có 11 doanh nghiệp đang hoạt động ổn định với tỷ lệ lấp đầy đạt khoảng 100%. Hiện trạng, các ngành nghề sản xuất của các Doanh nghiệp thuê xưởng hoàn toàn phù hợp với các ngành nghề được phép thu hút đầu tư tại cơ sở. Trong thời gian đến Công ty vẫn luôn ưu tiên thu

hút các ngành nghề ít ô nhiễm, ít tác động môi trường. Các doanh nghiệp và ngành nghề sản xuất hiện hữu tại khu nhà xưởng cho thuê như sau:

Bảng 1.3. Loại hình sản xuất của các Doanh nghiệp trong khu nhà xưởng

TT	Tên doanh nghiệp thuê xưởng	Địa chỉ	Loại hình sản xuất	Mã ngành
1	Công Ty TNHH MTV SX Hùng Việt	Xưởng X1, X12	Gia công sản phẩm bằng Ngũ Kim	4663
2	Công Ty TNHH Hồng Nghiệp Việt Nam	Xưởng X2	Gia công bột sơn tĩnh điện	2022;3290
		Kho K3	Làm kho	5210
3	Công Ty TNHH TM SX Gỗ Mỹ Gia	Xưởng X3, X4, X5	Gia công nội thất bằng gỗ	1622
		Xưởng X16, Kho K1	Làm kho	5210
4	Công Ty TNHH vật liệu in ấn Dụ Nguyên	Xưởng X6	Gia công mực in	2022
5	Công Ty TNHH gỗ nội thất Hợp Thăng	Xưởng X7	Gia công nội thất bằng gỗ	3100
6	Công ty TNHH TM SX nệm Kiên Tín	Xưởng X8, X9	Giường tủ bàn ghế	3100
7	Công ty TNHH đèn chiếu sáng Bách Thụy	Xưởng X10	Lắp ráp bóng đèn led	2310;2740
8	Công ty TNHH SX gỗ Gia Thái	Xưởng X11	SX Thớt gỗ	1629
9	Công Ty TNHH thế giới Trong Lành	Xưởng X15	Gia công tấm lọc không khí	3290
10	Công Ty TNHH TM SX Gỗ Tân Nhật	Kho K2	Gỗ ván ép (làm kho)	5210
11	Công Ty TNHH JING BO Việt Nam	Kho K4, K5	Gỗ ván ép (làm kho)	5210

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Công ty hoạt động với hình thức cho thuê nhà xưởng, nhà kho. Không hoạt động sản xuất nên Công ty không sử dụng nguyên, vật liệu. Trong quá trình vận hành HTXLNT có công suất 135 m³/ng.đ. Công ty sử dụng các hoá chất để bổ sung cho các công đoạn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động hiệu quả. Khối lượng hóa chất sử dụng như sau:

Bảng 1.4. Danh mục các loại hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên hóa chất	Định mức sử dụng	Khối lượng tối đa (Kg/năm)
1	Clorine	-	1.080
2	PAC	100g/m ³ nước thải	4.890
3	NaOH	50g/m ³ nước thải	2.412
	Cộng		8.382

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện:

- Nguồn cung cấp: Công ty đã đầu tư 4 trạm biến áp để hạ điện từ mạng lưới điện Quốc gia với tổng công suất 3.020 KVA gồm: 2 trạm công suất 560 KVA/trạm, 1 trạm 1500 KVA và 1 trạm 400 KVA. Nhằm cấp điện cho sinh hoạt, chiếu sáng cho toàn Công ty và cho sản xuất của các Công ty thành viên.

- Nhu cầu sử dụng điện: Căn cứ vào hóa đơn năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 nhu cầu sử dụng điện cho toàn khu hiện nay với tháng sử dụng lớn nhất có khối lượng 295.099 KWh/tháng, tương ứng 11.350 KWh/ngày. Khối lượng sử dụng cụ thể như sau:

Bảng 1.5. Hiện trạng khối lượng điện sử dụng của Công ty

STT	Thời gian	Khối lượng điện sử dụng	
		KWh/tháng	KWh/ngày
1	Tháng 1/2023	165.460	6.364
2	Tháng 2/2023	114.820	4.416
3	Tháng 3/2023	177.080	6.811
4	Tháng 4/2023	195.500	7.519
5	Tháng 5/2023	211.500	8.135
6	Tháng 6/2023	212.530	8.174
7	Tháng 7/2023	159.430	6.132
8	Tháng 8/2023	144.720	5.566
9	Tháng 9/2023	131.840	5.071
10	Tháng 10/2023	147.820	5.685
11	Tháng 11/2023	208.740	8.028
12	Tháng 12/2023	211.380	8.130
13	Tháng 1/2024	270.550	10.406
14	Tháng 2/2024	125.210	4.816
15	Tháng 3/2024	283.300	10.896
16	Tháng 4/2024	263.806	10.146
17	Tháng 5/2024	295.099	11.350
18	Tháng 6/2024	290.215	11.162
Giá trị lớn nhất		295.099	11.350
Trung bình		200.500	7.712

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa_ 2024)

1.4.3. Nguồn cung cấp nước

a. *Nguồn cung cấp:* Chi nhánh cấp nước Tân Uyên - Công ty CP Nước – môi trường Bình Dương.

b. *Mục đích:* sử dụng sinh hoạt và sản xuất tại các Công ty thành viên thuê xưởng, khu văn phòng, khu nhà nghỉ công nhân, ...

c. *Nhu cầu sử dụng nước:* Căn cứ vào hóa đơn nước năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 (*Hóa đơn đính kèm phụ lục*). Nhu cầu sử dụng nước như sau:

Bảng 1.6. Hiện trạng nhu cầu sử dụng nước tại Công ty

STT	Thời gian	Khối lượng nước sử dụng	
		m ³ /tháng	m ³ /ngày
1	Tháng 1/2023	422	16,2
2	Tháng 2/2023	293	11,3
3	Tháng 3/2023	414	15,9
4	Tháng 4/2023	514	19,8
5	Tháng 5/2023	487	18,7
6	Tháng 6/2023	823	31,7
7	Tháng 7/2023	574	22,1
8	Tháng 8/2023	647	24,9
9	Tháng 9/2023	697	26,8
10	Tháng 10/2023	633	24,3
11	Tháng 11/2023	843	32,4
12	Tháng 12/2023	876	33,7
13	Tháng 1/2024	594	22,8
14	Tháng 2/2024	578	22,2
15	Tháng 3/2024	476	18,3
16	Tháng 4/2024	698	26,8
17	Tháng 5/2024	630	24,2
18	Tháng 6/2024	799	30,7
19	Tháng 7/2024	675	26,0
Giá trị lớn nhất		876,0	34,0
Trung bình		589,0	24,0

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024.

Theo bảng thống kê trên cho thấy, hiện nay lượng nước sử dụng tại Công ty ngày lớn nhất khoảng 34 m³/ngày, trung bình 24m³/ngày. Thống kê nhu cầu sử dụng nước và nước thải phát sinh tối đa của các doanh nghiệp cụ thể như sau:

 Nước cấp cho mục đích sinh hoạt và sản xuất tại các nhà xưởng

Theo mục tiêu của Công ty Đông Hòa là thu hút đầu tư các ngành ít sử dụng nước trong sản xuất. Vì vậy phần lớn nhu cầu sử dụng nước tại các khu nhà xưởng chủ yếu là nước cho mục đích sinh hoạt, một số ít nhà máy sử dụng nước cho sản xuất chủ yếu làm mát máy móc, thiết bị. Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất như sau:

- *Nước cấp cho sinh hoạt:* Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tính cho 1 người là 45 (l/người/ca) và nước thải sinh hoạt tính bằng 100% nước cấp (theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải).

- *Nước cấp cho sản xuất tại các nhà xưởng cho thuê:* là khối lượng nước cấp còn lại sau khi sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Nước thải sản xuất tính bằng 80% nước cấp (theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải).

Bảng 1.7. Cân bằng nước và tính toán lưu lượng xả nước thải lớn nhất

TT	Tên cơ sở nhà máy sản xuất	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải sinh hoạt (bằng 100% nước cấp)		Nước thải sản xuất (bằng 80% nước cấp)
			Số lượng người	Khối lượng (m ³ /ngày)	Khối lượng (m ³ /ngày)
1	Công Ty TNHH MTV SX Hùng Việt	3,2	41	1,8	0,7
2	Công Ty TNHH Hồng Nghiệp Việt Nam	3,4	35	1,6	1,1
3	Công Ty TNHH TM SX Gỗ Mỹ Gia	12,6	195	8,8	1,3
4	Công Ty TNHH vật liệu in ấn Dụ Nguyên	1	23	1,0	0
5	Công Ty TNHH gỗ nội thất Hợp Thăng	6	93	4,2	0,6
6	Công ty TNHH TM SX nệm Kiên Tín	2,1	47	2,1	0,0
7	Công ty TNHH đèn chiếu sáng Bách Thụy	0,4	8	0,4	0,0
8	Công ty TNHH SX gỗ Gia Thái	1,7	28	1,3	0,1
9	Công Ty TNHH thể giới Trong Lành	0,2	5	0,2	0
10	Công Ty TNHH TM SX Gỗ Tân Nhật (làm kho)	0,4	10	0,4	0

11	Công Ty TNHH JING BO Việt Nam (làm kho)	0,2	1	0,2	0
12	Văn phòng điều hành	0,9	20	0,9	0
13	Khu nhà nghỉ công nhân	2,3	52	2,3	0
Tổng lưu lượng		34,0	558	25,0	4,0
				29,0	

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024.

Theo thống kê tại bảng trên, tổng lưu lượng nước thải hiện nay khoảng 29,0 m³/ngày đêm. Đồng thời theo dõi số theo dõi lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 thì lưu lượng nước thải cao nhất khoảng 32m³/ngày chiếm 24% công suất của hệ thống xử lý. Vì vậy, hiện nay hệ thống vẫn đáp ứng đủ khả năng hoạt động của các nhà xưởng.

Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích khác:

- Nước cấp cho PCCC: Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q=15$ l/s cho 1 đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng 1 lúc là 1 đám cháy theo TCVN 2622– 1995. Vậy lưu lượng nước cần dự phòng cho chữa cháy là 162 m³/ngày(3h).

- Nước cấp cho tưới cây: Theo Đề án BVMT chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho mục đích tưới cây và cho hoạt động sx của nhà máy gạch tuynel. Tuy nhiên hiện nay nhà máy gạch đã ngưng hoạt động. Vì vậy, nước sau xử lý chỉ sử dụng cho mục đích tưới cây. Khối lượng nước tưới cây như sau:

+ Diện tích cây xanh, thảm cỏ tại Công ty là 18.052,6m².

+ Định mức nước tưới cây 3 lít/m² (theo mục 2.10.2 của Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD).

+ Khối lượng nước sử dụng: 54m³/ngày.

=> *Thực tế, hiện nay toàn bộ nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT đạt Quy chuẩn QCVN40:2011/BTNMT, cột A được Công ty tái sử dụng cho mục đích tưới cây mà không thải ra ngoài môi trường. Vào những ngày mưa không tưới cây, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể chứa PCCC có dung tích 600m³ (diện tích 300m² x sâu 2m) để bổ sung phục vụ cho những ngày nắng. Với lưu lượng nước thải hiện nay bể có thể lưu chứa khoảng 20 ngày, khối lượng này được lưu trữ tại bể chứa cùng với khối lượng nước thải hàng ngày sẽ phục vụ đủ khối lượng nước cho mục đích tưới cây hàng ngày của Công ty.*

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Chế độ làm việc

- Số ca làm việc trong ngày: 1 ca/ngày.
- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca.
- Số ngày làm việc trong năm: Số ngày làm việc khoảng 300 ngày/năm (người lao động nghỉ chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của Luật Lao động).

1.5.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất đai của cơ sở

1.5.2.1. Hiện trạng quản lý đất.

Cơ sở nằm trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 59, tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khu đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH830428 ngày 17/8/2017. Diện tích 93.398,6m² (trong đó có 1.103,8m² đất thuộc HLATĐB). Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Khu đất đã được Công ty thuê đất theo Hợp đồng thuê số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003 kèm theo Quyết định số 7309/QĐ-CT, ngày 30/12/2002 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê.

1.5.2.2. Hiện trạng sử dụng đất

a/ Tổng diện tích đất sử dụng theo Đề án BVMT chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018 là 93.398,6m². Gồm:

- Khu vực nhà máy gạch tuynel: 20.200,6m² (gồm khu sản xuất gạch 15.538m², văn phòng nhà máy 120m², khuôn viên sân bãi 4.542,6 m²).
- Hoạt động cho thuê nhà xưởng: 73.198 m², trong đó:
 - + Khu nhà xưởng: 40.500m².
 - + Khu vực văn phòng (chưa xây dựng): 7.500m²
 - + Đường nội bộ và lề đường: 19.998 m².
 - + Công trình xử lý môi trường, hành lan an toàn, khuôn viên: 5.200 m².

b/ Tổng diện tích đất tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường là 93.398,6m². Về cơ bản nhu cầu sử dụng đất các hạng mục trên vẫn không đổi so với thời điểm lập đề án BVMT chi tiết. Riêng chỉ nhà máy SX gạch tuynen ngưng hoạt động, diện tích nhà máy được sử dụng làm nhà kho. Hiện trạng sử dụng đất như sau:

- Khu nhà xưởng hiện hữu và các công trình phụ trợ: không thay đổi
- Đã xây dựng khu văn phòng diện tích 7.500m² gồm tòa nhà 670m², căn tin 400m² và đất trồng cây xanh 6.430m² theo đúng dự kiến theo Đề án BVMT đã duyệt.
- Nhà máy gạch tuynen ngưng hoạt động do việc kinh doanh kém hiệu quả, đồng thời nhà máy sx gạch tuynen đã xuống cấp (xây dựng năm 2002) không

đáp ứng việc kinh doanh, vị trí nhà máy không còn phù hợp để sản xuất gạch tuynen theo định hướng phát triển của thành phố Tân Uyên. Vì vậy, Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất gạch tuynen, đã cải tạo thành kho chứa hàng hóa.

Bảng 1.8. Hiện trạng sử dụng đất của Cơ sở

TT	Tên hạng mục	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)		Ghi chú
		Theo đề án BVMT	Hiện trạng	
1	Khu nhà xưởng	40.500	40.500	Không thay đổi
2	Nhà máy sản xuất gạch tuynen			Đã ngưng hoạt động
2.1	Khu nhà kho	15.538	15.538	- Thay đổi công năng: khu sx gạch tuynen thành nhà kho, diện tích xây dựng vẫn không thay đổi. (Công trình được cải tạo theo Công văn số 1300/SXD-KTKT ngày 19/4/2021).
2.2	Văn phòng điều hành 1	120	120	Không thay đổi, giữ lại văn phòng nhà máy gạch, tiếp tục sử dụng làm văn phòng điều hành
2.3	Văn phòng cho thuê	0	116	Đã xây dựng theo GPXD số 2213/GPXD ngày 14/02/2018
2.4	Nhà nghỉ công nhân	0	1.020	
2.5	Khuôn viên cây xanh	4.542,6	3406,6	Diện tích giảm do phân bổ đất để xây nhà nghỉ công nhân và văn phòng cho thuê
	Cộng	20.200,6	20.200,6	
3	Khu vực văn phòng	7.500	7.500	Đã xây dựng theo GPXD số 2213/GPXD ngày 14/02/2018, diện tích không đổi so với diện tích dự kiến tại Đề án BVMT đã được phê duyệt.
3.1	Văn phòng điều hành 2	-	670	
3.2	Căn tin	-	400	
3.2	Đất trồng cây xanh	-	6.430	
4	Công trình phụ trợ	25.198	25.198	
4.1	Đường nội bộ	16.562	16.562	Không thay đổi
4.2	Lề đường	3.436	3.436	Không thay đổi
4.3	Hạng mục bảo vệ môi	420	420	Không thay đổi

	trường (Khu xử lý nước thải 60m ² , hồ nước PCCC 300m ² , kho CTNH 60m ²)			
4.4	Đất trồng cây xanh	2.780	2.780	Không thay đổi
4.5	Hành lang an toàn	2.000	2.000	Không thay đổi
	Tổng (1+2+3+4)	93.398,6	93.398,6	

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024.

* Diện tích cây xanh (Đ_{cx}): Tổng diện tích trồng cây xanh khoảng 18.052,6m², được trồng tại các vị trí gồm: giáp khu vực nhà kho 3.406,6m² + khu nhà điều hành là 6.430 m² + trên lề đường 3.436 m² + khu vực sân bãi 2.780 m² + hành lan AT 2000 m². Với tỷ lệ chiếm 20,0% diện tích sử dụng, đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD.

1.5.3. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

Hiện trạng toàn bộ khu đất có diện tích 93.398,6m², đã được xây dựng hoàn thiện các hạ tầng kỹ thuật và các công trình nhà xưởng, nhà kho. Quy mô, diện tích các hạng mục xây dựng của cơ sở như sau:

Bảng 1.9. Diện tích xây dựng các hạng mục của cơ sở

TT	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số tầng	Chiều cao tối đa (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)
I	Khu nhà xưởng, nhà kho	56.038				
a	Hạng mục nhà xưởng	40.500				
1	Xưởng X1	3.000	1	10,75	30	100
2	Xưởng X2	3.000	1	10,75	30	100
3	Xưởng X3	3.000	1	10,75	30	100
4	Xưởng X4	3.000	1	10,75	30	100
5	Xưởng X5	3.000	1	10,75	30	100
6	Xưởng X6	3.000	1	10,75	30	100
7	Xưởng X7	3.000	1	10,75	30	100
8	Xưởng X8	3.000	1	10,75	30	100
9	Xưởng X9	3.000	1	10,75	30	90
10	Xưởng X10	2.700	1	10,75	30	90
11	Xưởng X11	2.700	1	10,75	30	90

12	Xưởng X12	2.700	1	10,75	30	90
13	Xưởng X15	2.700	1	10,75	30	90
14	Xưởng X16	2.700	1	10,75	30	90
b	Hạng mục nhà kho	15.538				
15	Nhà kho 1 (K1)	3.018	1	10,75	34	90
16	Nhà kho 2 (K2)	3.150	1	10,75	35	90
17	Nhà kho 3 (K3)	3.150	1	10,75	35	90
18	Nhà kho 4 (K4)	3.150	1	10,75	35	90
19	Nhà kho 5 (K5)	3.070	1	10,75	34	90
II	Khu văn phòng	906				
1	Văn phòng điều hành 1	670	5	18,95	18	38
2	Văn phòng điều hành 2	120	1	5,5	6	12
3	Văn phòng cho thuê	116	5	16,35	10,9	11
III	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.840				
1	Khu xử lý nước thải	60	-	-	11	14,5
2	Kho CTNH	60	1	3,5	6	10
3	Bể PCCC xây ngầm và nhà xe	300	1	3,5	5	100
4	Căn tin	400	1	3,5	10	40
5	Nhà nghỉ công nhân	1.020	2	8,15	10	100
IV	Đất giao thông	16.562	-	-	-	-
V	Đất cây xanh	18.052,6		-	-	-
	Cộng (I+...+V)	93.398,6				

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

1.5.3.1. Nhà xưởng sản xuất và nhà kho

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt nền sân): 10,75m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích: Tổng diện tích 56.038 m², trong đó 14 nhà xưởng có 40.500m² và 5 nhà kho 15.538 m² được cải tạo, nâng cấp trên nền nhà máy gạch.
- + Nhà xưởng: gồm 14 nhà xưởng với tổng diện tích xưởng khoảng 40.500m² trong đó: 9 nhà xưởng X1, X2, X3, X4, X5, X6, X7, X8, X9 có diện tích giống nhau, mỗi xưởng 3.000m² (rộng 30m x dài 100m) và 5 nhà xưởng

X10, X11, X12, X15, X16 có diện tích giống nhau, mỗi xưởng 2.700m² (rộng 30m x dài 90m).

+ Nhà kho: được cải tạo, nâng cấp trên nền nhà máy gạch với tổng diện tích kho 15.538 m², gồm 5 nhà kho có kích thước rộng từ 34 -35m x dài 90m gồm kho 1: 3.018m², kho 2: 3.150m²; kho 3: 3.150m² kho 4: 3.150m² và kho 5: 3.070m².

- Kết cấu: móng, đà kiềng bằng BTCT, nền bê tông, tường gạch sơn nước, phía trên ốp tôn, mái lợp tôn, xà gò thép, cột khung kèo thép, cửa sắt cuốn.

- Năm xây dựng: Nhà xưởng đã được xây dựng từ năm 2015 theo Giấy phép xây dựng số 1405/GPXD-SXD ngày 29/7/2015 và Nhà kho được cải tạo, nâng cấp từ năm 2022 và năm 2023 trên nền nhà máy gạch được thực hiện theo Công văn số 1300/SXD-KTKT ngày 19/4/2021 của Sở Xây Dựng.

1.5.3.2. Khu văn phòng: tổng diện tích 906m², gồm:

a. Nhà văn phòng điều hành 1: bố trí phía đông nam giáp với đường ĐT747

- Diện tích đất: 670 m²

- Quy mô: 5 tầng, kết cấu: mái BTCT, tường gạch xây tô, cột BTCT, nền lát gạch, cửa kính.

- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Tổng diện tích sàn: 3.369,8m², trong đó: tầng 1: 668,3m²; tầng 2: 605,9m²; tầng 3: 605,9m²; tầng 4: 605,9m²; tầng 5: 583,8m² (trong đó diện tích sân thượng: 547,3 m² và diện tích tum mái: 36m²).

- Chiều cao: tầng trệt 3,8m; chiều cao công trình 18,95m.

b. Nhà văn phòng điều hành 2 (Văn phòng giám đốc điều hành):

- Diện tích đất: 120 m².

- Quy mô: 1 tầng, kết cấu: mái ngói, tường gỗ, cột gỗ, nền lát gạch.

- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Chiều cao công trình: 5,5m.

c. Văn phòng cho thuê (nằm tiếp giáp nhà xưởng X16).

- Diện tích đất: 116 m²

- Quy mô: 5 tầng, kết cấu: mái BTCT, tường gạch xây tô, cột BTCT, nền lát gạch, cửa kính.

- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Tổng diện tích sàn: 580m², trong đó: tầng 1: 116m²; tầng 2: 116m²; tầng 3: 116m²; tầng 4: 116m²; tầng 5: 116m² (trong đó diện tích sân thượng: 104,26 m² và diện tích tum mái: 11,74m²).

- Chiều cao: tầng trệt 3,6m; chiều cao công trình 16,35m.

- Công trình văn phòng xây dựng theo GPXD số 2213/GPXD ngày 14/02/2018

** Năm xây dựng: khu nhà văn phòng đã được xây dựng từ năm 2018 theo Giấy phép xây dựng số GPXD số 2213/GPXD ngày 14/02/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.*

1.5.3.3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

1. *Khu xử lý nước thải:* nằm phía tây nam khu đất

- Diện tích đất: 60 m².
- Kết cấu: bê tông cốt thép, sơn chống thấm, xây 1 phần âm dưới đất.
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp IV.

2. *Kho lưu trữ chất thải nguy hại:* nằm phía bắc khu đất

- Diện tích đất: 60 m²
- Kết cấu: mái tôn, tường gạch xây tô, nền xi măng sơn chống thấm.
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp IV.

3. *Bể chứa nước PCCC và Nhà xe:* nằm phía tây khu đất

- Diện tích đất: 300m²
- Kết cấu: mái tôn, cột thép, nền xi măng
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp IV.
- Bể chứa nước PCCC được xây ngầm, mặt bằng bên trên bố trí nhà xe

4. *Căn tin:* nằm tiếp giáp nhà văn phòng điều hành 1.

- Diện tích đất: 400m²
- Kết cấu: mái tôn, tường gạch xây tô, cột BTCT, nền lát gạch
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp IV.

5. *Nhà xe:* nằm phía tây khu đất.

- Diện tích đất: 500m²
- Kết cấu: mái tôn, cột thép, nền xi măng
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp IV.

6. *Nhà nghỉ công nhân:* nằm phía tây khu đất.

- Diện tích đất: 1.020 m²
- Quy mô: 2 tầng, kết cấu: mái tôn, tường gạch xây tô, cột BTCT, nền lát gạch, cửa sắt kính.
- Loại công trình: công trình dân dụng, cấp III.
- Diện tích sàn: 2.284,8m², trong đó: tầng 1: 1.020m²; tầng 2: 1.264,8m².
- Chiều cao: tầng trệt 3,68m; chiều cao công trình 8,15m.

7. Thông tin liên lạc.

Hạ tầng thông tin liên lạc của khu nhà xưởng sử dụng hạ tầng hiện hữu của khu vực với đầy đủ các dịch vụ viễn thông hiện nay như internet, cáp quang, điện thoại cố định.

8. Hệ thống cấp điện.

- Điện công nghiệp phục vụ sản xuất tại khu nhà xưởng được lấy từ nguồn điện lưới quốc gia tuyến cao thế 110 KV chạy dọc theo tuyến đường DT747.

Công ty đã đầu tư 4 trạm biến áp gồm: 2 trạm công suất 560 KVA/trạm, 1 trạm 1500 KVA và 1 trạm 400 KVA. Chọn giải pháp đấu nối hệ thống cấp điện đầu tư mới với hệ thống cấp điện hiện hữu.

9. Hệ thống cấp nước.

Nguồn nước sử dụng cho Cơ sở được đấu nối trực tiếp với hệ thống cấp nước đô thị nằm trên tuyến đường DT747 do CN cấp nước Tân Uyên - Công ty cổ phần nước - Môi trường Bình Dương cung cấp.

10. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Công ty Đông Hòa đã đầu tư hệ thống thu gom nước thải và nước mưa tách riêng cho toàn khu.

Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu và ống nhựa PVC Ø114mm cùng với nước mưa chảy tràn trên các tuyến đường chảy vào hệ thống cống ngầm thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép kín đường kính 300mm trên các trục đường nhánh, sau đó theo tuyến cống chính bằng bê tông cốt thép đường kính 500mm chảy về cống thoát nước mưa trên đường DT747.

Với việc thiết kế hệ thống thu gom nước mưa trên khắp bề mặt diện tích Công ty đảm bảo cho việc thu gom từ mọi điểm, tránh ngập úng cục bộ. Mặt khác lợi dụng địa hình và thiết kế hệ thống mương dẫn với độ dốc thích hợp, đảm bảo cho chế độ tự chảy, tránh ngập úng và thuận lợi cho tiêu thoát nước mưa nhanh chóng.

Để hạn chế đến mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn theo nước mưa vào môi trường xung quanh, Công ty thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực xung quanh nhà xưởng, kho bãi và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải sinh hoạt và sản xuất trong khu vực Công ty cũng như bên ngoài các đơn vị thuê nhà xưởng (*Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa của Công ty được đính kèm Phụ lục*).

11. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải từ các đơn vị thuê xưởng bao gồm (nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và bồn rửa tay, nước thải sản xuất), nước thải sinh hoạt từ khu nhà nghỉ công nhân và từ khu vực văn phòng Công ty Đông Hòa sẽ được thu gom và đấu

nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Đông Hòa bằng hệ thống đường ống HDPE có đường kính D200mm và cống BTCT D300mm x300mm.

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 135m³/ngày.đêm theo đường ống PVC đường kính Ø140mm chảy ra bể chứa nước dung tích 1.000m³ để sử dụng cho mục đích cho tưới cây, khi bể chứa nước tái sử dụng đầy thì nước thải chảy thoát ra suối Bà Tùng.

1.5.3.4. Hệ thống giao thông

Hiện trạng, hệ thống giao thông nội bộ đã được bê tông hóa hoàn toàn. Gồm 17 tuyến đường nhánh, rộng 6m, mỗi đường dài từ 90-100m kết với trục đường chính (dài 455 mét, rộng 12 mét) dẫn ra đường DT747. Hiện trạng các tuyến đường luôn đảm bảo cho hoạt động của xe PCCC, xe vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất của các nhà xưởng cho thuê.

1.5.3.5. Hệ thống cây xanh

Nhằm tạo cảnh quan chung và góp phần điều hòa vi khí hậu, Công ty đã trồng cây xanh, thảm cỏ hoàn thiện trong khu vực khu đất của cơ sở. Cây xanh được trồng dọc các tuyến đường nội bộ. Tổng diện tích cây xanh khoảng 18.052,6m², chiếm 20,0% tổng diện tích toàn khu đất, đảm bảo theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

Một số hạng mục công trình hiện hữu tại Cơ sở



Hình 1.3. Bên ngoài nhà xưởng



Hình 1.4. Bên trong nhà xưởng



Hình 1.5. Văn phòng điều hành 2



Hình 1.6. Văn phòng cho thuê

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Khu nhà xưởng cho thuê do Công ty TNHH SX TM Đông Hòa làm chủ đầu tư tọa lạc tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật với đầy đủ phân khu chức năng và tổ chức các hệ thống kỹ thuật hạ tầng như giao thông, cấp nước, cấp điện và các hạng mục phụ trợ.

Theo Công Văn số 381/UBND-KTTH ngày 29/11/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH SX TM Đông Hòa có ý kiến:

- Về quy hoạch sử dụng đất: Cơ sở nằm trong quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (SKC); phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương.

- Về môi trường: Chủ đầu tư đủ điều kiện kiểm soát và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các nguồn thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường; do đó, hoạt động sản xuất của Công ty ít tác động đến môi trường xung quanh.

- Về khoảng cách cách ly và đầu nối hạ tầng kỹ thuật: địa điểm tiếp giáp với các Công ty hiện hữu, đầu nối lưới điện quốc gia, không tiếp giáp nhà dân, do đó đảm bảo khoảng cách ly theo quy định và đủ điều kiện đầu nối đồng bộ vào hạ tầng kỹ thuật.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198 m² tại phường Uyên Hưng, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23 tháng 1 năm 2018.

Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Cơ sở theo Đề án BVMT chi tiết đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018 và Công văn số 1954/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư bao gồm Gia công sản xuất cơ khí kim loại, các sản phẩm từ nhựa, các sản phẩm từ gỗ, in ấn bao bì, chiết xuất rượu, lắp ráp bóng đèn Led, làm kho,... Với mục tiêu phát triển của khu nhà xưởng là xây dựng khu nhà xưởng sạch, do vậy chủ đầu tư luôn chú trọng ưu tiên tiếp nhận đầu tư của những Công ty có ngành nghề sản xuất kinh doanh sạch, ít gây ô nhiễm và ít sử dụng nước.

Do đó, Khu nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH SX TM Đông Hòa phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Căn cứ vào Đề án BVMT chi tiết nhà máy sản xuất gạch tuynen công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng diện tích 73.198m² tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018. Hiện trạng, các nội dung **không thay đổi** so với thời điểm cấp phép. Vì vậy, căn cứ vào Phụ Lục X của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 Chủ cơ sở không phải đánh giá lại.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

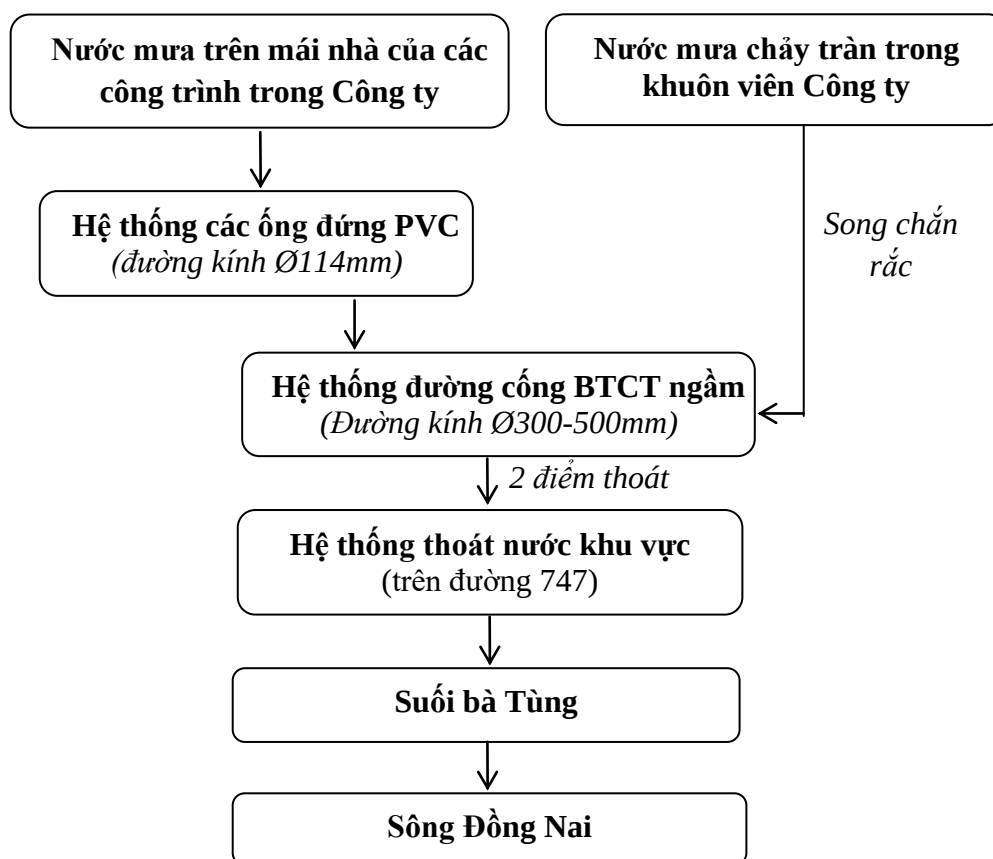
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công trình thu gom, thoát nước mưa đã được Công ty hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành, hiện trạng hệ thống vẫn hoạt động tốt. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom nước thải.

Toàn bộ nước mưa trong khu vực Công ty sau khi được thu gom vào hệ thống thu gom nội bộ sẽ được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực trên đường DT747, sau đó chảy vào suối Bà Tùng và cuối cùng đổ vào sông Đồng Nai, cụ thể:

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu và các đường ống nhựa PVC Ø114mm. Sau đó cùng với nước mưa chảy tràn trên các tuyến đường nội bộ chảy vào các cống BTCT ngầm có đường kính từ D300 – 500mm bố trí ngầm dọc 2 bên các tuyến đường nội bộ. Rồi tiếp tục chảy thoát ra đường

cống thoát nước mưa khu vực trên đường ĐT747, thoát ra suối Bà Tùng và cuối cùng ra sông Đồng Nai.

Dọc theo các tuyến cống thu gom nước mưa, khoảng cách từ 10 - 30m được 1 bố trí hố ga BTCT có kích thước (D x R x L) = 500mm x 500mm x 500mm và 600mm x 600mm x 600mm để làm vệ sinh, nạo vét cát lắng đọng đảm bảo nước mưa được khơi thông dòng chảy, ngăn ứ đọng nước trong toàn tuyến ống.

Số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa: Gồm 2 điểm cách nhau khoảng 12m, được bố trí ngay phía trước cổng Công ty tiếp giáp đường ĐT747. Vị trí tọa độ điểm thoát nước mưa (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°):

+ Điểm thứ nhất (NM1): có tọa độ X (m): 1226339; Y(m): 612227.

+ Điểm thứ hai (NM2): có tọa độ X (m): 1226323; Y(m): 612233.

(Bản vẽ thu gom, thoát nước mưa tổng thể của cơ sở được đính kèm ở phần phụ lục bản vẽ của báo cáo).

Bảng 3.1. Khối lượng công trình thu gom, thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT Ø300mm	m	3.800
2	Cống BTCT Ø500mm	m	874
3	Hố ga BTCT	cái	200
4	Cửa xả	cái	2

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024



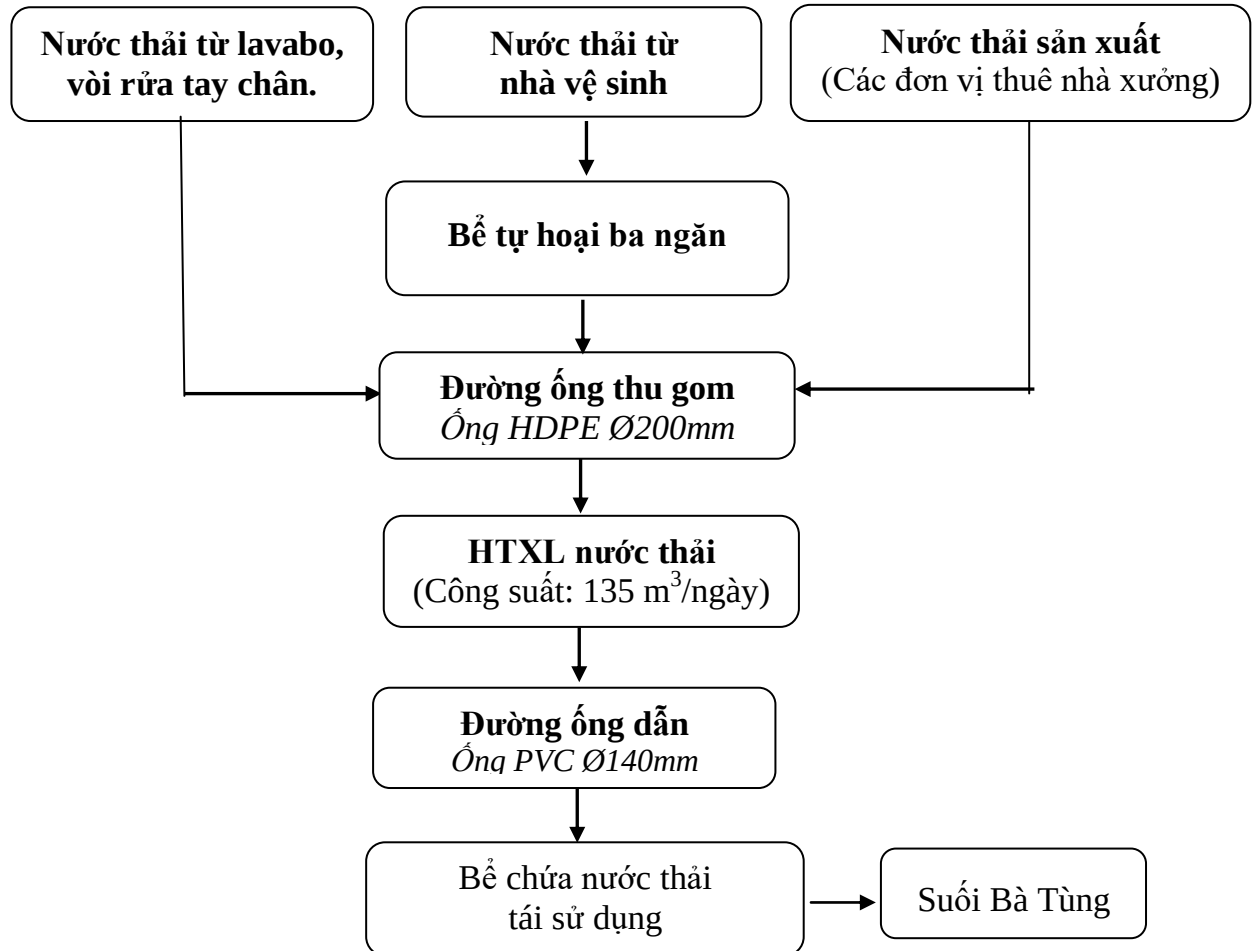
Ống thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng

Hệ thống hố ga và công thu nước mưa

Hình 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa hiện hữu tại Cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải của cơ sở được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Gồm 2 loại nước thải là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Cơ sở như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Các nguồn nước thải phát sinh tại Công ty gồm:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh tại khu văn phòng, nhà xưởng, khu nhà ở công nhân được xử lý sơ bộ bằng 24 bể tự hoại (mỗi bể có dung tích từ 3 đến 21,5m³/bể.) sau đó cùng với nước thải phát sinh từ nhà ăn, nước thải rửa tay chân,.. theo các đường ống HDPE đường kính D200mm và đường cống BTCT D300 x 300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để được xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà xưởng cho thuê, được thu gom bằng đường ống HDPE đường kính D200mm và đường cống BTCT D300 x 300mm, bố trí dọc phía sau các nhà xưởng và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 135 m³/ngày để xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 3.2. Bảng thống kê mạng lưới thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE đường kính D200mm	m	762
2	Cống BTCT D300mm x 300mm	m	345
3	Hố ga BTCT	cái	35

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải:

- *Theo hiện trạng:* Nước thải tại Hệ thống XLNT sau khi xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) sẽ theo đường ống PVC đường kính D140mm, chiều dài 15m chảy vào bể chứa nước có dung tích 1000m³ được tận dụng để tưới cây. Theo ghi nhận từ thời điểm hoạt động cho đến nay lượng nước thải tại công ty phát sinh rất ít từ khoảng 20 – 30m³/ngày, trong khi nhu cầu nước tưới cây khoảng 54m³/ngày nên hầu hết toàn bộ nước thải sau xử lý đều được Công ty Đông Hòa tái sử dụng cho mục đích tưới cây mà không xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- *Theo đề xuất:* Lưu lượng nước thải đề xuất cấp phép 135m³/ng.đ (theo công suất thiết kế HTXLNT). Để phòng ngừa khi lượng nước thải phát sinh lớn hơn nhu cầu nước tưới cây, Công ty đề xuất nước thải của cơ sở sau khi xử lý được tận dụng để tưới cây. Khi bể chứa nước thải tái sử dụng đầy thì nước thải sẽ được dẫn thoát vào suối Bà Tùng theo đường ống dẫn HDPE D200 dài khoảng 450m ra đường thoát nước trên đườn DT747 (Chỉ xả thải khi bể chứa nước thải dung tích 1000m³ đầy).

- **Điểm xả nước thải sau xử lý:** gồm 1 điểm tiếp giáp với trên đường DT747. Tọa độ vị trí đầu nổi nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰): X (m) = 1.226.193; Y(m) = 612.205

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bà Tùng → sông Đồng Nai.

+ Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Bà Tùng (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực Bình Dương: 105⁰45', múi chiếu 3⁰) là X = 1.226.074; Y = 612.205, tại phường Uyên Hưng, TP Tân Uyên, Bình Dương.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất xin phép: 135 m³/ngày đêm.

+ Vị trí xả nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở là hệ thống thoát nước chung trên đường DT747 trước khi thoát vào suối Bà Tùng sau đó dẫn về sông Đồng Nai.

3.1.3. Xử lý nước thải:

Gồm công trình xử lý sơ bộ và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải

Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung.

Công ty đã xây dựng 24 bể tự hoại có dung tích mỗi bể từ 3 đến 21,5m³/bể. Vị trí các hầm tự hoại được đặt âm dưới đất tại khu văn phòng, xưởng sản xuất, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân,... Cụ thể:

Bảng 3.3. Kích thước các bể tự hoại tại Công ty

STT	Vị trí công trình	Kích thước (dài x rộng x cao)	Số lượng (cái)
1	Khu nhà xưởng, nhà kho (1bể/ xưởng)	3m x 2m x 2m	19
2	Khu văn phòng điều hành	3,5m x 2,5m x 2m	2
3	Văn phòng cho thuê	2m x 1m x 1,5m	1
4	Khu nhà ở công nhân	4,3m x 2,5m x 2m	2
	Cộng		24

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024.

Đánh giá: Hiện nay các bể tự hoại vẫn hoạt động tốt, không có hiện tượng nghẽn tắc hay quá tải. Định kỳ Công ty thuê đơn vị có chức năng xử lý hút hầm tự hoại, tần suất 6 -12 tháng/lần.

3.1.3.2. Công trình xử lý nước thải tập trung

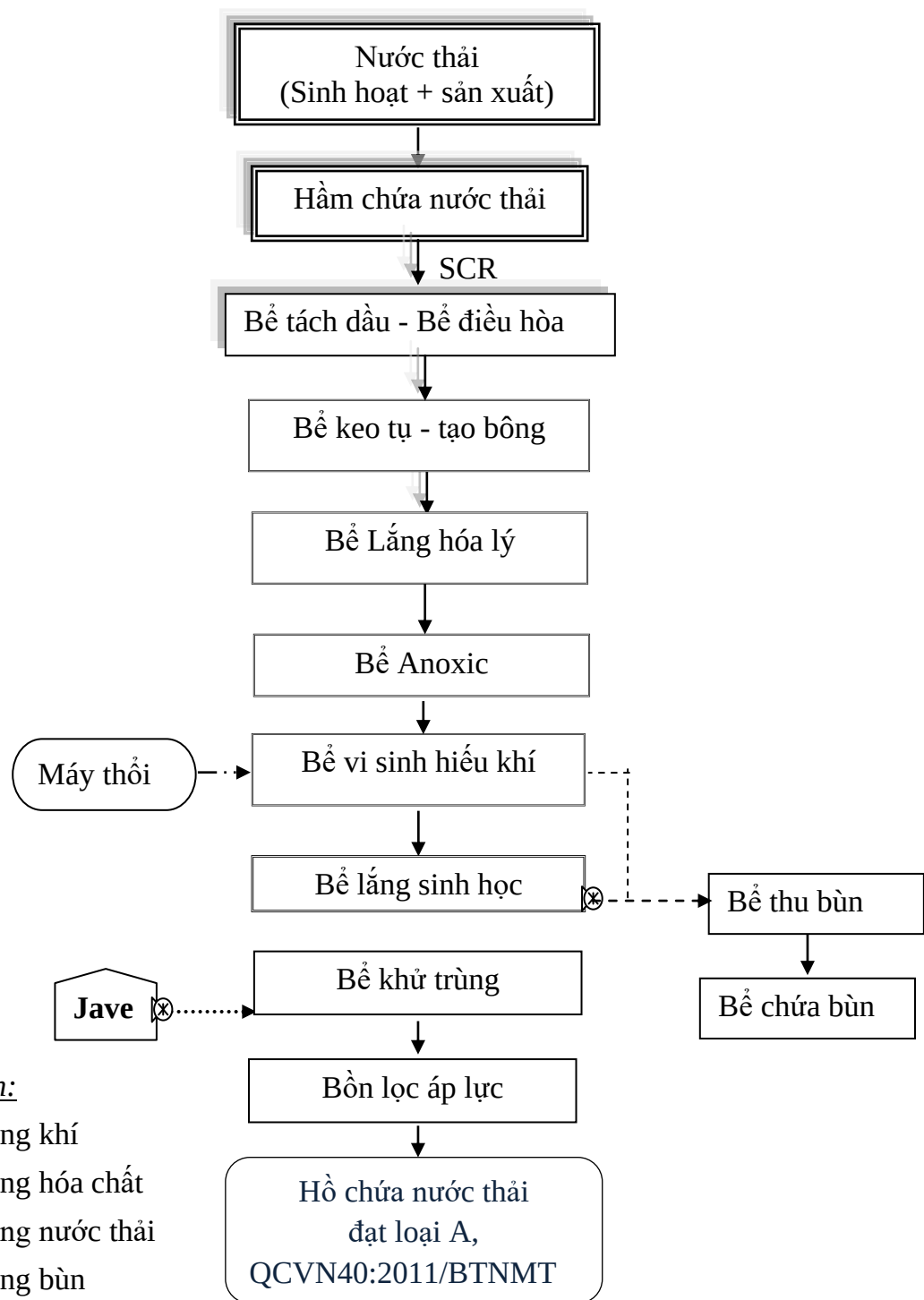
1/ Quy mô, công suất:

- Công suất thiết kế: 135m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Sử dụng công nghệ xử lý thiếu khí kết hợp hiếu khí.

- Yêu cầu chất lượng nước thải sau xử lý: đạt Quy chuẩn QCVN40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

2/ Quy trình công nghệ:



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

*** Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải:**

Sau khi nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất đầu nối vào hệ thống thu gom, nước thải sẽ được dẫn về hệ thống xử lý. Công trình xử lý nước thải bao gồm một số hạng mục sau:

- **Bể tách dầu - Bể điều hòa:** Nước thải theo đường ống chảy vào ngăn tách dầu trước khi vào hệ thống XLNT. Tại đây, dầu và vẩn nổi nhẹ hơn nên nổi lên phía trên bề mặt, lượng dầu này sẽ định kỳ được công nhân vận hành vớt bỏ

vào bể chứa bùn để đem đi xử lý riêng. Sau khi qua ngăn tách dầu nước thải chảy vào ngăn điều hòa.

Bể có chức năng vừa thu gom nước thải vừa điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi đưa vào cụm bể xử lý. Điều hòa lưu lượng là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo, giảm kích thước và vốn đầu tư xây dựng các công trình tiếp theo. Các lợi ích của việc điều hòa lưu lượng là: Nâng cao quá trình xử lý sinh học do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng, pH có thể được trung hòa và ổn định;

- **Bể keo tụ - tạo bông:** Tại bể keo tụ, hóa chất keo tụ được châm vào để hòa trộn với nước thải. Chất keo tụ giúp làm mất ổn định các hạt có tính keo và kích thích chúng kết dính với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các bông cặn có kích thước lớn hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả của bể lắng sơ cấp phía sau.

- **Bể lắng hóa lý:** Bể lắng hóa lý được thiết kế đặc biệt có tác dụng tạo môi trường tĩnh cho bông cặn lắng xuống. Với thiết kế có hệ thống cào bùn tự động giúp thu gom bùn về hố bùn và bùn dư được bơm về bể nén bùn theo định kỳ.

- **Bể Anoxic:** Là quá trình được thiết kế dùng nitrat được sinh ra bởi vi khuẩn tùy nghi phân hủy trong khu vực thiếu oxy. Quá trình đầu tiên trong xử lý nước thải là chảy qua vùng thiếu oxy ở đây phân hủy N và P tạo thành bùn bơm về bể lắng sau đó chảy tới khu vực hiếu khí

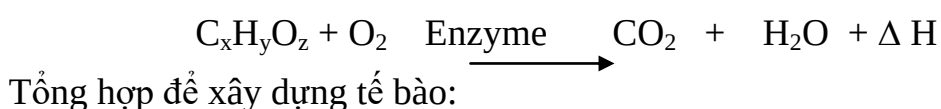
- **Bể vi sinh hiếu khí:** Nước sau khi đi vào bể điều hòa sẽ được đưa vào bể vi sinh hiếu khí. Các vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Các hợp chất hữu cơ và một số khoáng chất làm nguồn dinh dưỡng và tạo năng lượng. Trong quá trình dinh dưỡng, chúng nhận các chất dinh dưỡng để xây dựng tế bào, sinh trưởng và sinh sản vì thế sinh khối của chúng được tăng lên. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ nhờ vi sinh vật gọi là quá trình oxy hóa sinh hóa. Phương pháp xử lý sinh học có thể thực hiện trong điều kiện hiếu khí (với sự có mặt của oxy) Phương pháp xử lý sinh học có thể ứng dụng để làm sạch hoàn toàn các loại nước thải chứa chất hữu cơ hoà tan hoặc phân tán nhỏ. Do vậy phương pháp này thường được áp dụng sau khi loại bỏ các loại tạp chất thô ra khỏi nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao.

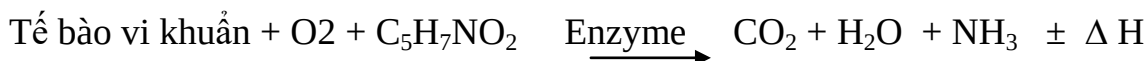
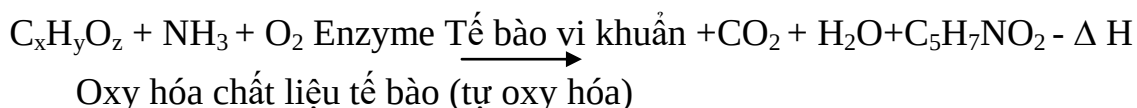
Quá trình xử lý sinh học gồm các bước:

- Chuyển hoá các hợp chất có nguồn gốc cacbon ở dạng keo và dạng hoà tan thành thể khí và thành các vỏ tế bào vi sinh.

- Tạo ra các bông cặn sinh học gồm các tế bào vi sinh vật và các chất keo vô cơ trong nước thải. Loại các bông cặn ra khỏi nước thải bằng quá trình lắng.

Quá trình Oxy hóa các chất hữu cơ trong bể hiếu khí như sau :





Bể được lắp đặt các giá thể vi sinh dính bám để tăng hiệu quả loại bỏ các chất ô nhiễm tại đây. Để giữ cho bùn hoạt tính ở trạng thái lơ lửng và đảm bảo vi sinh vật sử dụng trong quá trình phân hủy chất hữu cơ thì không khí được cấp vào bể đầy đủ và liên tục thông qua hệ thống đĩa phân phối khí từ 2 máy thổi khí. Nước thải sau khi qua bể sinh học hiếu khí sẽ được đưa vào bể lắng.

- **Bể lắng sinh học:** Sau quá trình xử lý sinh học tại bể sinh học hiếu khí, nước thải theo máng thu nước tiếp tục chảy sang bể lắng. Tại bể lắng sinh học, phần cặn được tập trung vào hố thu bùn ở đáy bể và sau đó sẽ được bơm bùn theo định kỳ, một phần bùn được bơm tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí, bể điều hòa kỵ khí và phần còn lại tới bể chứa bùn.

- **Bồn lọc áp lực:** Nước thải sau bể lắng được bơm qua bồn lọc áp lực có chứa các lớp lọc như sạn, cát, và than. Các chất lơ lửng và chất hữu cơ còn lại trong nước sẽ được loại bỏ tại các lớp lọc này.

- **Bể thu bùn:** Bùn từ bể lắng, cặn từ bồn lọc được bơm về bể thu bùn để được tách nước.

- **Bể chứa bùn:** Bùn từ bể chứa trung gian được đưa về bể chứa bùn định kỳ xử lý.

- **Bể khử trùng:** Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 10^5 - 10^6 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi sinh vật gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài có khả năng gây bệnh. Tại đây hóa chất Javen sẽ được cho vào bể, nhằm mục đích tiêu diệt vi khuẩn và mùi hôi còn lại trong nước, hóa chất Javen có tính chất oxy hóa mạnh sẽ khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật và gây phản ứng với men bên trong của tế bào vi sinh vật làm phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến tế bào vi sinh vật bị tiêu diệt.

- **Hồ chứa nước thải sau xử lý:** Sau khi xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, loại A. Nước thải được đưa vào hồ chứa nước (bể PCCC). Nước trong hồ được tái sử dụng để tưới cây và tưới đường.

3/ Các thông số cơ bản của từng hạng mục công trình xử lý nước thải

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật cơ bản của các công trình xử lý

TT	Hạng mục	Thể tích (m ³)	Kích thước (dài x rộng x cao), m
1	Hầm chứa nước thải	12,5	2m x 2,5m x 2,5m
2	Bể tách dầu - Bể điều hòa	43,75	3,5m x 5,0m x 2,5m
3	Bể keo tụ - tạo bông	14,0	2,0m x 2,0m x 3,5m

4	Bể lắng hóa lý	23,66	2,6m x 2,6m x 3,5m
5	Bể Anoxic	28,5	2,0m x 4m x 3,5m
6	Bể vi sinh hiếu khí	50,4	3,6m x 4m x 3,5m
7	Bể lắng sinh học	23,66	2,6m x 2,6m x 3,5m
9	Bể thu bùn	8,05	1,0m x 2,3m x 3,5m
10	Bể chứa bùn	7,1	1,3m x 2,3m x 3,5m
11	Bể khử trùng	10,5	1,0m x 3m x 3,5m

Nguồn: Bản vẽ công trình hệ thống XLNT. công suất: 135 m³/ngày – Công ty TNHH SX TM Đông Hòa.

4/ Các thiết bị đã được xây lắp

Các thiết bị, máy móc chính lắp đặt cho Hệ thống được liệt kê ở bảng sau:

Bảng 3.5. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Hầm bơm nước thải				
a	Song chắn rác thô		Việt Nam -gia công	Bộ	1
b	Bơm nước thải	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng: 5-10 m ³ /h Cột áp: 5-7 m Công suất : 0.75 Kw	TAIWAN	Cái	2
2	Bể tách dầu mỡ				
a	Bơm bơm bùn -BB02	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng: 4-5 m ³ /h Cột áp :5 m Công suất : 0.35 kW	TAIWAN	Cái	2
b	Đĩa phân phối khí oxy hòa tan	Phân phối khí tinh Kích thước 100mm	USA TAIWAN	Bộ	1
3	Bể điều hòa				
a	Gia thể vi sinh dính bám	Kiểu khối: Dạng ống Vật liệu: ống PVC Kích thước: =300x300 x400mm Bơm định lượng hóa chất -BHC	Taiwan - Japan	hệ	1
b	Bơm nước thải	Kiểu bơm: dạng bơm chìm	Taiwan -	Cái	2

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
		Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng: 5-6 m ³ /h Cột áp: 5m Công suất: 0.5 kW	Japan		
c	Đĩa phân phối khí oxy hòa tan	Phân phối khí tinh Kích thước 100mm	USA TAIWAN	Bộ	1
4	Bể sinh học hiếu khí tiếp xúc				
a	Đĩa phân phối khí oxy hòa tan	Phân phối khí tinh Kích thước 100mm	USA TAIWAN	Bộ	1
b	Máy thổi khí bể sinh học hiếu khí tiếp xúc	<u>Thông số kỹ thuật:</u> Kiểu:Root Nguồn điện: 3 pha/380V/50Hz Mô tơ: 5Hp Công suất: 2 m ³ / min Cột áp : 3.0 m <u>Cung cấp bao gồm :</u> 01 bộ gồm đầu thổi khí, Silencel, check valve, bộ chân đế, Pully, V-bell, belt cover, đồng hồ.	Anlet-Japan	Cái	2
c	Gía thể vi sinh dính bám	Kiểu khối: Dạng ống Vật liệu: ống PVC Kích thước: L x W x H=300 x300 x400mm	Việt Nam	hệ	1
b	Bơm nước tuần hoàn	Kiểu bơm: dạng trục ngang Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng: 5-6 m ³ /h Cột áp: 5m Công suất : 0.75 kW	Taiwan	Cái	2
5	Bể lắng bùn sinh học				
a	Ống lắng trung tâm		Việt Nam-gia công	Bộ	1
b	Máng răng cưa thu nước -Inox		Việt Nam-gia công	Bộ	1
c	Bơm bùn sinh học	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng : 2-3 m ³ /h Cột áp :5 m Công suất : 0.35 kW	Taiwan	Cái	1

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
6	Hệ lọc áp lực				
a	Bơm lọc - BL05	Kiểu bơm: dạng bơm trục ngang Điện 3 pha / 380V / 50 Hz Lưu lượng : 5-10 m ³ /h Cột áp : 10m Công suất : 1.5 kW	Taiwan	Bộ	2
b	Bồn lọc áp lực -BLA-BLB	Kích thước: D=0.5m ; H=2.0m Vật liệu : Bình composite Vật liệu : cát thạch anh + sạn 3-4mm Kích thước : d = 0.8-1.2mm; Bề dày lớp cát: H: 300mm	Việt Nam -gia công	Bộ	1
7	Hệ hóa chất				
a	Bồn pha chế hóa chất	Vật liệu : PVC V =300-500lít + gia công đế sắt	VN	Cái	3
b	Bơm định lượng hóa chất -BHC	Dạng : Bơm màng Điện 1 pha/380V/50Hz Công suất = 20-30 lít/h Đầu bơm: PVC.	Taiwan - Japan	Cái	2
8	Hệ thống điện-điện điều khiển	Hệ thống điện động lực Tủ điện: thép phủ sơn tĩnh điện, dày 2mm <u>Vật tư cho tủ điện</u> Điện động lực dẫn đến các thiết bị và các phụ kiện Contactor Rơ le trung gian Bảo vệ mất pha Đèn báo	Việt Nam - Japan	Hệ	1
9	Hệ thống đường ống và phụ kiện trong khu vực xử lý	- Ống dẫn nước, bùn : PVC 6 bar - Ống dẫn khí : STK 6 bar - Ống dẫn hóa chất : PCV 6 bar	Việt Nam-Taiwan	Hệ	1

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Một số hình ảnh thực tế của công trình xử lý nước thải.



Hình 3.5. Phòng máy HTXLNT



Hình 3.6. Bể tách dầu và bể điều hòa



Hình 3.7. Bể sinh học hiếu khí



Hình 3.8. Bể lắng



Hình 3.9. Bồn lọc áp lực



Hình 3.10. Máy thổi khí

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

3.2.1. Từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Công ty.

- Các tuyến đường trong phạm vi cơ sở đã được bê tông hóa 100%, mặt đường được quét dọn và vệ sinh hàng ngày giúp giảm được lượng bụi phát sinh.

- Tại Công ty đã trồng cây xanh: Giúp giảm thiểu bụi phân tán ra khu vực xung quanh, cách thức và số lượng cây trồng như sau:

+ Loại cây trồng: cây có tán.

+ Cách thức trồng: được trồng dọc 2 bên đường nội bộ, khuôn viên cây xanh, hành lang an toàn đường bộ, xung quanh nhà xưởng, công trình phụ trợ,...với cách thức trồng cách hàng 1m, cây cách cây 1m.

+ Kích thước cây: cây cao khoảng 5-15m, đường kính 10-30cm, cây đã được trồng từ 5-18 năm.

+ Chăm sóc tưới nước: Công ty sử dụng xe bồn để tưới cây, tưới chủ yếu vào mùa nắng với tần suất tưới 2 lần/ngày.

- Khi các xe lưu thông trong khuôn viên Công ty cần giảm tốc độ theo Quy định từ 20-30km/h.

- Quy định xe ra nhà máy vào trực tự, không rò ga, nẹt pô xe.



Hình 3.11. Mặt đường đã bê tông hóa



Hình 3.12. Cây xanh tại khu vực cơ sở

3.2.2. Bụi, Khí thải tại khu vực nhà xưởng của các đơn vị thuê xưởng

Các đơn vị thuê nhà xưởng, nhà kho tự chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện các công trình xử lý các nguồn bụi, khí thải ngay tại xưởng thuê. Trách nhiệm của các của các doanh nghiệp thuê xưởng như sau:

- Thực hiện các thủ tục môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường như lập báo cáo ĐTM (hoặc giấy phép môi trường), báo cáo công tác bảo vệ môi trường...

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn như trong báo cáo ĐTM hoặc giấy phép môi trường được phê duyệt bởi cơ quan chức năng về môi trường.

- Các doanh nghiệp thuê xưởng sẽ cam kết khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ, tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 26,27:2010/BTNMT - Quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung.

3.2.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

Công ty đã đầu tư 1 máy phát điện dự phòng công suất 100 KVA để phục vụ cho khu văn phòng Công ty. Máy phát điện không hoạt động thường xuyên, chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố về điện, hiện trạng máy vẫn hoạt động tốt. Các công trình, biện pháp đã thực hiện:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng máy riêng biệt có cách âm và có ống dẫn khí.

- Tại các cửa cấp và hút gió (miệng thông gió) được bố trí các tấm chắn với vật liệu tiêu âm nhằm giảm độ ồn đến mức cho phép. Miệng cấp và hút gió được bố trí ở những vị trí thích hợp để không gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận. Các ống dẫn từ phòng đặt máy đến các miệng cấp và hút gió cũng được gắn các vật liệu tiêu âm và thiết kế chống rung nhằm giảm thiểu mức ồn đến thấp nhất.

- Định kỳ 3 tháng/lần Công ty bảo dưỡng máy phát điện, tra dầu, bôi trơn linh kiện.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty

HTXL nước thải của Công ty được bố trí tại khu vực cách biệt, nằm phía tây cuối khu đất. Vì vậy từ lúc đi vào hoạt động đến nay chưa nhận được phản ánh về vấn đề phát sinh mùi khó chịu từ các đơn vị xung quanh cũng như của công nhân, nhân viên làm việc tại các nhà xưởng trong khu vực Công ty. Hiện trạng, các biện pháp công ty đang thực hiện để hạn chế việc phát tán mùi hôi phát tán ra xung quanh cụ thể như sau:

- Trồng cây xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm che chắn, hạn chế phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh, với cách thức trồng cây cách cây 1m, hiện trạng cây cao khoảng 5-12m, có đường kính 10-20cm, tuổi cây từ 1-6 năm hàng ngày được Công ty tưới nước với tần suất tưới 2 lần/ngày vào ngày nắng.

- Thực hiện che chắn các bể có khả năng phát sinh mùi hôi (bằng phương án che kín các bể có khả năng phát sinh mùi hôi) từ quá trình xử lý nước thải.

- Khu vực đã được cách ly bằng các tấm tone trên khung thép tại hàng rào ở các hướng gió chính nhằm chặn gió thổi vào khu vực hệ thống xử lý nhằm hạn chế phát tán mùi hôi.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG:

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Công ty bao gồm 2 loại là chất thải rắn sản xuất không nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt.

3.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a/ Đối với các đơn vị thuê xưởng trong Công ty

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại khu nhà xưởng bao gồm rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác vô cơ (túi nilon, vỏ hộp,...). Từng đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom CTR sinh hoạt riêng. Sau mỗi ngày làm việc nhân viên vệ sinh của từng xưởng sẽ thu gom, tập trung CTR về thùng rác chung dung tích 240 lít đã được Công ty Đông Hòa bố trí sẵn trước các nhà xưởng để được thu gom và đưa đi xử lý. Công ty Đông Hòa đảm nhận trách nhiệm, đại diện ký Hợp đồng thu gom, xử lý chung cho các đơn vị.

b/ Đối với chủ cơ sở hạ tầng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại văn phòng điều hành, tại khu nhà ở công nhân bao gồm rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác vô cơ (túi nilon, vỏ hộp,...). Với khối lượng:

+ Theo hiện trạng: khoảng 52kg/ngày (định mức theo QCVN 01:2021/BXD khoảng 1kg/người/ngày; Số lượng 52 người gồm văn phòng 20 người và khu nhà ở công nhân 32 người), tương đương 16.244 kg/năm.

+ Khối lượng phát sinh tối đa: khoảng 70kg/ngày (định mức theo QCVN 01:2021/BXD khoảng 1kg/người/ngày; Số lượng 308 người gồm văn phòng 20 người và khu nhà ở công nhân 288 người), tương đương 96.096 kg/năm.

Bảng 3.6. Tổng hợp khối lượng CTR sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Đơn vị	Hiện trạng	Khối lượng tối đa
1	Chất thải sinh hoạt	Kg/năm	16.244	96.096

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024

- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng HDPE 240 lít có nắp đậy kín đặt tại nhà bảo vệ, khu văn phòng, nhà ăn, khu nhà xưởng và khu nhà công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt. Tổng 40 thùng.

+ Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng rác tại khu vực văn phòng, nhà ăn, xung quanh khu vực sản xuất để thu gom rác thải sinh hoạt. Cuối ngày được công nhân vệ sinh thu gom về khu vực tập kết chất thải đặt tại khu vực lưu chứa có mái che diện tích 50m² để thuận tiện cho việc thu gom, đưa đi xử lý.

f/ Đơn vị thu gom, xử lý chất thải:

- Đơn vị thu gom, xử lý: CN xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương.

- Địa chỉ: 11, Ngõ Văn Trị, P/ Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.

- Hợp đồng: số 2004-RSH/HĐ-KT/23 ngày 21/10/2023 về thu gom, vận chuyển và rác sinh hoạt. (Đính kèm Hợp đồng ở phần phụ lục).

- Tần suất thu gom 2 lần/tuần.



Hình 3.13. Thùng chứa rác sinh hoạt

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a/ Đối với các đơn vị thuê xưởng

CTR công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất sẽ do từng đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom và có kho lưu chứa riêng và có hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Cụ thể, từng biện pháp quản lý lưu trữ và xử lý sẽ được thể hiện trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị đó. Công ty Đông Hòa đảm nhận trách nhiệm, đại diện ký Hợp đồng thu gom, xử lý chung cho một số đơn vị thuê xưởng.

b/ Đối với chủ cơ sở hạ tầng

- *Nguồn phát sinh và thành phần*: từ hoạt động sinh hoạt tại khu văn phòng gồm giấy văn phòng, bao bì giấy thải và bao bì nhựa thải.

- *Khối lượng*: Căn cứ vào khối lượng phát sinh thực tế của Công ty được tổng hợp của năm 2023 và năm 2024. Báo cáo đề xuất khối lượng phát sinh tối đa như sau:

Bảng 3.7. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		
				Năm 2023	Năm 2024	Khối lượng tối đa
1	Giấy, bao bì giấy carton thải	18 01 05	TT-R	28	19	100
2	Bao bì nhựa thải (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	18 01 05	TT-R	-	32	100
TỔNG KHỐI LƯỢNG				28	51	200

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

c. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- *Thiết bị lưu chứa*: Đã trang bị 2 thùng chứa bằng nhựa HDPE loại 240 lít có nắp đậy kín, dán nhãn đề thu gom.

- *Khu vực lưu chứa*:

+ Diện tích kho lưu chứa: 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho bằng gạch tô, có mái che, nền được gia công bằng bê tông chống thấm, có cửa ra vào bằng thép có chốt khóa. Kho lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

d. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải:

- Đơn vị thu gom, xử lý: CN xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương.

- Hợp đồng: số 2259-RSH/HĐ-KT/23 ngày 16/11/2023 về thu gom, xử lý chất thải công nghiệp. (Đính kèm Hợp đồng ở phần phụ lục).

- Tần suất thu gom 3 tháng/lần.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

- *Đối với các đơn vị thuê xưởng*

Chất thải rắn nguy hại của các cơ sở đang hoạt động trong khu nhà xưởng sẽ do từng đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom

riêng và có hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Cụ thể, từng biện pháp quản lý lưu trữ và xử lý sẽ được thể hiện trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị đó. Công ty Đông Hòa đảm nhận trách nhiệm, đại diện ký Hợp đồng thu gom, xử lý chung cho một số đơn vị thuê xưởng.

- *Đối với chủ cơ sở hạ tầng*

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động chiutừ nhà máy xử lý nước thải tập trung và từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của Công ty.

- *Khối lượng và thành phần chất thải:*

Căn cứ vào khối lượng thông kê năm năm 2023 và năm 2024. Báo cáo đề xuất khối lượng phát sinh tối đa như sau:

Bảng 3.8. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		
					Năm 2023	Năm 2024	Khối lượng tối đa
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	15	120	200
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	1.500	1.300	3.000
3	Cặn sơn chứa dung môi hữu cơ thải	08 02 01	TT	Rắn	600	0	2.000
4	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	18 01 01	KS	Rắn	2.070	490	3.000
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm CTNH	18 01 02	KS	Rắn	0	0	500
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm CTNH	18 01 03	KS	Rắn	0	0	300
7	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	NH	Rắn	0	0	30
8	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	0	0	200
9	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	KS	Rắn	0	0	20
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	NH	Lỏng	0	0	300
11	Bùn thải từ HTXL nước thải	12 06 05	KS	Rắn	0	0	200
TỔNG KHỐI LƯỢNG					4.185	1.910	9.750

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, năm 2024

3. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty đã thực hiện phân loại, thu gom vào các thùng chứa, dán mã quản lý chất thải và lưu giữ tại khu vực CTNH. Các phương tiện, thiết bị lưu chứa đã thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với CTNH như:

- *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị 11 thùng chứa bằng nhựa HDPE có nắp đậy (thể tích mỗi thùng 240 lít) và các bao chứa 25kg (chứa bùn thải) có nắp đậy. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

- *Kho lưu chứa:*

+ Diện tích: 60m².

+ Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Hiện trạng kho được xây bằng tường gạch và tôn, có mái che, nền đổ bê tông, có bố trí mương thu gom chất thải tràn đổ, mái tôn, xà gồ bằng thép tráng kẽm. Có cửa ra vào, có dán bảng phân khu vực. Kho chứa chất thải được đắp nền cao và được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy (bình bột CO₂) và có các vật liệu hấp thụ (cát khô/mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Kho lưu chứa CTNH tại Công ty đã đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống chữa cháy,..) Chất thải nguy hại được định kỳ chuyên giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

d. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải:

- Đơn vị thu gom, xử lý: CN xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương.

- Mã QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

- Hợp đồng: số 2259-RSH/HĐ-KT/23 ngày 16/11/2023 về thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*Đính kèm Hợp đồng ở phần phụ lục*).

- Tần suất thu gom 3 tháng/lần.



Hình 3.14. Kho lưu chứa chất thải nguy hại

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

a/ Đối với các đơn vị thuê xưởng

Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của các cơ sở đang hoạt động trong khu nhà xưởng sẽ do từng đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm quản lý và có biện pháp giảm thiểu phù hợp theo quy định. Các biện pháp phổ biến đang được áp dụng tại các nhà máy như sau:

- Định kỳ hàng ngày kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị, kiểm tra độ mài mòn chi tiết và thay thế chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Định kỳ từ 1-3 lần/tháng tùy theo đặc tính của từng loại máy móc sẽ được bảo trì bảo dưỡng, duy tu các thiết bị, tra dầu mỡ vào các khớp động cơ để giảm tiếng ồn phát sinh.

- Xây dựng chân đế của máy móc gây ồn vững chắc.

b/ Đối với chủ cơ sở hạ tầng

- *Nguồn phát sinh:*

- + Khu vực hệ thống xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

- + Khu vực máy phát điện dự phòng.

- *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn*

Hiện nay, Công ty đang áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung như sau:

- + Khu vực xử lý nước thải tập trung được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng và ngăn cách với các khu vực khác. Tiếng ồn tạo ra được giảm thiểu bằng tường nhà che chắn và ở một khoảng cách nhất định sẽ giảm thiểu được tác động cộng hưởng.

- + Các máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và chống rung.

- + Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ từ 1-3 lần/tháng tùy theo đặc tính của từng chi tiết thiết bị và sửa chữa khi cần thiết (ví dụ: thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc thiết bị hư hỏng,...).

- + Máy phát điện không hoạt động thường xuyên, chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố về điện phục vụ cho khu văn phòng và để duy trì hoạt động liên tục của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ 3 tháng/lần Công ty bảo dưỡng máy phát điện, tra dầu, bôi trơn linh kiện và máy được lắp đặt trong khu vực riêng, có cách âm.

- + Công ty đã trồng cây xanh xung quanh khu vực xử lý nước thải và 2 bên đường nội bộ, ngoài tác dụng không chế ô nhiễm bụi, còn giúp giảm thiểu tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

- + Định kỳ Công ty thực hiện giám sát tiếng ồn khu vực xung quanh khoảng 3 tháng/lần.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH SX TM Đông Hòa chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và các kịch bản ứng phó sự cố đối với các sự cố từ các công trình xử lý chất thải tại cơ sở để có phương án ứng phó tương ứng và kịp thời;

Sau khi hoàn thành, cơ sở cam kết công khai Kế hoạch ứng phó sự cố tại UBND thành phố Tân Uyên, UBND phường Uyên Hưng và thông báo cho UBND Phường các nguy cơ về sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh.

Công ty Đông Hòa chịu trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 và khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đối với sự cố vượt quá khả năng ứng phó, cơ sở sẽ kịp thời báo cáo UBND phường Uyên Hưng và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Một số phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cơ sở đã xây dựng như sau:

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó môi trường có thể xảy ra đối với các công trình bảo vệ môi trường.

3.6.1.1. Phân cấp sự cố và các kịch bản, phương án ứng phó

Để có phương án ứng phó các sự cố thường xảy ra tại Cơ sở, Công ty tiến hành phân loại, phân cấp các sự cố và đưa ra các kịch bản, phương án ứng phó sự cố (chủ yếu là các sự cố liên quan đến chất thải, nước thải) như sau:

1. Về phân cấp sự cố: Công ty đưa ra 03 cấp như sau:

Sự cố mức độ thấp: gồm sự cố như rò rỉ, tắc nghẽn các đường ống thu gom nước thải, sự cố về hư hỏng thiết bị sự cố có thể khắc phục nhanh → Phương án ứng cứu sự cố theo **Kịch bản 1**.

Sự cố mức độ trung bình là sự cố có quy mô lớn hơn, như vỡ đường ống thu gom nước thải → Phương án ứng cứu sự cố theo **Kịch bản 2**.

Sự cố mức độ cao là sự cố có phạm vi ảnh hưởng lớn hơn, phạm vi ảnh hưởng có thể vượt ra ngoài ranh giới của Cơ sở → Phương án ứng cứu sự cố theo **Kịch bản 3**.

a. Quy trình chung khi xử lý tính huống sự cố khẩn cấp

- Sau khi phát sinh tình huống khẩn cấp, trước tiên nhân viên tổ ứng phó báo cáo cho đội trưởng đội ứng phó, căn cứ vào mức độ sự cố đội trưởng đội ứng phó thực hiện thông báo cho đội ứng phó và xử lý khẩn cấp, áp dụng các biện pháp ứng phó và ghi vào bảng ghi chép thông báo ứng phó khẩn cấp.

- Nếu sự cố phát sinh mang tính cục bộ: Đội ứng phó sự cố của Công ty sẽ tự xử lý, sau khi hoàn tất công tác khắc phục sẽ thực hiện báo cáo rút kinh

nghiệm.

- Nếu sự cố phát sinh có quy mô vượt ra ngoài tầm kiểm soát của Công ty: Đội ứng phó sự cố của Công ty sẽ liên hệ báo cáo nhờ sự hỗ trợ của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp huyện và UBND phường Uyên Hưng.

b. Xử lý sau tình huống khẩn cấp

- Sau khi hoàn thành việc ứng phó sự cố khẩn cấp mang tính cục bộ, đội ứng phó sự cố lập báo cáo cho Ban quản lý công ty .

- Nếu đã thông báo sự cố với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp huyện và UBND phường Uyên Hưng, trong vòng 24h sau khi hoàn thành sửa chữa phải thông báo lại tình hình;

- Định kỳ hàng năm cập nhật tính thích hợp của kế hoạch ứng phó, sửa đổi nội dung nếu cần;

- Sau khi phát sinh sự cố, căn cứ bản tiêu chuẩn thao tác các biện pháp phòng ngừa và sửa đổi hệ thống quản lý môi trường số để xử lý;

- Sau khi hoàn thành khắc phục thì phải theo dõi xem có ảnh hưởng đến môi trường hay không, đồng thời có tài liệu ghi chép.

c. Xây dựng ban chỉ huy ứng phó sự cố

 Về mặt nhân sự đội ứng phó:

- Ông Hoàng Việt Hà - Giám đốc Công ty, trưởng Ban ứng phó sự cố.

- Ông: Ngô Tuấn Tiến - Nhân viên vận hành HT XLNT, thành viên .

- Bà: Nguyễn Thị Thương – kế toán, thành viên .

- Ông: Trần Văn Bé, bảo vệ, thành viên.

- Ông : Đào Văn Sơn, bảo vệ, thành viên.

- Ông: Nguyễn Thành Trương, thủ kho, thành viên

 Phân công nhiệm vụ trong đội ứng phó:

- Trưởng ban ứng phó sự cố: có các quyền và trách nhiệm sau:

+ Tổ chức việc xây dựng phương án tác chiến ứng phó phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường;

+ Phân công, giao trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên;

+ Chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố;

+ Bổ nhiệm người chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống;

+ Tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo các cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Đội ứng phó sự cố, cứu nạn: có các quyền và trách nhiệm sau:

- + Huy động toàn bộ đội ứng phó khẩn cấp trong tình huống có sự cố;
- + Hỗ trợ các hoạt động ứng phó bằng toàn bộ nhân lực, trang thiết bị và kỹ năng bảo trì;
- + Giám sát toàn bộ quá trình khắc phục các sự cố của nhóm bảo trì khẩn cấp cho đến khi hệ thống hoạt động trở lại bình thường;
- + Tư vấn cho trưởng ban ứng phó sự cố các hoạt động bảo trì cần thiết cho quá trình ứng phó sự cố.
- + Sơ tán những người không có trách nhiệm ra khỏi khu vực tai nạn, đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng, môi trường an toàn.
- + Trường hợp nếu da hoặc người lao động bị nhiễm nhiều hóa chất, phải rửa sạch người lao động bị tổn thương đó bằng nước sau khi cởi quần áo ra.
- + Phải di chuyển nạn nhân một cách cẩn thận từ nơi nguy hiểm tới nơi an toàn và đặt ở tư thế dễ phục hồi nhất. Nếu người lao động bị bất tỉnh, bị thương không thoát ra được có thể dùng cánh vải hoặc đồ đầu và túm chặt quần áo để đưa ra khỏi vùng nguy hiểm, đến nơi an toàn.
- + Đưa nạn nhân đến trạm y tế gần nhất hoặc gọi xe cấp cứu (trường hợp nguy hiểm gọi 115) để kịp thời cứu chữa.

Nhiệm vụ chung:

Thực hiện các nhiệm vụ dưới tùy theo tình hình thực tế và yêu cầu từ trưởng ban, cụ thể như sau:

- Thông báo thông tin sự cố môi trường theo quy định;
- Huy động lực lượng bảo vệ và PCCC để ứng phó sự cố;
- Di chuyển người và tài sản đến nơi an toàn;
- Tổ chức cứu người bị nạn (nếu có) và điện thoại 115 hoặc chuyển tới nơi trung tâm y tế gần nhất.
- Thông báo đến các doanh nghiệp liên quan để phối hợp và thực hiện ứng phó sự cố.
- Ngăn không cho sự cố môi trường phát tán;
- Biểu thị cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố môi trường, những người không có trách nhiệm không được vào.
- Nếu có sự cố do nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của HTXL nước thải thì phải cử người kiểm tra xác định nước thải phát sinh từ doanh nghiệp nào và có biện pháp khống chế, ngừng nguồn phát sinh nước thải vượt tiêu chuẩn.
- Lập kế hoạch triển khai công tác khắc phục sự cố.

2. Các kịch bản, phương án ứng phó sự cố

a. Kịch bản 1: Phương án xử lý các sự cố mức độ thấp

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống thu gom nước thải

Để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với các hệ thống XLNT, Công ty Đông Hòa đã thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với những máy móc thiết bị thường xuyên bị hỏng như motor, máy bơm nước... Tại mỗi bể xử lý, Công ty bố trí 02 thiết bị (01 thiết bị vận hành, 01 thiết bị dự phòng), 02 thiết bị này chạy luân phiên và nhằm thay thế cho nhau khi cần thiết.

- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.

- Trường hợp phát hiện lưu lượng nước thải giảm bất thường sẽ tiến hành rà soát, yêu cầu các cơ sở kiểm tra cửa xả nước thải xem có xảy ra tình trạng nghẽn đường ống hay không để tiến hành khơi thông đường ống kịp thời.

Khắc phục các sự cố về điện đối với hệ thống xử lý nước thải

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng. Người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác sẽ dẫn đến tai nạn xảy ra. Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.

- Rủi ro do sự rò rỉ điện.

- Để thực hiện công việc bảo trì an toàn nên tuân theo các tiến trình sau:

+ Cử nhân viên bảo trì có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.

+ Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện. Cắm bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa.

Khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc đối với hệ thống XLNT

Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục như sau:

Bảng 3.9. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục

TT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không làm việc	Không có nguồn điện cung cấp đến.	Kiểm tra nguồn điện, cấp điện.
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ ...	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới.

TT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
		- Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	- Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm.	- Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van; Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống. - Mức nước bị cạn. - Nguồn điện cung cấp không đúng. - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay. - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới qui định. - Độ cách điện của bơm giảm quá qui định, < 01MΩ. - Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi,...	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục.

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

Nhằm duy trì các máy móc thiết bị đảm bảo các thiết bị vận hành được ổn định, Công ty trong nhiều năm qua đã thực hiện bảo trì và bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và việc thực hiện này luôn được đảm bảo duy trì trong thời gian tới, như sau:

Bảng 3.10. Chương trình bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị của HTXL

TT	Hình thức bảo trì và bảo dưỡng	Chu kỳ
1	Song chắn rác Vệ sinh song chắn rác	Hàng ngày
2	Các loại bơm: - Vệ sinh thân, cánh và các bộ phận khác trên bơm - Kiểm tra mức dầu - Kiểm tra vỏ bơm - Thay dầu và nút vặn	6 tháng 6 tháng 1 tháng 12 tháng
3	Máy thổi khí	

TT	Hình thức bảo trì và bảo dưỡng	Chu kỳ
	- Kiểm tra dây đai - Kiểm tra mức dầu - Kiểm tra chất làm ô nhiễm bộ lọc và làm sạch nếu cần - Thay dầu - Thay bộ lọc - Kiểm tra van an toàn - Kiểm tra tiếng ồn và độ rung - Lau chùi vệ sinh	Hàng ngày 1 Tháng 1 Tháng 6 tháng 12 tháng Hàng ngày 3 tháng 3 tháng
4	Bơm định lượng hóa chất - Kiểm tra mức dầu - Thay dầu mới (cùng chủng loại) - Bôi dầu mỡ trên trục bơm - Kiểm tra độ rung hay tiếng ồn khi bơm chạy	1 Tuần 6 tháng 3 tháng Hàng ngày
5	Motor khuấy - Kiểm tra mức dầu - Thay dầu - Định kỳ kiểm tra rung động hay tiếng ồn bất thường	1 Tháng 6 tháng Hàng ngày

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

- Chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT cứ sau 06 tháng sẽ được cập nhật.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.

- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.

- Thiết lập và tập huấn cho nhân viên vận hành về phương án ứng cứu sự cố đối với hệ thống XLNT.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT.

b. Kịch bản 2: Phương án xử lý đối với sự cố mức trung bình

🚦 Kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt

Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý không đạt, Công ty đã tiến hành các biện pháp sau:

- Ban quản lý Công ty kết hợp cùng bảo vệ Công ty phát hiện các điểm xả bất thường cũng như lấy mẫu phân tích định kỳ hoặc đột xuất khi có dấu hiệu nghi ngờ. Lập biên bản vi phạm yêu cầu khắc phục đối với các Công ty thành viên. Nếu tái phạm sẽ không tiếp nhận xử lý hoặc thu mức phí cao hơn.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Ban hành quy chế vận hành xử lý nước thải.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm XLNT tập trung.

Bảng 3.11. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Hệ thống thu gom nước thải		
1.1	Nứt vỡ, tràn đổ, rò rỉ nước thải	- Lưu lượng nước vào hệ thống công tăng bất thường. - Song chắn rác bị hư hại, mất chức năng chắn rác. - Nứt hư hại trên đường ống do hệ thống quá cũ, do va đập bên ngoài tác động	- Kiểm tra, giám sát xả thải của khách hàng: lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào, mực nước. - Thiết bị tách rác có bị nghẽn hoặc bị hư hỏng. - Tăng cường kiểm tra giám sát các đường ống thu gom, kiểm tra rò rỉ xung quanh mặt bích.
2	Bể điều hòa		
2.1	Nước thải có nhiều cặn	- Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô - Quá trình sản xuất tạo ra nhiều cặn bã	- Vệ sinh song và lưới tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không. - Hiệu chỉnh quá trình sản xuất.
2.2	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	- Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể.
3	Bể xử lý sinh học		
3.1	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Bùn bị phân hủy yếm khí - Vi sinh bị chết	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể.
3.2	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ)	- Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không.
4	Bể lắng		
4.1	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	- Bể lắng hoạt động không hiệu quả	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào.

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
4.2	Bùn nổi	- Quá trình khử nitrat và phân hủy yếm khí xảy ra tại đáy bể lắng sinh ra khí N ₂ , CH ₄ , NH ₃ và sẽ bám vào các bông bùn hoạt tính và kéo theo bùn nổi lên bề mặt.	- Hút bùn tại đáy bể lắng để tránh gây ra hiện tượng phân hủy yếm khí. - Điều chỉnh quá trình xử lý sinh học tại bể hiếu khí để giảm tới mức tối đa hàm lượng chất hữu cơ (COD) vì đây là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho quá trình khử nitrat hóa.

(Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa, 2024)

Ghi chú: Người vận hành cần phải theo dõi và ghi chép lại các sự cố và biện pháp khắc phục vào nhật ký vận hành hàng ngày để làm tài liệu cho các quá trình vận hành về sau. Nếu phát hiện được sự cố tương tự thì ta có cách giải quyết như lần trước và có hiệu quả tốt để tránh tốn thời gian điều chỉnh để tìm ra nguyên nhân.

** Khi nước thải đầu ra xử lý không đạt theo quy chuẩn cho phép, Công ty có phương án như sau:*

- Thông báo cho các doanh nghiệp trong khu nhà xưởng tạm thời lưu chứa nước thải trong khuôn viên, không xả nước thải về hệ thống thu gom nước thải của Công ty.

- Ngừng ngay việc thải nước thải ra nguồn tiếp nhận khi hệ thống XLNT có sự cố. Thực hiện các biện pháp ứng cứu sự cố đảm bảo nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$) mới xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Tiến hành tuần hoàn nước thải trở tại hồ thu (thể tích 12,5 m³), bể điều hòa (thể tích 44 m³), và tiến hành việc khắc phục sự cố ngay để đưa hệ thống XLNT hoạt động ổn định trở lại (so với lưu lượng hiện nay (lớn nhất khoảng 30m³/ngày) thì thời gian lưu giữ tối đa có thể là hơn 02 ngày; trường hợp lưu lượng đạt 135 m³/ngày có thể lưu hơn nửa ngày, sau khi khắc phục sự cố trong tối đa nửa ngày, hệ thống sẽ được vận hành trở lại để tiếp tục xử lý nước thải.

 *Trường hợp sự cố bể đường cống/ống thu gom nước thải, Công ty có phương án như sau:*

- Trường hợp 1: Nước thải bị tràn đổ trên đường cống thu gom của Công ty.

Xác định nguyên nhân: Hệ thống thu gom nước thải bị tắt nghẽn không thông thoát được (nghẹt rác ở các hố ga, đường cống thoát nước, bể cống dẫn nước thải,...), nước thải tràn đổ ra mặt đường. Quy trình ứng phó:

Bước 1: Nhân viên phát hiện sự cố nước thải bị tắt nghẽn hoặc tràn ra đường, khu vực xung quanh do nghẹt hoặc bể cống thì ngay lập tức thông báo sự cố cho tổ trưởng sự cố.

Bước 2: Ban ứng phó sự cố tiến hành kế hoạch ứng phó sự cố bằng cách xác

định vị trí tắt nghẽn để có phương án ứng phó thích hợp.

Ban ứng phó sự cố nhận định tình hình và đánh giá thời gian khắc phục:

a) Thời gian khắc phục dự kiến < 1 giờ:

- Tổ sự cố xác định phạm vi hồ ga đang tắt nghẽn;
- Thông báo cho các công ty trên tuyến đường đang bị tràn đổ chất thải hạn chế nước xả nước thải;
- Sử dụng xe hút, hút hết chất thải, cát, đá, ...trong cống, các hồ ga,..trong phạm vi 100 mét-200 mét tùy lượng loại chất thải gây nghẽn.
- Công nhân vệ sinh tiếp tục sử dụng những công cụ chuyên dụng để vét sạch các cặn bẩn còn lại.
- Các chất bẩn được thu gom và giao đơn vị thu gom có chức năng xử lý

b) Thời gian khắc phục dự kiến > 1 giờ:

- Tổ sự cố xác định phạm vi hồ ga đang tắt nghẽn và thông báo cho các công ty trên tuyến cống nước thải đang đổ về hồ ga tắt nghẽn hạn chế nước xả ra;
- Sử dụng bơm chìm, các đường ống để kết nối và chuyển nước từ các hồ ga khu vực bị nghẽn sang tuyến thoát nước khác không bị tắt nghẽn.
- Sử dụng xe hút, hút hết cặn bẩn, cát đá trường hợp bị nghẹt cống.
- Tổ bảo vệ tổ chức phân luồng giao thông hạn chế cho công nhân, xe chở hàng đi qua khu vực vực bị tràn đổ.
- Trường hợp cống nước thải bị bể thì Công ty liên hệ với đơn vị thi công tiến hành thay thế đoạn cống mới.

Bước 3: Sau khi khắc phục xong, tổ sự cố thông báo với các doanh nghiệp để hoạt động xả nước thải bình thường trở lại.

Bước 4: Kết thúc sự cố, tổ sự cố ghi vào nhật ký sự cố.

 *Trường hợp 2: Hệ thống thu gom nước thải bên trong nhà xưởng sản xuất của doanh nghiệp bị bể đường ống.*

Bước 1: Nhận được thông tin hỗ trợ từ phía doanh nghiệp, Ban sự cố nhận định tình hình và có đưa ra biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó sự cố.

Bước 2: Trường hợp doanh nghiệp không khắc phục thay tuyến cống ngay tức thời, Ban sự cố sẽ bố trí xe bồn bơm hút và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung khi chất thải tràn đổ với lưu lượng <10 m³/ngày, không ăn mòn và không ảnh hưởng đến đường ống thoát nước của Công ty cho kết nối về Nhà máy XLNT tập trung để xử lý.

Ngoài trường hợp trên, Ban sự cố yêu cầu doanh nghiệp liên hệ với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Bước 3: Kết thúc ứng phó sự cố.

3.6.1.2. Xây dựng các giải pháp Phòng chống sự cố

1. Kế hoạch kiểm soát rủi ro của cơ sở

Chuẩn bị tài liệu: Công ty đã lập Bảng theo dõi, kiểm soát an toàn đối với toàn bộ các hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, các hạng mục công trình của Công ty, khu vực các công trình lưu chứa chất thải và kho hóa chất.

Nhân viên vận hành HTXLNT và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các bồn chứa, khu bơm, đường ống hàng ngày, để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thùng, hư hại do quá trình vận chuyển hoặc mất mát nguyên liệu.

Định kỳ hàng tháng ban ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải kiểm tra các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố cao như khu vực trạm bơm, hệ thống điều khiển, cụm xử lý sinh học hiếu khí, cụm xử lý hóa lý ... Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài trạm xử lý nước thải, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố nguy hiểm phải báo ngay cho ban quản lý Công ty, người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

Ban quản lý Công ty có thể tiến hành kiểm tra đột xuất các công trình xử lý nước thải của HTXL. Trường hợp không đảm bảo điều kiện an toàn thì Phụ trách trạm XLNT và bộ phận bảo trì phải chịu trách nhiệm khắc phục khuyết điểm trong thời gian sớm nhất, đồng thời phải báo cho Ban quản lý Công ty để xác nhận tính phù hợp sau khi cải thiện vấn đề.

Sau mỗi lần kiểm tra phải có báo cáo tình hình vận hành và an toàn của Trạm XLNT gửi ban Giám đốc, hồ sơ lưu để tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng.

Hồ sơ ghi chép, kiểm tra giám sát được lưu giữ làm cơ sở cho công tác báo cáo định kỳ của Công ty.

2. Quy trình vận hành an toàn hệ thống

Nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu xác suất xảy ra sự cố Trạm xử lý nước thải, đảm bảo ổn định cho việc vận hành, Công ty đã trang bị quy trình vận hành an toàn cho tất cả các công trình của HTXLNT.

Ngoài việc ban hành nội quy, trước khi công nhân bắt đầu thực hiện công việc tại Trạm XLNT tập trung thì phải được đào tạo về an toàn vận hành HTXLNT, an toàn vệ sinh lao động.

Công nhân thực hiện tại khu vực vận hành HTXLNT được trang bị các bảo hộ lao động phù hợp như: khẩu trang, găng tay, giày đế cao su,...

Quy trình vận hành an toàn hệ thống, gồm các nội dung chủ yếu như sau:

Kiểm tra hệ thống

- Kiểm tra hệ thống tuyến ống thu gom nước thải từ các doanh nghiệp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Định kỳ kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của các tuyến ống thu gom

nước thải, các vị trí hồ ga đầu nổi và các thiết bị tách rác.

- Lên kế hoạch định kỳ bảo dưỡng, thay mới các đường ống thu gom nước thải, lựa chọn vật liệu, kích thước đường ống phù hợp.

- Tránh các tác nhân làm nứt, vỡ đường ống thu gom như hoạt động vận chuyển của các xe tải trọng lớn.

- Kiểm soát lưu lượng xả thải của các doanh nghiệp.

- Định kỳ kiểm tra các chỉ tiêu thông thường của nước thải đầu vào như: pH, SS, BOD, COD, tổng Nitơ, tổng Photpho.

Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng

- Kiểm tra mực hóa chất tại tất cả các bồn chứa. Đảm bảo mực tối thiểu để vận hành không được nhỏ hơn $\frac{1}{4}$ chiều cao bồn chứa, không được thấp hơn đầu ống hút của bơm định lượng.

- Ghi chép đầy đủ số lượng hóa chất sử dụng trong ca làm việc.

Kiểm tra tủ điện điều khiển trung tâm

- Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380-400 V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha hoặc dư điện áp cho phép thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

- Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Đối với nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không được điều chỉnh các công tắc trên tủ điện điều khiển.

- Kiểm tra hệ thống van và đường ống công nghệ

- Kiểm tra các van trên đường ống đã đúng vị trí đóng/mở phù hợp với quy trình vận hành chưa.

- Đối với nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không được tự ý đóng mở các van trên đường ống.

Kiểm tra thiết bị

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong HTXLNT. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

3. Quy trình vận hành HTXLNT của các thiết bị tại tủ điện trung tâm

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các bước sau:

Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển trung tâm, kéo các công tắc trên các CB con để chuyển tất cả CB con sang vị trí ON.

Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển.

Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong tủ điều khiển, bắt đầu cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp xảy ra sự cố: dừng, kiểm tra nguyên nhân và khắc phục sự cố.

- Vận hành ở chế độ tự động: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”, lúc này các thiết bị được điều khiển theo chương trình đã được cài đặt.

- Vận hành ở chế độ không tự động: chỉ sử dụng cho trường hợp thử máy, khi đó chỉ cần bật máy sang chế độ MAN. Lưu ý khi vận hành ở chế độ không tự động cần có người trực tiếp giám sát: mực nước, tín hiệu nhiệt, âm, tình trạng van... vì có thể làm bơm cháy hoạt vỡ đường ống.

- Dừng do sự cố: khi hệ thống điện gặp sự cố quá áp, thấp áp, mất pha, đảo pha. Hệ thống sẽ tự ngắt và hoạt động trở lại khi các lỗi được khắc phục. Khi đèn vàng trên bảng điều khiển bật sáng tương ứng với vị trí gặp sự cố thì sẽ chuyển công tắc sang chế độ “OFF” để kiểm tra, phát hiện và khắc phục sự cố.

4. Kiểm soát các thông số vận hành

Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào

- Định kỳ lấy mẫu các chỉ tiêu thông thường của nước thải đầu vào như: pH, SS, BOD, COD, tổng Ni tơ, tổng Phot pho.

Khi lưu lượng và chất lượng nước thải tiếp nhận thay đổi thì môi trường các bể xử lý phía sau thay đổi theo. Nên nếu lưu lượng hoặc nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đáng kể (quá 10%) thì cần phải điều chỉnh các thông số vận hành và kiểm soát việc xả thải của các nhà máy sản xuất.

3.6.1.3. Các biện pháp an toàn trong tiếp xúc với hóa chất sử dụng cho hệ thống XLNT

1. Kiểm soát sự cố rò rỉ hóa chất và an toàn tiếp xúc với hóa chất

- Các loại hóa chất được vận chuyển đến trạm XLNT tập trung bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến.

- Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong nhà kho riêng biệt.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Công nhân vận hành trạm XLNT tập trung đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất.

- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay, đồ bảo hộ lao động...

- Các dụng cụ sơ cấp cứu như dụng cụ rửa mắt luôn được đặt tại vị trí tiếp xúc với hóa chất cao.

- Để đảm bảo an toàn cho công nhân vận hành hệ thống XLNT khi tiếp xúc với hóa chất dùng cho hệ thống XLNT, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

2. Các trang thiết bị bảo hộ lao động

Người công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải cần có các trang thiết bị bảo hộ lao động sau: Quần áo bảo hộ lao động, giày bảo hộ lao động có đế chống trơn, găng tay cao su, khẩu trang, nón bảo hộ, kính bảo hộ, vòi nước sạch có dòng chảy mạnh.

3. An toàn khi pha chế hóa chất

- Phải thực hiện đúng các bước chỉ dẫn trong khi pha chế hóa chất.
- Luôn luôn cho nước sạch vào thùng hóa chất trước rồi mới cho hóa chất vào sau.
- Khi đưa hóa chất vào thùng pha chế, nên đổ từ từ và từng ít một để tránh hiện tượng phản ứng đột ngột (tỏa nhiệt, bốc hơi,...) và tránh khả năng rơi vãi dung dịch hóa chất.
- Phải có đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động khi pha chế hóa chất như phải đeo găng tay cao su, khẩu trang, mũ, mang ủng cao su cao cổ,...
- Nếu trong quá trình pha chế, do sơ suất bị dính hóa chất phải rửa kỹ ngay dưới vòi nước chảy mạnh và thay giặt quần áo ngay.
- Khi pha hóa chất phải có ít nhất 02 người. Phải chuẩn bị sẵn một vòi nước để rửa tay khi cần.

3.6.1.4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn

1. Sự cố về kho chứa chất thải rắn:

Chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường.

Phát tán cường bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

2. Quy trình ứng phó sự cố môi trường:

Số lượng nhân lực tham gia ứng phó: 03 người. Các bước xử lý:

- Bước 1: Báo động.
- Bước 2: Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống

của nhân dân trong vùng.

- Bước 3: Xử lý việc phát tán, tràn đổ chất thải. Trong quá trình thực hiện chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật....

- Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng của cơ sở, Công ty tiến hành thông báo ngay cho chính quyền địa phương, Ban quản lý Công ty và cơ quan Thường trực (UBND thành phố Tân Uyên), đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố xảy ra.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó môi trường có thể xảy ra đối với sự cố cháy nổ

3.6.2.1. Nguyên nhân, quy mô sự cố:

a/ Nguyên nhân:

- *Dùng điện quá tải:* Khi sử dụng nhiều dụng cụ tiêu thụ điện khác nhau, điện phải cung cấp nhiều, cường độ của dây dẫn lên cao có thể gây hiện tượng quá tải.

- *Cháy do chập mạch:* Chập mạch là hiện tượng các pha chập vào nhau, dây nóng chạm vào dây nguội, dây nóng chạm đất làm điện trở mạch ngoài rất nhỏ, dòng điện trong mạch tăng rất lớn làm cháy lớp cách điện của dây dẫn và làm cháy thiết bị điện.

- *Cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở):* ở mỗi nối lỏng, hở sẽ có hiện tượng phóng điện qua không khí. Hiện tượng tia lửa điện thường xuất hiện ở những vị trí có tiếp giáp không chặt chẽ ở điểm nối dây, cầu chì, cầu dao, công tắc,... Tia lửa điện có nhiệt độ 1.500°C đến 2.000°C, điểm phát quang bị oxy hóa nhanh, thiết bị dễ bị hư hỏng. Các chất dễ cháy ở gần như xăng, dầu,... có thể bị cháy.

- *Cháy do tia lửa tĩnh điện:* Tĩnh điện sinh ra do sự ma sát giữa các vật cách điện với nhau hoặc giữa các vật cách điện và vật dẫn điện, do va đập của các chất lỏng cách điện (xăng, dầu), va đập của chất lỏng cách điện với kim loại.

- *Cháy do sét đánh:* Sự cố do sét đánh là một trường hợp tự nhiên, nguy cơ sẽ xảy ra vào mùa mưa và cũng là một nguồn hiểm họa vô cùng.

- *Cháy do nhiệt độ cao:* Nhiệt độ trong kho quá cao có thể ảnh hưởng đến tính chất của hóa chất chứa trong kho, có thể phát sinh cháy nổ.

- Do sự bất cẩn của các công nhân để lửa rơi vào khu vực dễ bắt cháy.

b/ Tác động: Khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản của Công ty, tính mạng con người và gây ô nhiễm môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính...

Do vậy Công ty sẽ trang bị đầy đủ một số phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy tự động, thiết bị PCCC cầm tay nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

3.6.2.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, Chủ đầu tư có bố trí bể chứa nước chữa cháy dung tích 1000m³, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy của Chính Phủ Việt Nam. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor.

- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận, được đo điện trở nối đất hằng năm theo đúng quy định.

- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hỏa, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.

- Hiện tại Công ty đã lắp đặt đầu phun chữa cháy và báo cháy được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

- + Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.

- + Công nhân, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.

- + Kho bãi chứa vật liệu được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo qui định về PCCC.

- + Không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;

- + Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.

- + Trang bị hệ thống báo cháy khi có sự cố, và chấp hành nghiêm chỉnh những qui định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà kho.

- + Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.

- + Trang bị các dụng cụ PCCC như: bình bột BC và ABC, thang, gàu, máy bơm nước...tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các nhà xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.

- + Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.

- + Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi nơi người quan sát thấy.

- + Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

+ Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

+ Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

+ Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác PCCC. Dụng cụ PCCC (bình bột BC và ABC, thang, gàu, . . .) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

+ Bố trí các cửa an ninh, máng nước, cửa thoát hiểm cho phù hợp... Thường xuyên kiểm tra, bảo trì chúng. Thiết lập các rào chắn an toàn cần thiết và định kỳ diễn tập các hoạt động ứng phó khi có sự cố xảy ra.

+ Tăng cường quản lý an toàn, thiết lập giám sát tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố để kịp thời có các biện pháp xử lý cần thiết.

**** Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ***

- Công ty đã thành lập đội xung kích phòng cháy chữa cháy của mình. Đội này sẽ được Công an phòng cháy chữa cháy của địa phương đào tạo và huấn luyện. Định kỳ thời gian sẽ được ôn luyện và thực tập cứu hoả bộ phận dễ gây cháy nổ.

- Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao đều có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Khoảng cách an toàn giữa các công trình là 12 – 20m để ô tô cứu hoả có thể tiếp cận dễ dàng.

- Cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa và các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

- Cơ sở đã phối hợp với Công an PCCC địa phương để xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho toàn Công ty, bố trí cho đội xung kích cùng công nhân tập dợt theo các phương án đã lập.

- Quy trình ứng phó khi có sự cố cháy/ nổ:

+ Thông báo: Bất kể ai phát hiện ra sự cố cháy/ nổ (cán bộ công nhân viên, khách hàng) đều phải thông báo qua điện thoại, chuông báo động hoặc trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy.

+ Dập lửa: Ngay từ thời điểm phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại cơ sở và các lực lượng an toàn khác cần tiến hành ngay công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, nước,...

+ Dọn dẹp: Sau khi lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, máy móc, thiết bị hỏng hóc được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

+ Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó, Chủ cơ sở cùng với cơ quan hữu quan tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập báo cáo gửi các bên liên quan. Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch khắc phục cụ thể.

+ Định kỳ hằng năm, Công an Thành phố Tân Uyên tiến hành kiểm tra về việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trên Thành phố Tân Uyên (trong đó có Công ty TNHH SX TM Đông Hòa). Kết quả kiểm tra cơ sở đều đảm bảo an toàn trong công tác PCCC, cứu nạn cứu hộ, hồ sơ pháp lý đầy đủ theo quy định.

3.6.3. Phân công trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ đầu tư và các doanh nghiệp thuê nhà xưởng:

- ***Đối với chủ đầu tư:*** có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp lập hồ sơ môi trường theo quy định; hướng dẫn giám sát các Doanh nghiệp thuê xưởng tách riêng nước mưa, nước thải. Đầu nối, xử lý nước thải của các doanh nghiệp thành viên về hệ thống XLNT tập trung của Chủ đầu tư. Khi xảy ra các sự cố môi trường yêu cầu các Doanh nghiệp thuê xưởng liên quan phối hợp cùng Chủ đầu tư để thực hiện ứng phó và khắc phục các sự cố theo các kịch bản và phương án đề xuất nêu trên.

- ***Đối với Doanh nghiệp thuê nhà xưởng:*** từng đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện biện pháp, công trình xử lý các chất thải phát sinh; đầu nối nước thải về hệ thống XLNT tập trung để được xử lý và các doanh nghiệp phải thực hiện lập hồ sơ môi trường theo quy định.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH SX TM Đông Hòa đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng diện tích 73.198m² theo Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23/1/2018. Trong quá trình hoạt động, để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, nhu cầu của thị trường thay đổi, do đó Công ty có điều chỉnh một số nội dung so Quyết định với đã phê duyệt như sau:

Bảng 3.12. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã phê duyệt

STT	Hạng mục thay đổi	Nội dung trong Đề án BVMT chi tiết đã phê duyệt	Nội dung thay đổi	Lý do thay đổi
1	Mục tiêu đầu tư	Hoạt động sản xuất gạch tuynel, công suất 20triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng diện tích 73.198m ²	Ngưng hoạt động sản xuất gạch tuynel, cải tạo nhà máy gạch tuynen thành nhà kho. Hoạt động cho thuê nhà xưởng không đổi.	Nhà máy gạch tuynen ngưng hoạt động do việc kinh doanh không hiệu quả, đồng thời nhà máy sx gạch tuynen đã xuống cấp (xây dựng từ năm 2002) không đáp ứng việc kinh doanh, vị trí nhà máy không còn phù hợp để sản xuất gạch tuynen theo định hướng phát triển của thành phố Tân Uyên. Vì vậy, Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất gạch tuynen và cải tạo thành kho chứa hàng hóa.
2	Văn phòng điều hành	Chưa tiến hành đầu tư xây dựng (đã có kế hoạch xây dựng trên quỹ đất 7.500m ²)	Đã hu tư xây dựng nằm tiếp giáp đường ĐT747, diện tích 670m ² .	Tại thời điểm lập Đề án BVMT, Công ty chưa xây dựng, tuy nhiên đã có kế hoạch xây dựng. Vì vậy, hiện trạng đã triển khai theo Giấy phép xây dựng số 2213/GPXD ngày 14/02/2018.
3	Văn phòng cho thuê	Chưa tiến hành đầu tư xây dựng	Đã đầu tư xây dựng nằm giáp xưởng X16.	Do nhu cầu của Doanh nghiệp đang thuê xưởng sản xuất trong khu vực Công ty. Vì vậy, hiện trạng đã xây dựng văn phòng cho thuê theo Giấy phép xây dựng số 2213/GPXD ngày 14/02/2018.
4	Căn tin chung	Chưa tiến hành đầu tư xây dựng	Đã đầu tư xây dựng nằm giáp văn phòng điều hành.	Trong khu vực Công ty không tổ chức hoạt động nấu nướng mà sử dụng dịch vụ suất ăn công nghiệp. Vì vậy, nhu cầu của các Doanh

				nghiệp đang thuê xưởng cần có căn tin để công nhân, nhân viên vị trí dùng cơm.
5	Nhà ở công nhân	Chưa tiến hành đầu tư xây dựng	Đã đầu tư xây dựng nằm phía tây bắc khu đất.	Do nhu cầu của Doanh nghiệp đang thuê xưởng sản xuất trong khu vực Công ty. Với tình hình hiện nay việc bố trí chỗ ở tại chỗ cho người lao động là rất cần thiết, tạo nguồn nhân lực ổn định cho tại các cơ sở sản xuất trong khu vực Công ty. Vì vậy, hiện trạng đã xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 2213/GPXD ngày 14/02/2018.
6	Hệ thống xử lý nước thải	Chưa tiến hành đầu tư xây dựng (đã có kế hoạch xây dựng)	Đã xây dựng nằm phía tây, cuối khu đất.	Tại thời điểm lập Đề án BVMT, Công ty chưa xây dựng, tuy nhiên đã có kế hoạch xây dựng. Vì vậy, hiện trạng đã triển khai
7	Nhu cầu xả nước thải vào nguồn nước	Nước sau xử lý tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy gạch tuynel, làm mát máy móc thiết bị của các Doanh nghiệp thuê xưởng, tưới cây và rửa đường. Không xả thải vào nguồn tiếp nhận.	Nước sau xử lý tái sử dụng cho tưới cây. Khối lượng còn lại được xả thải vào suối bà Tùng, sông Đồng Nai.	Theo hiện trạng lượng nước thải tại cơ sở phát sinh rất ít từ khoảng 20 – 30m ³ /ngày, trong khi nhu cầu nước tưới cây khoảng 54m ³ /ngày nên hầu hết nước thải sau xử lý đều được Công ty tái sử dụng cho mục đích tưới cây mà không xả thải vào nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên, Để phòng ngừa khi lượng nước thải phát sinh lớn hơn nhu cầu nước tưới cây (công suất xin phép 135 m ³ /ng.đ), Công ty đề xuất nước thải của cơ sở sau khi xử lý được tận dụng để tưới cây. Khi bể chứa nước thải tái sử dụng đầy thì nước thải sẽ được dẫn thoát vào suối bà Tùng.

 Chi tiết các hạng mục xây dựng được chuyển đổi công năng:

Bảng 3.13. Các hạng mục xây dựng được chuyển đổi công năng tại Cơ sở

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Theo Đề án BVMT	Xin điều chỉnh
I	Khu nhà xưởng, nhà kho	56.038		
a	Hạng mục nhà xưởng	40.500		
1	Xưởng X1	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
2	Xưởng X2	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
3	Xưởng X3	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
4	Xưởng X4	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
5	Xưởng X5	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
6	Xưởng X6	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
7	Xưởng X7	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
8	Xưởng X8	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
9	Xưởng X9	3.000	Cho thuê	Giữ nguyên
10	Xưởng X10	2.700	Cho thuê	Giữ nguyên
11	Xưởng X11	2.700	Cho thuê	Giữ nguyên
12	Xưởng X12	2.700	Cho thuê	Giữ nguyên
13	Xưởng X15	2.700	Cho thuê	Giữ nguyên
14	Xưởng X16	2.700	Cho thuê	Giữ nguyên
b	Hạng mục nhà kho	15.538		
15	Nhà kho 1	3.018	Phục vụ sản xuất gạch tuynel của Công ty	Cho thuê làm mục đích kho chứa hàng
16	Nhà kho 2	3.150		
17	Nhà kho 3	3.150		
18	Nhà kho 4	3.150		
19	Nhà kho 5	3.070		
II	Khu văn phòng	906		
1	Văn phòng điều hành 1	670	Chưa xây dựng	Đã xây dựng
2	Văn phòng điều hành 2	120	Văn phòng nhà máy gạch tuynel	Giữ nguyên
3	Văn phòng cho thuê	116	Chưa xây	Đã xây dựng
III	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.840		
1	Khu xử lý nước thải	160	Chưa xây dựng	Đã xây dựng
2	Kho CTNH	60	Sử dụng chung	Giữ nguyên
3	Căn tin	400	Chưa xây dựng	Đã xây dựng

4	Nhà xe (<i>Bể PCCC xây ngầm dưới nhà xe</i>)	500	Sử dụng chung	Giữ nguyên
5	Nhà nghỉ công nhân	1.020	Chưa xây dựng	Đã xây dựng
IV	Đất giao thông	16.562	-	-
V	Đất cây xanh	18.052,6	-	-
	Cộng (I+...+V)	93.398,6		

Tác động từ việc thay đổi

Việc Công ty ngưng hoạt động sản xuất gạch tuynel sẽ giúp ngưng hoạt động phát thải các chất ô nhiễm như bụi, khí thải lò nung, nước thải, chất thải từ hoạt động sản xuất gạch. Công ty tận dụng nhà máy sẵn có để làm nhà kho chứa hàng sẽ ít gây ô nhiễm môi trường hơn hầu như không phát sinh nước thải và khí thải.

=> Cơ sở không làm tăng quy mô, công suất và công nghệ sản xuất. Các công trình thay đổi chủ yếu là công trình bảo vệ môi trường, việc thay đổi theo xu hướng có lợi, phù hợp tình hình thực tế, không làm phát sinh thêm chất thải và tăng tác động ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1/ Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt trong khu nhà xưởng, văn phòng, nhà nghỉ công nhân với lưu lượng lớn nhất khoảng 108m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp thuê xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 27 m³/ngày đêm.

2/ Lưu lượng xả nước thải tối đa: : 135 m³/ngày đêm.

3/ Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý thải vào suối Bà Tùng tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau đó chảy ra sông Đồng Nai.

4/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	135	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	5,5 - 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
4	COD	mg/l	75		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
6	Amoni	mg/l	5		
7	Tổng nitơ	mg/l	20		
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
10	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.000		

Ghi chú: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q=0,9, k_f = 1,1.

5/ Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: tại 1 điểm trên đường ĐT747 → Công thoát nước bằng đường ĐT747 sau đó thoát ra suối Bà Tùng

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 1.226.074$; $Y = 612.223$

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương thức xả thải:

+ Nước thải sau xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống HDPE có kích thước D140mm dẫn ra công thoát nước trên đường ĐT747 → Công thoát nước bằng đường ĐT747 sau đó thoát ra suối Bà Tùng.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm

- Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bà Tùng tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau đó chảy ra sông Đồng Nai.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1/ Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện, công suất 100kVA sử dụng nhiên liệu dầu DO (phát sinh khi máy phát điện hoạt động vào thời gian Cơ sở mất điện)

2/ Vị trí xả khí thải, dòng khí thải:

Vị trí xả khí thải: 01 ống thoát khí thải sau ống thải máy phát điện. Tọa độ: $X = 1.226.250$; $Y = 612.143$ (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3/ Lưu lượng xả khí thải tối đa: 607,5 m³/giờ.

4/ Phương thức xả khí thải: Dòng khí thải chỉ xả thải khi hoạt động.

5/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B, $K_v = 0,8$, $K_p = 1,0$, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	400		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
4	CO	mg/Nm ³	800		

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1/ Nguồn phát sinh:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của Cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 100kVA.
- Nguồn số 02: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2/ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°)	
		X	Y
1	Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 100kVA	X = 1.226.250	Y = 612.143
2	Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải	X = 1.226.220	Y = 611.779

3/ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a/ Tiếng ồn:

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b/ Độ rung:

Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Không có.

4.5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ CÓ NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

Không có.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH SX TM Đông Hòa luôn tuân thủ các quy định về quan trắc môi trường định kỳ theo quy định, nhằm giám sát các nguồn thải phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động của dự án và những tác động đến các đối tượng xung quanh trong quá trình hoạt động.

Để đánh giá nồng độ ô nhiễm có trong nước thải, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc trong 2 năm liên tiếp năm 2022, năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

1/ Thời gian các đợt quan trắc

- Năm 2022: Đợt 1: 3/3/2022; Đợt 2: 26/05/2022; Đợt 3: 23/08/2022; Đợt 4: 04/11/2022.

- Năm 2023: Đợt 1: 18/03/2023; Đợt 2: 24/06/2023; Đợt 3: 29/08/2023; Đợt 4: 21/11/2023.

- Năm 2024: Đợt 1: 21/03/2024; Đợt 2: 20/05/2024.

2/ Vị trí quan trắc: một điểm sau hệ thống xử lý nước thải.

3/ Thông số quan trắc: pH, SS, COD, BOD₅, dầu mỡ khoáng, tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), coliform..

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011 /BTNMT Cột A
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	*pH	-	6,55	7,91	6,36	7,09	6 – 9
2	*TSS	mg/L	<6	<6	KPH	<6	50
3	*BOD ₅	mg/L	8	8	10	14	30
4	*COD	mg/L	14	16	24	25	75
5	*Amoni (theo N)	mg/L	<0,93	<0,93	<1,5	<1,5	5
6	*Tổng Nitơ	mg/L	7,29	5,23	4,76	4,38	20
7	*Tổng Photpho	mg/L	0,31	0,64	0,59	0,52	4

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011 /BTNMT Cột A
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	*pH	-	7,77	6,74	7,15	6,55	6 – 9
2	*TSS	mg/L	<6	<6	<6	<6	50
3	*BOD ₅	mg/L	14	17	10	7	30
4	*COD	mg/L	30	32	22	16	75
5	*Amoni (theo N)	mg/L	3,40	3,22	KPH	KPH	5
6	*Tổng Nitơ	mg/L	5,84	5,41	13,8	18,6	20
7	*Tổng Photpho	mg/L	0,75	0,67	0,54	0,31	4

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Bảng 5.3: Kết quả quan trắc nước thải (NT2) năm 2024

Stt	Thông số đo	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011 /BTNMT Cột A
			Đợt 1	Đợt 2	
1	*pH	-	6,81	6,81	6 – 9
2	*TSS	mg/L	39	<6	50
3	*BOD ₅	mg/L	23	8	30
4	*COD	mg/L	54	19	75
5	*Amoni (theo N)	mg/L	2,06	3,30	5
6	*Tổng Nitơ	mg/L	17,1	14,5	20
7	*Tổng Photpho	mg/L	0,36	0,40	4

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

4/ Đánh giá kết quả quan trắc môi trường nước thải

Dựa vào kết quả quan trắc môi trường nước thải qua các năm 2022, năm 2023 và 2 quý đầu năm 2024 cho thấy, nước thải sau xử lý của cơ sở có chất lượng tốt. Nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN40:2011/BTNM (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI VÀ KHÍ THẢI

Để đánh giá nồng độ ô nhiễm đối với bụi và khí thải, báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc trong 2 năm liên tiếp năm 2022, năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

1/ Thời gian quan trắc

- Năm 2022: Đợt 1: 3/3/2022; Đợt 2: 26/05/2022; Đợt 3: 23/08/2022; Đợt 4: 04/11/2022.

- Năm 2023: Đợt 1: 18/03/2023; Đợt 2: 24/06/2023; Đợt 3: 29/08/2023; Đợt 4: 21/11/2023.

- Năm 2024: Đợt 1: 21/03/2024; Đợt 2: 20/05/2024.

2/ Vị trí quan trắc

- KK1: Đường vận chuyển.

- KK2: Khu chế biến.

- KK3: Khu vực moong

3/ Thông số quan trắc: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, NO_x, CO,

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2022

Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Thông số				
		Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO _x	CO
		dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
K1	1	69,3	0,254	0,079	0,071	5,82
	2	65,8	0,249	0,061	0,058	5,51
	3	67,2	0,258	0,086	0,06	3,96
	4	68,6	0,221	0,084	0,061	3,89
K2	1	69,0	0,203	0,065	0,054	4,26
	2	62,4	0,218	0,054	0,054	4,58
	3	65,7	0,184	0,07	0,057	4,63
	4	58,1	0,279	0,071	0,056	3,02
K3	1	64,3	0,241	0,062	0,053	4,68
	2	60,8	0,154	0,067	0,063	5,14
	3	63,3	0,152	0,059	0,046	4,29
	4	59,2	0,248	0,057	0,049	3,44
QCVN 05: 2013/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26: 2010/BTNMT		70	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Ghi chú:- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn xung quanh.

Bảng 5.5. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2023

Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Thông số				
		Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO _x	CO
		dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
K1	1	68,5	0,243	0,079	0,061	<10
	2	67,2	0,254	0,088	0,059	<10
	3	67,8	0,287	0,081	0,064	<10
	4	68,8	0,221	0,079	0,061	<10
K2	1	65,7	0,189	0,074	0,061	<10
	2	64,3	0,231	0,072	0,059	<10
	3	63,9	0,214	0,068	0,054	<10
	4	63,2	0,185	0,066	0,051	<10
K3	1	60,7	0,238	0,053	0,047	<10
	2	57,4	0,187	0,061	0,044	<10
	3	60,7	0,156	0,053	0,047	<10
	4	60,7	0,142	0,050	0,044	<10
QCVN 05: 2023/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26: 2010/BTNMT		70	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Bảng 5.6. Kết quả quan trắc đối với bụi và khí thải năm 2024

Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt	Thông số				
		Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO _x	CO
		dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
K1	1	67,8	0,184	0,079	0,062	<10
	2	69,1	0,203	0,083	0,066	<15
K2	1	59,3	0,154	0,069	0,052	<10
	2	68,9	0,171	<0,078	0,057	<15
K3	1	62,3	0,152	0,051	0,045	<10
	2	66,1	0,229	<0,078	0,049	<15
QCVN 05: 2023/BTNMT		-	0,3	0,35	0,2	30
QCVN 26: 2010/BTNMT		70	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

4/ Đánh giá kết quả quan trắc môi trường bụi, khí thải

Kết quả đo đạc được so sánh với Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy nồng độ các chỉ tiêu quan trắc thấp hơn giới hạn cho phép.

Tiếng ồn phát sinh tại các vị trí quan trắc trong các đợt có kết quả nằm trong giới hạn của Quy chuẩn QCVN26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường cần đưa vào vận hành thử nghiệm theo quy định bao gồm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 135 m³/ngày.đêm.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

Thời gian vận hành thử nghiệm tối đa 3 tháng. Sau khi cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Cơ sở cho Sở TN&MT tỉnh Bình Dương trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

Trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ cơ sở lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài Nguyên và Môi Trường để kiểm tra, giám sát.

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 135 m ³ /ngày.đêm	Sau khi được cấp Giấy phép môi trường. (Tháng 1/2025)	03 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm. (Tháng 3/2025)

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a/ Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả từng công trình, thiết bị xử lý nước thải: Không thực hiện (theo khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

b/ Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Vị trí lấy mẫu:

- + Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.
- + Nước thải đầu ra: Nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải.

- Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

+ Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

+ Loại mẫu: mẫu đơn.

+ Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung trong 03 ngày liên tiếp) - *Theo khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.*

Bảng 6.2. Kế hoạch lấy mẫu nước thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
2	Hố ga thoát nước thải sau HTXL nước thải công suất 135 m ³ /ngày.đêm	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, k _q =0,9, k _f =1,1)

c/ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch

- Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

- Địa chỉ: 96/26 Tây Hòa, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 1061/GCN-BTNMT ngày 28 tháng 05 năm 2021 về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và quyết định 383/QĐ-BTNMT ngày 21/02/2019, với mã số VIMCERTS 064.

- Quyết định số 31/GCN-BTNMT ngày 17 tháng 05 năm 2024 về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, với mã số VIMCERTS 064.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 97 và Khoản 2, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ và khí thải định kỳ.

Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng môi trường, cũng như có thể theo dõi, đánh giá được hiệu quả xử lý của các công trình, chủ cơ sở đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

1. Quan trắc nước thải

- Số lượng: 01 mẫu.
- Vị trí giám sát: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột A, K_q=0,9; K_f=1,1.

2. Quan trắc bụi, khí thải

- Số lượng: 03 mẫu.
- Vị trí giám sát:
 - + KK1 Trước cổng Công ty giáp đường DT 747
 - + KK2 Trước cổng các nhà xưởng
 - + KK3 Cuối đường chính Công ty
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Tần suất thu mẫu và phân tích mẫu: 3 tháng/lần vào giờ sản xuất.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + Quy chuẩn QCVN26:2010/BTNMT – Quy chuẩn KTQG về tiếng ồn.

3. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.
- Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại theo:
 - + Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
 - + Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
 - + Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường theo từng đợt để tổng hợp, báo cáo hàng năm theo quy định (đối với chất thải nguy hại giám sát bằng chứng từ chuyển giao chất thải, chất thải rắn thông thường giám sát bằng biên bản bàn giao).
 - + Định kỳ hàng năm ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo quy định tại điều 97, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì các công trình xử lý môi trường của Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Căn cứ vào Bảng đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định về đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đơn giá thực tế, dự trù kinh phí giám sát môi trường tại cơ sở được tính toán như sau:

- Kinh phí giám sát khí thải: 15.000.000 đồng/năm.
 - Kinh phí giám sát nước thải: 20.000.000 đồng/năm.
 - Kinh phí giám sát chất thải rắn: 5.000.000 đồng/năm.
- *Tổng kinh phí giám sát môi trường: 40.00.000 đồng/năm.*

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong những năm qua, Công ty luôn chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các pháp luật khác có liên quan.

Trong thời điểm 02 năm gần nhất gồm năm 2022 và 2023, Công ty không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH SX TM Đông Hòa tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ các nội dung sau:

- Về tính trung thực, chính xác của số liệu; thông tin về cơ sở, các vấn đề môi trường của cơ sở được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu tác động và các cam kết được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt, để giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động của cơ sở như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

1. Đối với nước thải

- Hệ thống công thu gom nước mưa và nước thải tách riêng hoàn toàn.

- Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom, tách rác và thoát vào hệ thống thoát nước mưa của Công ty.

- Nước thải tại HTXL nước thải tập trung của Công ty được xử lý đạt quy chuẩn về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $kq = 0,9$, $kf = 1,1$ trước khi thải ra ngoài môi trường.

2. Đối với chất thải rắn

- Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom và quản lý chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Đối với môi trường không khí

Về bụi, khí thải tại nguồn: Quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm không khí để giảm thiểu ô nhiễm không khí ngay tại nguồn.

4. Phòng chống sự cố môi trường

Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố chập điện, vệ sinh, an toàn lao động, an toàn thực phẩm và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm.

5. Chương trình quan trắc môi trường

Tổ chức giám sát chất lượng môi trường khu vực sản xuất cũng như các nguồn thải của cơ sở như trình bày ở chương VI và có những biện pháp kịp thời đối với các kết quả giám sát.

6. Quản lý môi trường

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Hồ sơ pháp lý

Phụ lục 2. Các bản phân tích mẫu

Phụ lục 3. Các bản vẽ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700147821

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 11 năm 1992

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 01 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, Tổ 5, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3640823

Fax: 0274.3641077

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG VIỆT HÀ	Việt Nam	104 Hoàng Hoa Thám, tổ 107, khu 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	60.000.000.000	60,000	074084000529	

2	HOÀNG NGỌC LÝ	Việt Nam	Tổ 4, ấp Bình Hưng, Xã Bạch Đằng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	40.000.000.000	40,000	034055011 370	
---	---------------	----------	--	----------------	--------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG VIỆT HÀ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074084000529

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: 104 Hoàng Hoa Thám, tổ 107, khu 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 104 Hoàng Hoa Thám, tổ 107, khu 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



KT. **TRƯỞNG PHÒNG**



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Ngọc Thịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 381 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 29 tháng 01 năm 2015

V/v địa điểm đầu tư bổ sung ngành
nghề sản xuất kinh doanh của
Công ty TNHH SX TM Đông Hoà
tại phường Uyên Hưng.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Thực hiện Văn bản số 1693/SKHĐT-ĐKKD ngày 24/11/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương về địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh Công ty TNHH SX TM Đông Hoà,

Ngành nghề đầu tư bổ sung: Sản xuất gạch không nung; sản xuất cơ khí; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất bao bì giấy carton từ giấy cuộn; may trang phục.

Địa điểm đầu tư: Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc đất: đất đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725 QSDĐ/2002 ngày 30/12/2002 cho Công ty TNHH Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Đông Hoà.

Qua Báo cáo số 29/BC-PTN&MT ngày 21/01/2015 của Phòng Tài nguyên - Môi trường về kết quả khảo sát địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH SX TM Đông Hoà tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương,

Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên có ý kiến như sau:

- *Về quy hoạch sử dụng đất:* địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh Công ty TNHH SX TM Đông Hoà nằm trong quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (SKC) giai đoạn đến năm 2020; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương.

- *Về môi trường:* chủ đầu tư đủ điều kiện kiểm soát và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các nguồn thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường; do đó, hoạt động sản xuất của Công ty ít tác động đến môi trường xung quanh.

- Về khoảng cách cách ly và đấu nối hạ tầng kỹ thuật: địa điểm đầu tư bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh tiếp giáp đường ĐT-747, tiếp giáp với các công ty hiện hữu, đấu nối lưới điện quốc gia, không tiếp giáp nhà dân, do đó đảm bảo khoảng cách cách ly theo quy định và đủ điều kiện đấu nối đồng bộ vào hạ tầng kỹ thuật.

Nay UBND thị xã Tân Uyên phúc đáp đề Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế, TNMT;
- Phòng Quản lý đô thị;
- UBND phường Uyên Hưng;
- Lưu: VT, Trưởng, Phòng (Một cửa).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Hồng Tuấn

Số: 90/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 23 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm
và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m²
tại khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m² tại khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m² đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 40./TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 04.. năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m² được lập bởi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của cơ sở: khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.2. Quy mô/công suất hoạt động của cơ sở: sản xuất gạch tuynel (công suất 20 triệu viên/năm) và hoạt động cho thuê nhà xưởng (diện tích 73.198m²).

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Thực hiện việc triển khai, thi công đầu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt của các Doanh nghiệp thuê xưởng; hoạt động sản xuất của Nhà máy sản xuất gạch tuynel và xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2018.

- Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo nội dung và tiến độ cam kết trong đề án bảo vệ môi trường.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hoặc hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

- Chỉ thu hút đầu tư các ngành nghề kinh doanh và sản xuất, gia công ít ô nhiễm, ít sử dụng nước; không thu hút các ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm cao theo như cam kết trong nội dung của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Quy định cụ thể đối với các đơn vị thuê nhà xưởng về việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thông qua hợp đồng trách nhiệm.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo với cơ quan thẩm định, phê duyệt đề án chi tiết và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- UBND tỉnh (báo cáo); Số chứng thực: 1215
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thị xã Tân Uyên; Ngày: 01-02-2018
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang S



Phạm Danh

TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1954 /STNMT-CCBVM
V/v bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư của
Công ty TNHH SX TM Đông Hòa

Bình Dương, ngày 13 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 20/CVĐH ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa về việc xin bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư vào hoạt động cho thuê nhà xưởng của Công ty. Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa đã lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất gạch tuynel, công suất 20 triệu viên/năm và hoạt động cho thuê nhà xưởng, diện tích 73.198m² và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-STNMT ngày 23 tháng 01 năm 2018. Theo đó, ngành nghề thu hút đầu tư vào khu nhà xưởng cho thuê của Công ty gồm: gia công cơ khí kim loại, gia công sơn, nhựa, gỗ, bao bì, chiết xuất rượu, sản xuất gạch tuynel, gạch ACC và các loại hình sản xuất gia công ít ô nhiễm, sử dụng ít nước... Hiện tại, Công ty đã thu hút được 08 doanh nghiệp thuê lại 06 nhà xưởng với diện tích 18.000m², diện tích 08 nhà xưởng trống để cho thuê còn lại là 22.400m².

- Nay, Công ty đề nghị được bổ sung và cụ thể hóa một số nhóm ngành nghề thu hút đầu tư vào khu nhà xưởng cho thuê như sau:

- + Gia công, sản xuất thủy tinh gồm sứ.
- + Gia công, sản xuất lắp ráp bóng đèn LED.
- + Sản xuất nước lọc, nước tinh khiết, đóng chai.
- + Sản xuất bánh, kẹo.
- + Sản xuất chế biến nông sản (chè, hạt điều, ca cao, cà phê, hạt tiêu).
- + Sản xuất gia công giày dép.
- + Sản xuất gia công các sản phẩm dệt, may.
- + Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.
- + Gia công sản xuất các sản phẩm từ sơn.
- + Sản xuất văn phòng phẩm.
- + Trung tâm hội nghị, nhà hàng khách sạn, văn phòng cho thuê.

Thước

- Đối với các ngành nghề Công ty đề nghị bổ sung như: Gia công, sản xuất thủy tinh gốm sứ; gia công, sản xuất lắp ráp bóng đèn LED; sản xuất nước lọc, nước tinh khiết, đóng chai; gia công sản xuất các sản phẩm từ sơn; sản xuất văn phòng phẩm; trung tâm hội nghị, nhà hàng khách sạn, văn phòng cho thuê, qua xem xét cho thấy các ngành nghề này có các nguồn tác động đến môi trường là không lớn, ít phát sinh nước thải, phù hợp với định hướng ban đầu về ngành nghề thu hút đầu tư vào khu nhà xưởng cho thuê trong nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với việc bổ sung các ngành nghề nêu trên vào danh mục ngành nghề thu hút đầu tư của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa.

Thước

- Đối với các ngành nghề còn lại như: sản xuất bánh, kẹo; sản xuất chế biến nông sản (chè, hạt điều, ca cao, cà phê, hạt tiêu); sản xuất gia công giày dép; sản xuất gia công các sản phẩm dệt, may; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón thì qua xem xét cho thấy các ngành nghề này trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh nhiều nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt, phát sinh mùi hôi. Mặt khác, hiện tại nước thải sau xử lý của khu nhà xưởng cho thuê được dẫn vào hồ chứa và tái sử dụng cho hoạt động của nhà máy gạch và tưới đường, tưới cây, nếu thu hút thêm nhiều ngành nghề này sẽ gia tăng áp lực lên nguồn tiếp nhận nước thải hiện có, về lâu dài là không phù hợp. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường không thống nhất việc bổ sung các ngành nghề trên của Công ty và đề nghị Công ty chỉ được thu hút những ngành nghề đã cho phép nêu trên vào phần nhà xưởng cho thuê còn lại của Công ty.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, CCBVMT. Thao4.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

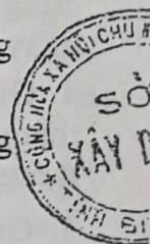
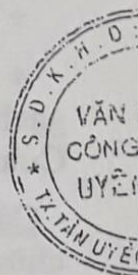
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1405 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 29 tháng 7 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA.
 - Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 152, tờ bản đồ số 59, tổ 5 khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
2. Được phép xây dựng hạng mục công trình:
 - Tên công trình: Nhà máy sản xuất gạch bê tông nhẹ AAC của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa.
 - Tổng số công trình: 14 công trình.
 - Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT(01-16); KC(01-14); PC(01-11); Đ(01-05); TN(01-04); CS(01-03).
 - Do: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Nhà Bạn lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phạm Gia.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa số 152; Tờ bản đồ số 59; Tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
 - + Mật độ xây dựng: 51,47%, hệ số sử dụng đất: 0,51.
 - + Chỉ giới đường đỏ: 21m tính từ tim đường ĐT747, 5m tính từ mép đường đất hướng Tây-Nam.
 - + Chỉ giới xây dựng được cấp: 71m tính từ tim đường ĐT747 đến chân hạng mục nhà xưởng; 9m tính từ mép đường đất hướng Tây-Nam.
 - Công trình số 1, 2, 3, 4, 5. Nhà xưởng (30 x 90): 5 nhà giống nhau
 - + Loại công trình: Công trình công nghiệp.
 - + Cấp công trình: Cấp III.
 - + Diện tích xây dựng 1 xưởng: 2.700m².
 - + Tổng diện tích 5 xưởng: 13.500m².
 - + Cốt nền công trình (tính từ cốt sân hiện hữu): + 0,00m.
 - + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân hiện hữu): 10,75m.
 - + Số tầng: 01 tầng.
 - + Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gỗ thép. Cột khung kèo thép. Cửa sắt cuốn.



- Công trình số 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Nhà xưởng (30 x 100): 9 nhà giống nhau

- + Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- + Cấp công trình: Cấp III.
- + Diện tích xây dựng 1 xưởng: 3.000m^2 .
- + Tổng diện tích 9 xưởng: 27.000m^2 .
- + Cốt nền công trình (tính từ cốt sân hiện hữu): + 0,00m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân hiện hữu): 10,75m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gỗ thép. Cột khung kèo thép. Cửa sắt cuốn.

- Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751450 (sổ vào sổ cấp GCN: 725 QSDĐ/2002 ngày 30/12/2002), do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Hòa (đã được đổi tên thành Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa ngày 24/6/2014), diện tích khu đất 94.700m^2 , đã trừ 2.235m^2 HLLG, 978m^2 HLBVDNT; Mục đích sử dụng đất: Xây dựng công trình công nghiệp. Thời hạn sử dụng: 49 năm kể từ ngày 30/12/2002.

4. Giấy phép xây dựng này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

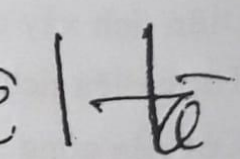
5. Giấy phép này thay thế giấy phép xây dựng tạm số 792/GPXD-SXD ngày 14/5/2015 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: VT. Thg., 

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Lộc Hà

- + Chiều cao tầng trệt: 3,6m;
- + Chiều cao công trình: 16,35m;
- + Số tầng: 05 tầng;

c) Nhà nghỉ công nhân : (Quy mô 02 tầng; Kết cấu: Mái Tôn, tường gạch xây tô, Cột BTCT, Nền lát gạch, Cửa sắt kính).

- + Loại công trình: Công trình dân dụng;
- + Cấp công trình: Cấp III;
- + Vị trí xây dựng: Thửa 152, tờ bản đồ số 59, phường Uyên Hưng;
- + Cốt nền xây dựng công trình: 0,2m;
- + Mật độ xây dựng: 1,09%, hệ số sử dụng đất: 0,02;
- + Chỉ giới đường đỏ: 21m (Tính từ trục đường ĐT-747);
- + Chỉ giới xây dựng: 21m (Tính từ trục đường ĐT-747);
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 1020m²; tầng 2: 1264,8m²;
- + Tổng diện tích sàn: 2284,8m²;
- + Chiều cao tầng trệt: 3,8m;
- + Chiều cao công trình: 8,15m;
- + Số tầng: 02 tầng;

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy CN QSDĐ số CT19075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/8/2017.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 22067 Quyền số: 12 SCT/BS

Ngày: 19-12-2018



Ngô Quang Sự

Đỗ Thị Huỳnh Trang

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

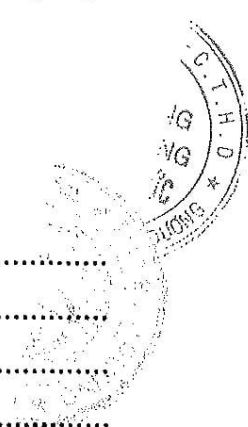
1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Tân Uyên, ngày tháng năm.....

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ



SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 455 /GPXD

Căn cứ công văn số 1729/UB-SX ngày 16/05/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc qui hoạch đất để thực hiện dự án .

I. Cấp cho: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất vật liệu xây dựng Đông Hòa.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Lập, xã Đông Hòa, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000230 ngày 22/07/2002 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

II. Được phép xây dựng công trình: Xưởng sản xuất gạch Tuy nen theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật do Công ty xây dựng tư vấn tổng hợp Bình Phước lập, gồm các hạng mục sau đây:

1/ Nhà chứa đất:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp 4A.
- Diện tích: $15\text{m} \times 24\text{m} = 360\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng bê tông cốt thép. Không xây tường bao. Cột khung, vì kèo, đòn tay bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông đá.

2/ Nhà bao che lò nung – hầm sấy:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: $22\text{m} \times 90\text{m} = 1.980\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường đầu hồi xây gạch, dọc nhà 2 bên bỏ trống. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp fibrociment, không có trần. Nền đổ bê tông.

3/ Nhà tạo hình, chứa than, kho, xưởng cơ khí:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: $3\text{m} \times 6\text{m} + 9\text{m} \times 27\text{m} + 18\text{m} \times 27\text{m} = 747\text{m}^2$.



- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch và che bằng tole. Cửa sổ hoa sắt và cửa đi sắt xếp. Cột trụ, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông.

4/ Nhà phơi gạch mộc:

- Quy mô: Nhà 1 tầng, cấp III.
- Diện tích: $37,35\text{m} \times 90\text{m} + 17,7\text{m} \times 59\text{m} = 4.405,8\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng bê tông cốt thép. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Không xây tường bao. Nền đổ lát gạch đất nung.

III. Địa điểm xây dựng công trình:

- Công trình được xây dựng trên khu đất có diện tích 94.700m^2 .
- Tọa lạc tại: Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Vị trí:
 - + Đông giáp: Đường ĐT747.
 - + Tây giáp: Đường đất.
 - + Nam giáp: Đường nội bộ.
 - + Bắc giáp: Đường giao thông nội bộ.
- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725-QSĐĐ/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn vật liệu xây dựng Đông Hòa (thuê đất).
- Chỉ giới xây dựng: Định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

IV. Những điều cần lưu ý:

A/ Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

B/ Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:

- Những điều chỉnh bổ sung thiết kế trước khi khởi công xây dựng công trình: Bổ sung thiết kế hệ thống thoát nước và thu lồi chống sét tổng thể cho công trình.

- Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công tự chịu trách nhiệm về chất lượng và độ an toàn bền vững của công trình.

- Khi xây dựng không được làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và các công trình kỹ thuật hạ tầng của khu vực.

- Phải thực hiện đúng theo công văn số 83/PC23 ngày 10/03/2003 của phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh Bình Dương và phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 49/KHCNMT ngày 24/03/2003 của Sở Khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Bình Dương.

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư và xây dựng và giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, tên đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

- Khi xây dựng xong và làm đầy đủ thủ tục thuê đất theo quy định thì Chủ đầu tư mới được phép lập hồ sơ hoàn công. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

C/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký; quá thời hạn trên thì phải xin giấy phép gia hạn. *nl*

Bình Dương, ngày 07 tháng 4 năm 2003

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu phòng KTKT.
- VP. (để lưu).



Nguyễn Văn Nhiều

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1300/SXD-KTKT

Bình Dương, ngày 19 tháng 1 năm 2021

V/v Miễn giấy phép xây dựng công
trình Cải tạo, sửa chữa Nhà máy
gạch Tuynel Đông Hòa

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa

Sở Xây dựng nhận được hồ sơ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà máy gạch Tuynel Đông Hòa, tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Sau khi xem xét, Sở Xây dựng có ý kiến như sau.

Căn cứ Điểm g, Khoản 2, Điều 89, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điểm d, Khoản 2, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà máy gạch Tuynel Đông Hòa của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa, tại phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (theo đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình ngày 19/01/2021, chủ đầu tư thực hiện việc sửa chữa, cải tạo: thay mới mái tôn; làm thêm lớp nền và sơn chống sét) thuộc công trình được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, trước khi thực hiện việc sửa chữa, cải tạo công trình, chủ đầu tư phải báo cho chính quyền địa phương biết và theo dõi.

Căn cứ Văn bản số 1961/KH-UBND ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kế hoạch thực hiện lộ trình giảm dần việc sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Văn bản số 4015/SXD-KTKT ngày 16/10/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc khảo sát, báo cáo và có ý kiến đối với đề xuất gia hạn thực hiện lộ trình giảm dần gạch đất sét nung theo kết hoạch số 1961/KH-UBND. Do đó, Chủ đầu tư liên hệ UBND thị xã Tân Uyên để nắm thêm thời gian hoạt động, sản xuất của dự án.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, đề nghị Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa thực hiện theo các nội dung được hướng dẫn trên và liên hệ với Sở Xây dựng để nhận lại hồ sơ. *me*

Trân trọng.

Nơi nhận: *me*

- Như trên;
- Ban GD SXD (đ/b);
- UBND thị xã Tân Uyên (theo dõi);
- Lưu: VT, KTKT, Tm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bộ Kỹ Thuật

CÔNG TY TNHH SX TM
ĐÔNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108

Bình Dương, ngày 16 tháng 03 năm 2020.

THÔNG BÁO

V/v Tạm ngừng hoạt động kinh doanh gạch tuynel



Kính gửi: - Sở Tài Nguyên Môi Trường Tỉnh Bình Dương

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HÒA

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3700 147 821

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 152, tờ bản đồ 59, tổ 5, KP7, Phường Uyên Hưng, TX. Tân Uyên, Bình Dương

Điện thoại: 0903 824 407

Fax:

Email: congtydonghoa102019@gmail.com

Ngành, nghề kinh doanh: sản xuất gạch tuynel và cho thuê nhà xưởng

Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh sản xuất gạch tuynel như sau:

Thời gian tạm ngừng hoạt động: từ 01/02/2020

Lý do: Nhà xưởng xuống cấp phải sửa chữa, nâng cấp để đảm bảo hoạt động sản xuất được an toàn cho người lao động. Hồ sơ xin sửa chữa đang gửi tại phòng Quản Lý Đô Thị Tân Uyên chờ thẩm định.

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

nơi nhận:

- như trên

- phòng kế toán

-LH: 0981 772 999

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hoàng Ngọc Lý

Số: 5 ~~36~~TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 01/CV ghi ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Công ty TNHH SX TM Đông Hòa.

Người đại diện theo pháp luật là Ông/Bà: Hoàng Ngọc Lý, Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Nhà kho, ký túc xá công nhân và các hạng mục công trình phụ trợ.

Địa điểm xây dựng: Thửa đất 152, tờ bản đồ 59, tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH SX TM Đông Hòa.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM&DV PCCC 4/10 và Công ty cổ phần KT XD OMNY Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ; Bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy;
- Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn; Giải pháp chống tụ khói;
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu; Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.

Nơi nhận:

- C07 (để báo cáo);
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: CTPC Hoàn.

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

HÓA ĐƠN NƯỚC



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/12/2022 đến ngày: 9/1/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC TÂN UYÊN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 128590

Số BL: 171407

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TỜ 5, KP7, P.UYÊN HƯNG, TX.TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P.UYÊN HƯNG, TX.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 01/2023	Khoán 0	Chỉ số cũ 52.521	Chỉ số mới 52.943	M ³ Tiêu thụ 422
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 422	14.490	6.114.780		Tiền nước: 5.823.600 Tiền thuế GTGT 5% : 291.180 Phí BV môi trường 10%: 582.360		
Tổng số tiền phải trả: 6.697.140 Bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi đồng				Ngày 10 tháng 01 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 10/01/2023 08:49:50		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC TÂN UYÊN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 518626

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/1/2023 đến ngày: 9/2/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 521484

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 02/2023	Khoán 0	Chỉ số cũ 52.943	Chỉ số mới 53.236	M ³ Tiêu thụ 293
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 293	14.490	4.245.570		Tiền nước: 4.043.400 Tiền thuế GTGT 5% : 202.170 Phí BV môi trường 10%: 404.340		
Tổng số tiền phải trả: 4.649.910				Ngày 11 tháng 02 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/02/2023 09:23:10		
Bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm mười đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/2/2023 đến ngày: 9/3/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC TÂN UYÊN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 881902

Số BL: 868827

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P.UYÊN HƯNG, TX.TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P.UYÊN HƯNG, TX.TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		03/2023	0	53.236	53.650	414
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 414	14.490	5.998.860		Tiền nước: 5.713.200 Tiền thuế GTGT 5%: 285.660 Phí BV môi trường 10%: 571.320		
Tổng số tiền phải trả: 6.570.180 Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm bảy mươi ngàn một trăm tám mươi đồng				Ngày 11 tháng 03 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/03/2023 08:51:04		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/3/2023 đến ngày: 9/4/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại:

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC TÂN UYÊN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 1200805

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 1197150

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08	04/2023	0	53.650	54.164	514
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
SX: 514	14.490	7.447.860	Tiền nước: 7.093.200 Tiền thuế GTGT 5% : 354.660 Phí BV môi trường 10%: 709.320		
Tổng số tiền phải trả: 8.157.180 Bằng chữ: Tám triệu một trăm năm mươi bảy ngàn một trăm tám mươi đồng			Ngày 11 tháng 04 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/04/2023 16:41:56		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

**Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Số BL: 1554661

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/4/2023 đến ngày: 9/5/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 1587633

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		05/2023	0	54.164	54.651	487
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 487	14.490	7.056.630		Tiền nước: 6.720.600 Tiền thuế GTGT 5% : 336.030 Phí BV môi trường 10%: 672.060		
Tổng số tiền phải trả:				7.728.690		
Bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi đồng				Ngày 11 tháng 05 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/05/2023 14:56:35		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 1950829

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/5/2023 đến ngày: 9/6/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: **1969206**

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		06/2023	0	54.651	55.474	823
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 823	14.490	11.925.270		Tiền nước: 11.357.400 Tiền thuế GTGT 5% : 567.870 Phí BV môi trường 10%: 1.135.740		
Tổng số tiền phải trả: 13.061.010 Bằng chữ: Mười ba triệu không trăm sáu mươi một ngàn không trăm mười đồng				Ngày 13 tháng 06 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/06/2023 09:50:59		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 2302955

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỔ BẦN ĐỒ 59, TỔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/6/2023 đến ngày: 9/7/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 2341893

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 07/2023	Khoán 0	Chi số cũ 55.474	Chi số mới 56.048	M ³ Tiêu thụ 574
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 574	14.490	8.317.260		Tiền nước: 7.921.200 Tiền thuế GTGT 5% : 396.060 Phí BV môi trường 10%: 792.120		
Tổng số tiền phải trả: Bằng chữ: Chín triệu một trăm lẻ chín ngàn ba trăm tám mươi đồng				Ngày 12 tháng 07 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/07/2023 10:28:13		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 2649088

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TÔ BÀN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/7/2023 đến ngày: 9/8/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: **2689070**

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		08/2023	0	56.048	56.695	647
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 647	14.490	9.375.030		Tiền nước: 8.928.600 Tiền thuế GTGT 5% : 446.430 Phí BV môi trường 10%: 892.860		
Tổng số tiền phải trả: 10.267.890				Ngày 11 tháng 08 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/08/2023 08:55:25		
Bằng chữ: Mười triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm chín mươi đồng						



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3037661

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TỜ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/8/2023 đến ngày: 9/9/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 3081694

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		09/2023	0	56.695	57.392	697
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 697	14.490	10.099.530		Tiền nước: 9.618.600 Tiền thuế GTGT 5% : 480.930 Phí BV môi trường 10%: 961.860		
Tổng số tiền phải trả: 11.061.390 Bằng chữ: Mười một triệu không trăm sáu mươi một ngàn ba trăm chín mươi đồng				Ngày 13 tháng 09 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 13/09/2023 08:49:31		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3390869

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TỜ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/9/2023 đến ngày: 9/10/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: 3432762

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		10/2023	0	57.392	58.025	633
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 633	14.490	9.172.170		Tiền nước: 8.735.400 Tiền thuế GTGT 5%: 436.770 Phí BV môi trường 10%: 873.540		
Tổng số tiền phải trả: 10.045.710				Ngày 12 tháng 10 năm 2023 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/10/2023 08:59:26		
Bằng chữ: Mười triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm mười đồng						



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 3818700

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/10/2023 đến ngày: 9/11/2023

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K23TTN

Số: **3819947**

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		11/2023	0	58.025	58.868	843
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 843	13.800	11.633.400		Tiền nước: 11.633.400 Tiền thuế GTGT 5% : 581.670 Phí BV môi trường 10%: 1.163.340		
Tổng số tiền phải trả: 13.378.410 Bằng chữ: Mười ba triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười đồng				Ngày 25 tháng 11 năm 2023		
				TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 25/11/2023 16:38:44		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 202965

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/12/2023 đến ngày: 9/1/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 187181

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HÒA

Địa chỉ KH: THÙA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HÙNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HÙNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 01/2024	Khoản 0	Chi số cũ 0	Chi số mới 594	M ³ Tiêu thụ 594
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 594	13.800	8.197.200		Tiền nước: 8.197.200 Tiền thuế GTGT 5% : 409.860 Phí BV môi trường 10%: 819.720		
Tổng số tiền phải trả: 9.426.780				Ngày 11 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/01/2024 08:41:11		
Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/1/2024 đến ngày: 9/2/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

**Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 533143

Số BL: 607086

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỨA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HUNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HUNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 02/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 594	Chỉ số mới 1.172	M ³ Tiêu thụ 578
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 578	13.800	7.976.400		Tiền nước: 7.976.400 Tiền thuế GTGT 5% : 398.820 Phí BV môi trường 10%: 797.640		
Tổng số tiền phải trả: 9.172.860				Ngày 16 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 16/02/2024 08:53:40		
Bằng chữ: Chín triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/2/2024 đến ngày: 9/3/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 905516

Số BL: 954113

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 03/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 1.172	Chỉ số mới 1.648	M ³ Tiêu thụ 476
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 476	13.800	6.568.800		Tiền nước: 6.568.800 Tiền thuế GTGT 5% : 328.440 Phí BV môi trường 10%: 656.880		
Tổng số tiền phải trả: 7.554.120				Ngày 12 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/03/2024 09:27:00		
Bằng chữ: Bảy triệu năm trăm năm mươi tư ngàn một trăm hai mươi đồng						



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/3/2024 đến ngày: 9/4/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 1319225

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1307577

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HUNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HUNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		04/2024	0	1.648	2.346	698
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 698	13.800	9.632.400		Tiền nước: 9.632.400 Tiền thuế GTGT 5%: 481.620 Phí BV môi trường 10%: 963.240		
Tổng số tiền phải trả: 11.077.260				Ngày 11 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/04/2024 14:18:32		
Bằng chữ: Mười một triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi đồng						



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trĩ - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 1693950

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỪA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TÔ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/4/2024 đến ngày: 9/5/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1682995

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		05/2024	0	2.346	2.976	630
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 630	13.800	8.694.000		Tiền nước: 8.694.000 Tiền thuế GTGT 5% : 434.700 Phí BV môi trường 10%: 869.400		
Tổng số tiền phải trả: 9.998.100				Ngày 11 tháng 05 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 11/05/2024 08:37:24		
Bằng chữ: Chín triệu chín trăm chín mươi tám ngàn một trăm đồng						



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 2086200

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỦA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TỜ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/5/2024 đến ngày: 9/6/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2074680

Danh bộ 8501.0203.08		Kỳ/Năm 06/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 2.976	Chỉ số mới 3.775	M ³ Tiêu thụ 799
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 799	13.800	11.026.200		Tiền nước: 11.026.200 Tiền thuế GTGT 5% : 551.310 Phí BV môi trường 10%: 1.102.620		
Tổng số tiền phải trả: 12.680.130				Ngày 12 tháng 06 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/06/2024 08:51:01		
Bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn một trăm ba mươi đồng						



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂN UYÊN -
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI
TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 2466345

Tên Khách Hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 152, TỜ BẢN ĐỒ 59, TỜ 5, KP7, P. UYÊN HƯNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: KP 7 DT747, P. UYÊN HƯNG, TP. TÂN UYÊN, BD

Mã số thuế KH: 3700147821

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 10/6/2024 **đến ngày:** 9/7/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3653211

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 2456314

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8501.0203.08		07/2024	0	3.775	4.450	675
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 675	13.800	9.315.000		Tiền nước: 9.315.000 Tiền thuế GTGT 5% : 465.750 Phí BV môi trường 10%: 931.500		
Tổng số tiền phải trả: 10.712.250				Ngày 12 tháng 07 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Mười triệu bảy trăm mười hai ngàn hai trăm năm mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 12/07/2024 06:42:26		

HÓA ĐƠN ĐIỆN



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1404857221

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 351064 ngày 02 tháng 07 năm 2024)

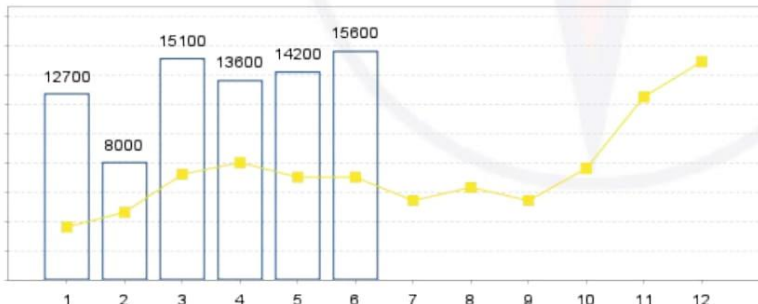
Khách hàng	Công Ty TNHH SX - TM Đông Hòa
Địa chỉ	Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, tờ 5, Kp 7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương
Điện thoại	0967317806
Email	dieuthuong2013@gmail.com
Mã số thuế	3700147821
Địa chỉ sử dụng điện	Trụ 22, Tuyến trục 480 Trường Thành, Kp. 7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2024 (30 ngày từ 01/06/2024 đến 30/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17085961				
Khung giờ bình thường	100	10.871	10.779	9.200
Khung giờ cao điểm	100	5.952	5.902	5.000
Khung giờ thấp điểm	100	745	731	1.400
				Tổng: 15.600



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	9.200	15.354.800
Khung giờ cao điểm	3.093	5.000	15.465.000
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.400	1.517.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		15.600	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			32.337.400
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.586.992
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			34.924.392

Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060007929



Số tiền thanh toán

34.924.392 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 07/ 2024 15:49:19



Công ty Điện Lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

☎19001006-19009000

Số bảng kê: 1404253120

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 350132 ngày 02 tháng 07 năm 2024)

Khách hàng

Công Ty TNHH SX - TM Đông Hòa (Trạm 2)

Địa chỉ

Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, tổ 5, Kp 7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Điện thoại

0967317806

Email

hoangngocly2010@gmail.com

Mã số thuế

3700147821

Địa chỉ sử dụng điện

Trụ 18, tuyến 480 Trường Thành, Kp.7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

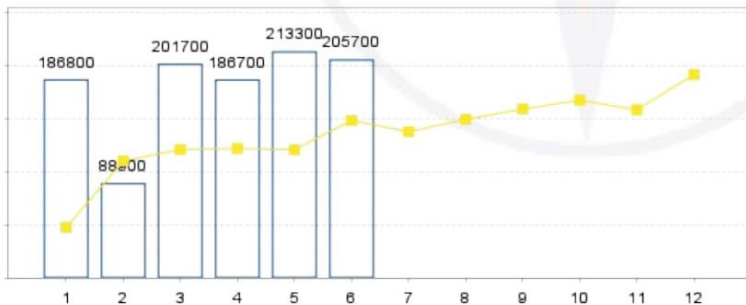
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2024 (10 ngày từ 21/06/2024 đến 30/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO Đếm	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17093891				
Khung giờ bình thường	100	45.927	45.564	36.300
Khung giờ cao điểm	100	21.148	20.991	15.700
Khung giờ thấp điểm	100	8.813	8.694	11.900
				Tổng: 63.900



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	36.300	60.584.700
Khung giờ cao điểm	3.093	15.700	48.560.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	11.900	12.899.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		63.900	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			122.044.400
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			9.763.552
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			131.807.952

Bảng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu tám trăm linh bảy nghìn chín trăm năm mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060054260



Số tiền thanh toán

131.807.952 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

☎ 19001006-19009000

✉ cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 07/ 2024 15:49:08



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1404857159

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 351063 ngày 02 tháng 07 năm 2024)

Khách hàng

**Công Ty TNHH SX - TM Đông Hòa
(Trạm 3)**

Địa chỉ

Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, tờ 5, Kp 7, P.Uyên Hưng,
Tp.Tân Uyên, T.Bình Dương

Điện thoại

0967317806

Email

hoangngocly2010@gmail.com

Mã số thuế

3700147821

Địa chỉ sử dụng điện

Trụ 08, NR.Đông Hòa, Kp.7, P.Uyên Hưng, Tp.Tân Uyên,
T.Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

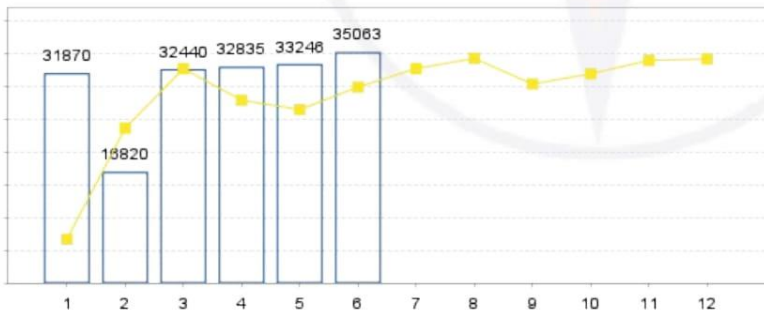
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2024 (30 ngày từ 01/06/2024 đến 30/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000023013737				
Khung giờ bình thường	1	50.478	27.912	22.566
Khung giờ cao điểm	1	23.684	13.206	10.478
Khung giờ thấp điểm	1	5.026	3.007	2.019
				Tổng: 35.063



■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	22.566	40.821.894
Khung giờ cao điểm	3.314	10.478	34.724.092
Khung giờ thấp điểm	1.184	2.019	2.390.496
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		35.063	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			77.936.482
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			6.234.919
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			84.171.401

Bảng chữ: Tám mươi bốn triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm linh một đồng.



Mã khách hàng

PB04060062065



Số tiền thanh toán

84.171.401 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ

<https://www.cskh.evnspsc.vn/>

và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận
1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC
BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 07/ 2024 15:49:18



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1404857115

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 351062 ngày 02 tháng 07 năm 2024)

Khách hàng

Công Ty TNHH SX - TM Đông Hòa (Trạm 4)

Địa chỉ

Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, tờ 5, Kp 7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Điện thoại

0967317806

Email

hoangngocly2010@gmail.com

Mã số thuế

3700147821

Địa chỉ sử dụng điện

Trụ 09, NR. Đông Hòa, Kp. 7, P. Uyên Hưng, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2024 (30 ngày từ 01/06/2024 đến 30/06/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000023013736				
Khung giờ bình thường	1	51.812	29.269	22.543
Khung giờ cao điểm	1	16.160	9.125	7.035
Khung giờ thấp điểm	1	9.853	5.579	4.274
				Tổng: 33.852



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại □ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	22.543	40.780.287
Khung giờ cao điểm	3.314	7.035	23.313.990
Khung giờ thấp điểm	1.184	4.274	5.060.416
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		33.852	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			69.154.693
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			5.532.375
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			74.687.068

Bảng chữ: Bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PB04060062066



Số tiền thanh toán

74.687.068 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 07/ 2024 15:49:18

VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ CHẤT THẢI RẮN

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY
NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 200/H. - RSH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hòa

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hòa theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700147821 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần 14) ngày 04/08/2023.

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA

Địa chỉ: Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, Tờ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 640823

Mã số thuế: 3700147821

Do Ông/Bà: **HOÀNG NGỌC LÝ**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700147821TU00

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải sinh hoạt: chất thải từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	7.600	6.080.000	5.600.000	11.680.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Thương	<u>Congtydonghoa102019@gmail.com</u>	0967317806

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/ tuần vào thứ 3, 6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết) 
- Địa điểm giao nhận: tại Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hòa (02 điểm tập kết rác tại công ty) (Địa chỉ: Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, Tờ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên, T.Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2024. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo quy định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Lý



Ngô Chí Thắng

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao chất thải đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

Số: 2259 -RCN/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải công nghiệp của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đông Hoà

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đông Hoà theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700147821 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần 14) ngày 04/08/2023.

Hôm nay, ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI ĐÔNG HOÀ

Địa chỉ: Thửa đất 152, TĐĐ số 59, Tổ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 640823

Mã số thuế: 3700147821

Do Ông/Bà: **HOÀNG NGỌC LÝ**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700147821TU00

Ngành nghề: Sản xuất ngói, gạch ống, gạch đinh (lò tuynel)

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **NGÔ CHỈ THĂNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải công nghiệp thông thường chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: Thu gom theo yêu cầu bên A, tối thiểu 01 lần/ 03 tháng, bên A báo trước cho bên B trước 01 ngày (trừ ngày lễ và ngày tết).

- Địa điểm giao nhận: tại Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đông Hoà (Địa chỉ: Thửa đất 152, TĐĐ số 59, Tổ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

- ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Mút xốp, dây đai nhựa, bao bì, giấy vụn, gỗ vụn, nilon.	Rắn	2.000	1.000.000

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản
- Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải công nghiệp thông thường ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Thương	<u>Congtydonghoa102019@gmail.com</u>	0967317806

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2. 

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp thông thường không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đã ký kết
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.
- Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp thông thường không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

4782
IG T
'HH
'QUAT
G MA
HÒA
BINH

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

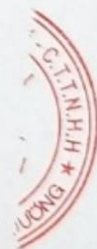
- 5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 11 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2. Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo quy định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.4. Hợp đồng bao gồm 6 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



GIÁM ĐỐC
Hoàng Ngọc Lý



Ngô Chí Thắng



Số: 259. -RNH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hoà

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ vào bảng phân định chất thải của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hoà ngày 22/11/2023
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đồng Hoà theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700147821 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần 14) ngày 04/08/2023.

Hôm nay, ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI ĐỒNG HOÀ

Địa chỉ: Thửa đất 152, TĐĐ số 59, Tổ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 640823

Mã số thuế: 3700147821

Do Ông/Bà: **HOÀNG NGỌC LÝ**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700147821TU00

Ngành nghề: Sản xuất ngói, gạch ống, gạch đinh (lò tuynel)

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Lâm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ 03 tháng vào ngày thứ...~~4~~...tuần thứ...~~3~~...của tháng thứ 3, 6, 9, 12 (trừ ngày lễ và ngày tết)

- Địa điểm giao nhận: Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Đông Hoà (Địa chỉ: Thửa đất 152, TBD số 59, Tổ 5, Khu Phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải và các thủy tinh hoạt tính thải khác	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/Chôn	15.000	1.500.000
02	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
03	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	5.000	
04	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A trên địa chỉ mail đã cung cấp; trường hợp Bên A chưa nhận được hóa đơn, vui lòng liên hệ Bên B qua số điện thoại **0274. 6566.292**.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: **www.biwase.com.vn** để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Thương	<u>Congydonghoa102019@gmail.com</u>	0967317806

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.

- + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
- + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3 Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 11 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo quy định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *X*

ĐẠI DIỆN BÊN A

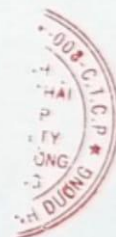


GIÁM ĐỐC
Hoà và Lý

ĐẠI DIỆN BÊN B *✓*



Ngô Chi Thưởng



CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

TỈNH/THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 263.../2023/3-4-5-6.061.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SẠCH VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, TX Phú Mỹ, T. Bà Rịa Vũng Tàu ĐT: 0254 3948354 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, TX Phú Mỹ, T. Bà Rịa Vũng Tàu ĐT: 0254 3948354							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng:ĐT: Địa chỉ cơ sở/dại lý:ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SX TM ĐỒNG HÒA Địa chỉ văn phòng: TD 152, TBD 59, Tổ 5, KP7, P. Uyên Hưng, TX. Tân Uyên, Bình Dương Địa chỉ cơ sở: TD 152, TBD 59, Tổ 5, KP7, P. Uyên Hưng, TX. Tân Uyên, Bình Dương							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm dầu	x			18 02 01	1500	TH HR
2	Cặn sơn	x			08 01 01	655	TH HR
3	Bóng đèn	x			16 01 06	15	HTXL TH HR
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập Số hiệu phương tiện:Ngày xuất cảng:Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 72C 13547							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>Lê Đức An</u> Ký:Ngày: 23/10/23							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  Bình dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023 <u>Hoàng Việt Hà</u>				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 14 tháng 10 năm 2023 <u>NGUYỄN ĐỨC CHUYÊN</u>			
@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□ Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1485/2023/3-4-5-6.061.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SẠCH VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, TX Phú Mỹ, T. Bà Rịa Vũng Tàu ĐT: 0254 3948354 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô 2, khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, TX Phú Mỹ, T. Bà Rịa Vũng Tàu ĐT: 0254 3948354							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: Địa chỉ cơ sở/dại lý:ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, Tờ 5, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thửa đất 152, Tờ bản đồ 59, Tờ 5, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại	x			18 01 01	1250	TĐ/HR
2	Cặn sơn thải	x			08 01 01		
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06		
4	Giẻ lau bao tay dính dầu nhớt thải	x			18 02 01		
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập Số hiệu phương tiện:Ngày xuất cảng:Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển 72C 13701							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Đức An Ngày: 07/11							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày 07 tháng 11 năm 2023.  Hoàng Việt Hà				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 6 tháng 11 năm 2023  Phó giám đốc kinh doanh Nguyễn Văn Huân			
@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□ Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sd: 21327 /2023..... /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

DT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.64 Số Giấy phép môi trường

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907 539/GPMT-BTNM

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Đồng Hòa Mã số QLCTNH: 116

Địa chỉ văn Phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: Khu 7, 77 Nguyễn Huệ, Tân Phú, TP. HCM DT

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Huỳnh Thanh Phú Quý Ký: Quý Ngày: 28/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 28 tháng 12 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

CHỖ NGÀY ANH: tháng 12 năm 2023

☐ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Sp. 119 - 2023 1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 02743.542.907

Số Giấy phép môi trường :
539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn tài: Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Hưng Hoa. Mã số QLCTNH: 0001

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ICM 7, TT Luyện Hùng, Tân Uyên, B.D DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); GL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C32322

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Hoàng Vũ Ký: [Signature] Ngày: 04/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn tài sản xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các

thông tin ở mục 4.7 (banc S)

ngày 01 tháng 01 năm 2024

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý

an toàn tất cả GTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày tháng năm 2021

Hoàng Việt Hà

Nguyễn Hoàng Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

10

2 ☐3 ☐

4 ✓

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3341 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 29, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743.542.996 Giấy phép môi trường:

ĐT: 02743.543.644 539/GPMT-BTNMT

Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải:

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đăng Hải

Mã số QLCTNH:

24 000 227 T

Địa chỉ văn Phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

Liên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	V			180201	1300	TD
2	Bong đèn huỳnh quang	V			160106	120	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 327 14

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ngô Huỳnh Tấn Giảo

Ký:

Giáo

Ngày: 29/10/24

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 29 tháng 09 năm 2024



Hoàng Việt Hà

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 3 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số

1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ ĐẤT ĐAI

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÔNG HOÀ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên; mã số doanh nghiệp: 3700147821

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 11 năm 1992; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 02 tháng 02 năm 2015. Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 152, tờ bản đồ 59, tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương..

*Đã cấp 3
phụ lục*

CH 830428

500929

pass: 1484146

anh lý: 0903824407

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất

- a) Thừa đất số: **152**, tờ bản đồ số: **59**.
 b) Địa chỉ: Phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 c) Diện tích: 93.398,6m² (bằng chữ: Chín mươi ba ngàn ba trăm chín mươi tám phẩy sáu mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/12/2051.
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp Công trình	Thời hạn Sử dụng
Nhà xưởng 1	2.700	2.700	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 2	2.700	2.700	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 3	2.700	2.700	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 4	2.700	2.700	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 5	2.700	2.700	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 6	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 7	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 8	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 9	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 10	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 11	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 12	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 13	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 14	3.000	3.000	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thuê đất có nguồn gốc đất công – Chưa nộp tiền bồi thường đất công vào ngân sách nhà nước.
- Cấp đổi GCNQSD đất số T 751450 ngày 30/12/2002, điều chỉnh diện tích theo số liệu đo đạc thực tế và chứng nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất.
- Tổng diện tích 93.398,6m² (trong đó có 1.103,8m² đất thuộc H.LATĐB). Việc quản lý sử dụng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

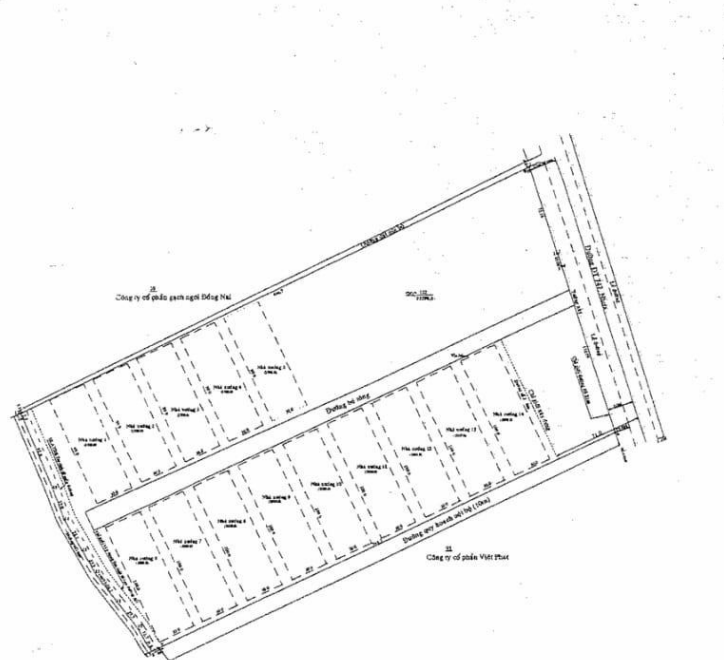
Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT19075

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 152

Tờ bản đồ số: 59

Số phát hành GCN: CH 830425

Số vào sổ cấp GCN: CT 19075

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 29/3/2016 có thay đổi: Tài sản gắn liền với đất đã hình thành, được chứng nhận quyền sở hữu trên giấy chứng nhận và tiếp tục thế chấp (nhà xưởng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14) tại Ngân hàng TMCP A Châu – Chi nhánh Bình Dương (Đ/c: Số 305 Đại lộ Bình Dương, khu phố 4, phường Chánh Nghĩa, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 729/quyền số 02/2017.	17-8-2017 PHÓ GIÁM ĐỐC  Nguyễn Thị Tuyết 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số:

-----oOo-----

-----oOo-----

Số: 84 /HĐ.TĐ

Bình Dương, ngày 11 tháng 12 năm 2003.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14/07/1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29/06/2001.

- Căn cứ Nghị định số: 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số: 66/2001/NĐ-CP ngày 28/09/2001 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số: 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số: 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14/12/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn trình tự lập, xét duyệt hồ sơ xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước.

- Căn cứ Quyết định số: 7309/QĐ-CT ngày 30/12/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương V/v thu hồi đất công tại thị trấn Uyên Hưng - huyện Tân Uyên, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê cho Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Hòa.

CHỨNG NHẬN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 1537 Q.Số: TP/CC-SCC/CK

Ngày 11 tháng 12 năm 2003

CÔNG CHỨNG VIỆN

I. Bên cho thuê đất: (Bên A)

- Đại diện : SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG
- Họ tên : CAO MINH HUỆ.
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC SỞ.
- Trụ sở : phường Phú Thọ, thị xã Thủ Đức, một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (0650) 822367 - 822257 - 822198.

II. Bên thuê đất: (Bên B)

- Đại diện : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG HÒA.
- Họ tên : HOÀNG NGỌC LÝ.
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC.
- Trụ sở : thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều I:

1. Bên A cho Bên B thuê khu đất diện tích là 94.700 m^2 tại thị trấn Uyên huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Để sử dụng vào mục đích: theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4602000230 ngày 21/07/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).

2. Vị trí khu đất được xác định theo tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 và sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/5.000 do Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và Địa chính huyện Tân Uyên xác lập ngày 28/11/2002 (kèm theo).

3. Thời hạn thuê đất: 49 (Bốn mươi chín) năm kể từ ngày 30/12/2002 (theo Quyết định số: 7309/QĐ-CT ngày 30/12/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều II: Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất: 198 đồng/ m^2 /năm (theo Quyết định số: 240/QĐ-CT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

* Số tiền thuê đất 01 năm là: $94.700 \text{ m}^2 \times 198 \text{ đồng/m}^2/\text{năm} = 18.750.600 \text{ đồng/năm}$.

2. Số tiền thuê đất được trả theo phương thức: Mỗi năm thanh toán hai lần, lần đầu trước ngày 30/06, lần sau nộp trước ngày 30/12 hàng năm với số tiền thuê đất cả năm là 18.750.600 đồng/năm.

3. Số tiền thuê đất bắt đầu được tính từ ngày: 10/01/2003 ngày bàn giao cột mốc, ranh giới thửa đất ngoài thực địa (có biên bản kèm theo).

Và nộp vào tài khoản kho bạc số: 741 của Kho bạc Nhà nước theo chương, loại, khoản, hạn tương ứng mục 21.

Điều III:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với quy hoạch đã ghi trong điều I của hợp đồng này.

Điều IV:

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển quyền sử dụng đất thuê nếu không đủ các điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba khi chưa được bên B thỏa thuận.

2. Trường hợp bên B bị phân chia, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì pháp nhân mới phải làm lại thủ tục thuê đất, thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của hợp đồng này. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê cho pháp nhân mới.

3. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất trước thời hạn thì bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất 6 tháng.

Bên A phải trả lời cho bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính từ ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
- Do đề nghị của một bên hoặc các bên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.
- Bên B bị phát mãi tài sản hoặc bị phá sản hoặc giải thể.
- Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều V: Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

Điều VI:

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng, trường hợp không thể thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều VII:

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp các văn bản có liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của bên B, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của bên B xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của pháp luật.

- Bên B không được quyền cho tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thuê đất theo quy định tại điều 80 Luật Đất đai, sửa đổi, bổ sung ngày 29/06/2001 và điều 1 của Nghị định số: 65/2001/NĐ-CP ngày 28/09/2001 của Chính phủ.

Điều VIII:

Hợp đồng được ký tại Sở Địa chính tỉnh Bình Dương ngày 11 / 02 / 2003 được lập thành 06 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Sở Địa chính tỉnh Bình Dương có trách nhiệm gửi hợp đồng thuê đất đến Sở Tài chính - Vật giá, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài nguyên & Môi trường để theo dõi quản lý.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐÔNG HÒA



Hoàng Ngọc Lập

GIÁM ĐỐC
SỞ ĐỊA CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG



Giáo - Minh - Huệ

Số: ~~154~~ /PLHĐTĐ1

Bình Dương, ngày 25 tháng 6 năm 2015

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT
(Hợp đồng thuê đất số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ hợp đồng thuê đất số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003 giữa Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Đông Hòa và Sở Địa chính (nay là Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương),

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

- Đại diện : Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương
- Họ tên : Bùi Văn Hai.
- Chức vụ : Phó Giám đốc.
- Địa chỉ : Tầng 09, Tháp A, Tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (0650) 3822358 - 3822252 - 3842326.

II. Bên thuê đất: Công ty TNHH sản xuất - thương mại Đông Hòa

- Đại diện : Hoàng Ngọc Lý
- Chức vụ : Giám đốc.
- Trụ sở : tổ 5, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hai bên thỏa thuận ký phụ kiện sửa đổi bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng thuê đất số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003. Cụ thể như sau:

Điều 1. Điều chỉnh tên bên thuê đất thành Công ty TNHH sản xuất - thương mại Đông Hòa Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3700147821, đăng ký lần đầu ngày 10/11/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/02/2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

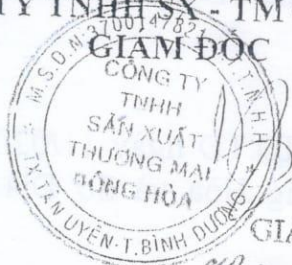
Điều 2. Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thuê đất số 81/HĐ.TĐ ngày 11/02/2003, các điều khoản khác của hợp đồng thuê đất vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng được ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, gồm 04 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và

gửi đến cơ quan Thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

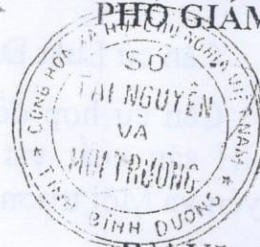
Phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bên thuê đất
CÔNG TY TNHH SX - TM ĐÔNG HÒA



GIÁM ĐỐC
Hoàng Ngọc Lý

Bên cho thuê đất
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Hai

PHỤ LỤC 2:
CÁC BẢN PHÂN TÍCH MẪU

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1031/03-22

Mã mẫu: 2203N205-2203N206 (054/03-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/03/2022 Ngày trả kết quả: 10/03/2022
Thời gian lưu mẫu : Nước thải
Loại mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu
NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				NT1	NT2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,68	6,55
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	68	<6
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	27	8
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	48	14
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	25,7	<0,93
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	30,4	7,29
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	3,57	0,31

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1032/03-22

Mã mẫu: 2203K207-2203K209 (054/03-22) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/03/2022 **Ngày trả kết quả**: 10/03/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,3	69,0	64,3
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,254	0,203	0,241
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,079	0,065	0,062
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,071	0,054	0,053
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	5,82	4,26	4,68

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 720/05-22

Mã mẫu: 2205N276-2205N277 (064/05-22) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2022 **Ngày trả kết quả**: 02/06/2022
Thời gian lưu mẫu : Nước thải
Loại mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu
NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				NT1	NT2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,37	7,91
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	41	<6
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	14	8
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	25	16
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,17	<0,93
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,36	5,23
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,82	0,64

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

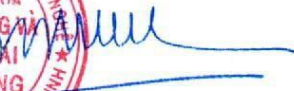
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

GIÁM ĐỐC

HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 721/05-22

Mã mẫu: 2205K278-2205K280 (064/05-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2022 Ngày trả kết quả: 02/06/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	65,8	62,4	60,8
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,249	0,218	0,154
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,061	0,054	0,067
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,058	0,054	0,063
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	5,51	4,58	5,14

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN TÙNG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1542/08-22

Mã mẫu: 2208KK142-2208KK144 (027/08-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 23/08/2022 **Ngày trả kết quả**: 30/08/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,2	65,7	63,3
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,258	0,184	0,152
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,086	0,070	0,059
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,060	0,057	0,046
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	3,96	4,63	4,29

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 1541/08-22

Mã mẫu: 2208NT140-2208NT141 (027/08-22) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 23/08/2022 **Ngày trả kết quả**: 30/08/2022
Thời gian lưu mẫu : Nước thải
Loại mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu
NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				NT1	NT2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,02	6,36
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	67	KPH MDL=2
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	39	10
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	84	24
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	15,9	<1,5
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	18,2	4,76
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,21	0,59

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 2171/11-22

Mã mẫu: 2211NT051-2211NT052 (015/11-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
 Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/11/2022 **Ngày trả kết quả**: 11/11/2022
Thời gian lưu mẫu : Nước thải
Loại mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu
 NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				NT1	NT2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,36	7,09
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	58	<6
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	71	14
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	124	25
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	18,7	<1,5
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	24,9	4,38
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,76	0,52

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 2172/11-22

Mã mẫu: 2211KK053-2211KK055 (015/11-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/11/2022 **Ngày trả kết quả**: 11/11/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: **KK1** khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK2** khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: **KK3** khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	68,6	58,1	59,2
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,221	0,279	0,248
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,084	0,071	0,057
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,061	0,056	0,049
5	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	3,89	3,02	3,44

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 558/03-23

Mã mẫu: 2303NT410-2303NT411 (101/03-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 18/03/2023 **Ngày trả kết quả**: 25/03/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu
NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				NT1	NT2
1	Độ pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,35	7,77
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	24	<6
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	30	14
4	Nhu cầu Oxy hoá học (COD) ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	52	30
5	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,59	3,40
6	Tổng Nito (N) ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,7	5,84
7	Tổng Photpho (P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,14	0,75

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

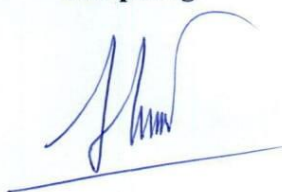
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Phó phòng



HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 559/03-23

Mã mẫu: 2303KK412-2303KK414 (101/03-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 18/03/2023 **Ngày trả kết quả**: 25/03/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	68,5	65,7	60,7
2	Bụi TSP ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,243	0,189	0,238
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,079	0,074	0,053
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,061	0,061	0,047
5	CO ^(a)	mg/m ³	HD-TMBQK 01	<10	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

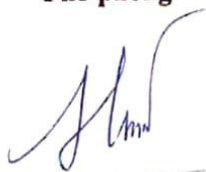
(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Phó phòng



HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2160/06-23

Mã mẫu: 2306NT1344 (220/06-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 24/06/2023 Ngày trả kết quả: 03/07/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hố thu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,07
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	64
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	143
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	256
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	53,6
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	58,9
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	8,26

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2161/06-23

Mã mẫu: 2306NT1345 (220/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 24/06/2023 Ngày trả kết quả: 03/07/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,74
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	17
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	32
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,22
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,41
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,67

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2162/06-23

Mã mẫu: 2306KK1346-2306KK1348 (220/06-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 24/06/2023 **Ngày trả kết quả**: 03/07/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2010	67,2	64,3	57,4
2	Bụi TSP ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,254	0,231	0,187
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,088	0,072	0,061
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,059	0,059	0,044
5	CO ^(a)	mg/m ³	HD-TMBQK 01	<10	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

*Phương pháp nội bộ, thông số không quy định từ Bộ tài nguyên và Môi trường

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3045/08-23

Mã mẫu: 2308NT723 (141/08-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 29/08/2023 **Ngày trả kết quả**: 05/09/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,36
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	93
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	87
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	193
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	52,8
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	58,2
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,71

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3046/08-23

Mã mẫu: 2308NT724 (141/08-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 29/08/2023 Ngày trả kết quả: 05/09/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	10
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	22
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH MDL=0,5
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	13,8
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,54

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

cuu

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3047/08-23

Mã mẫu: 2308KK725-2308KK727 (141/08-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 29/08/2023 **Ngày trả kết quả**: 05/09/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,8	63,9	60,7
2	Bụi TSP ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,287	0,214	0,156
3	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,081	0,068	0,053
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,064	0,054	0,047
5	CO ^(a)	mg/m ³	HD-TMBQK 01	<10	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

*Phương pháp nội bộ, thông số không quy định từ Bộ tài nguyên và Môi trường

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 4506/11-23

Mã mẫu: 2311NT935 (198/11-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/11/2023 **Ngày trả kết quả**: 28/11/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,15
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	44
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	117
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	230
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	54,9
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	62,4
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,73

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 4507/11-23

Mã mẫu: 2311NT936 (198/11-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/11/2023 **Ngày trả kết quả**: 28/11/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,55
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	7
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	16
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH MDL=0,5
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,6
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,31

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

au

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 4508/11-23

Mã mẫu: 2311KK937-2311KK939 (198/11-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
 Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/11/2023 **Ngày trả kết quả**: 28/11/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
 : KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
 : KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	68,8	63,2	60,7
2	Bụi TSP ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 5067:1995	0,221	0,185	0,142
3	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 5971:1995	0,079	0,066	0,050
4	NO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 6137:2009	0,061	0,051	0,044
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HD-TMBQK 01	<10	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1069/03-24

Mã mẫu: 2403NT952 (241/03-24) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/03/2024 Ngày trả kết quả: 28/03/2024
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,85
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	74
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	68
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	145
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	66,0
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	70,4
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,27

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1070/03-24

Mã mẫu: 2403NT953 (241/03-24) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/03/2024 **Ngày trả kết quả**: 28/03/2024
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,81
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	39
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	23
4	COD ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220.C:2017	54
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,06
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	17,1
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,36

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1071/03-24

Mã mẫu: 2403KK954-2403KK955 (241/03-24) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 21/03/2024 **Ngày trả kết quả:** 28/03/2024
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,8	59,3	62,3
2	Bụi TSP ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	184	154	152
3	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	79	69	51
4	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	52	45
5	CO ^(a)	µg/Nm ³	HD-TMBQK 01	<10.000	<10.000	<10.000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOANG VAN TIN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2232/05-24

Mã mẫu: 2405NT687 (136/05-24) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/05/2024 **Ngày trả kết quả**: 27/05/2024
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NT1 lấy tại hồ thu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,04
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	69
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	64
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	127
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	45,3
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	51,4
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,16

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2233/05-24

Mã mẫu: 2405NT688 (136/05-24) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu: NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu: 20/05/2024 **Ngày trả kết quả**: 27/05/2024
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu: Nước thải
Mô tả mẫu: Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu: NT2 lấy sau hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,81
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6
3	BOD ₅ ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	8
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	19
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,30
6	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	14,5
7	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,40

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2234/05-24

Mã mẫu: 2405KK689-2405KK691 (136/05-24) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HOÀ
Địa chỉ lấy mẫu : NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Ngày lấy (nhận) mẫu : 20/05/2024 Ngày trả kết quả: 27/05/2024
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
: KK1 khu vực trước cổng Công ty giáp đường DT747
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KK2 khu vực trước cổng các nhà xưởng hiện hữu
: KK3 khu vực cuối đường chính công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,1	68,9	66,1
2	Bụi ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	203	171	229
3	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	83	<78	<78
4	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	66	57	49
5	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-K.05	<15.000	<15.000	<15.000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

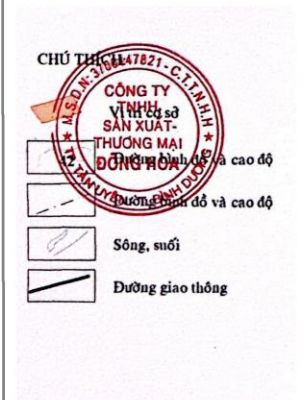
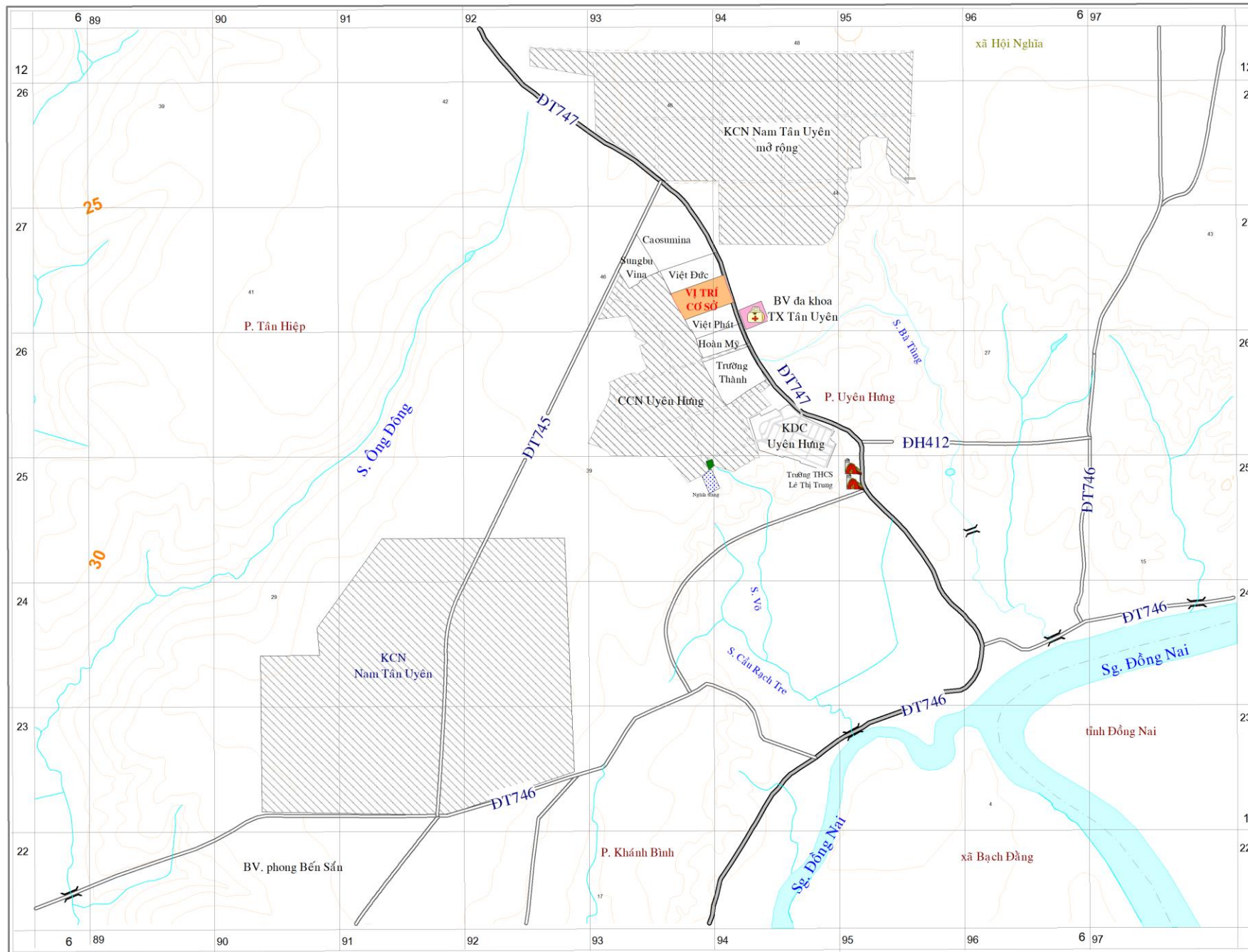
PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHỤ LỤC 3:
CÁC BẢN VẼ

BẢN VẼ VỊ TRÍ GIAO THÔNG

CÔNG TY TNHH SX TM ĐÔNG HÒA, PHƯỜNG UYÊN HƯNG, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG



- Khu vực địa hình cao độ
- Đường giao thông
- Sông, suối

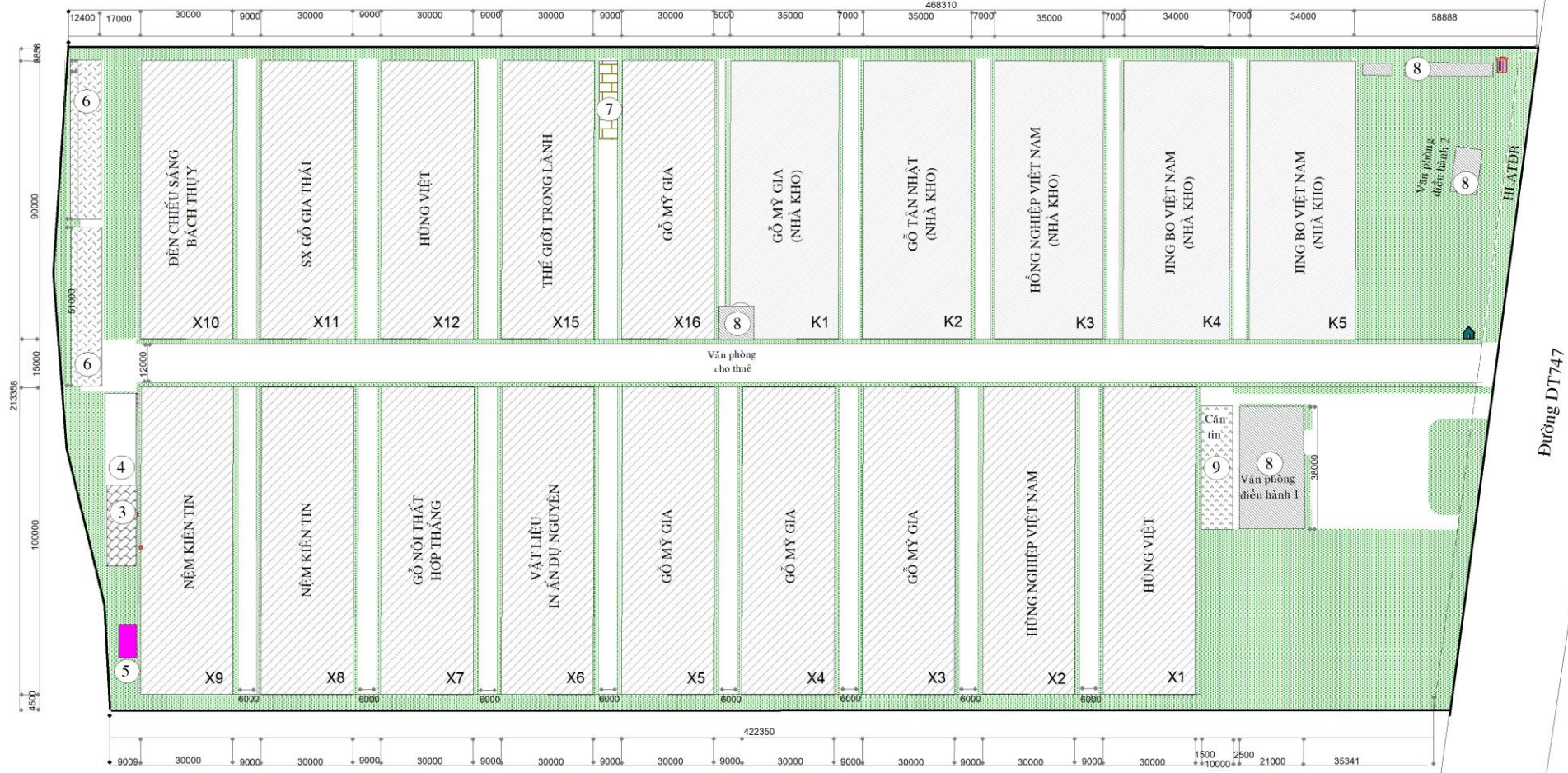
"Được trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000
Kính tuyến trực 105, mũi chiếu 3 độ"

Tỷ lệ: 1:50.000

Bản vẽ BVKT01: Bản vẽ vị trí giao thông

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

tỷ lệ: 1/150



CHÚ THÍCH:

- (X) Nhà xưởng
- (K) Nhà kho
- (3) Bể PCCC
- (4) Bãi xe
- (5) Hệ thống xử lý nước thải
- (6) Nhà nghỉ công nhân
- (7) Kho chất thải
- (8) Văn phòng
- (9) Căn tin
- Cây xanh
- Trạm điện 3 pha
- Nhà bảo vệ

Tư vấn:
CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG PHÚ HÒA
Địa chỉ: Phường Cầu Hòa, thành phố Thủ Đức Một, Bình Dương.
Giám đốc: Trần Thị Thu Vân
Thiết kế: Nguyễn Phương Nam

Chủ đầu tư:
CÔNG TY TNHH SX TM BÔNG HÒA
Tên công ty: BÔNG HÒA
Địa chỉ: Phường Uyên Lương, thị trấn Uyên, Bình Dương.
Giám đốc: Hoàng Việt Hà

Tên bản vẽ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
Số liệu bản vẽ: BVKT02
Ngày thành lập: Tháng 10/2024

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM, THOÁT NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI

tỷ lệ: 1/150



CHÚ THÍCH:

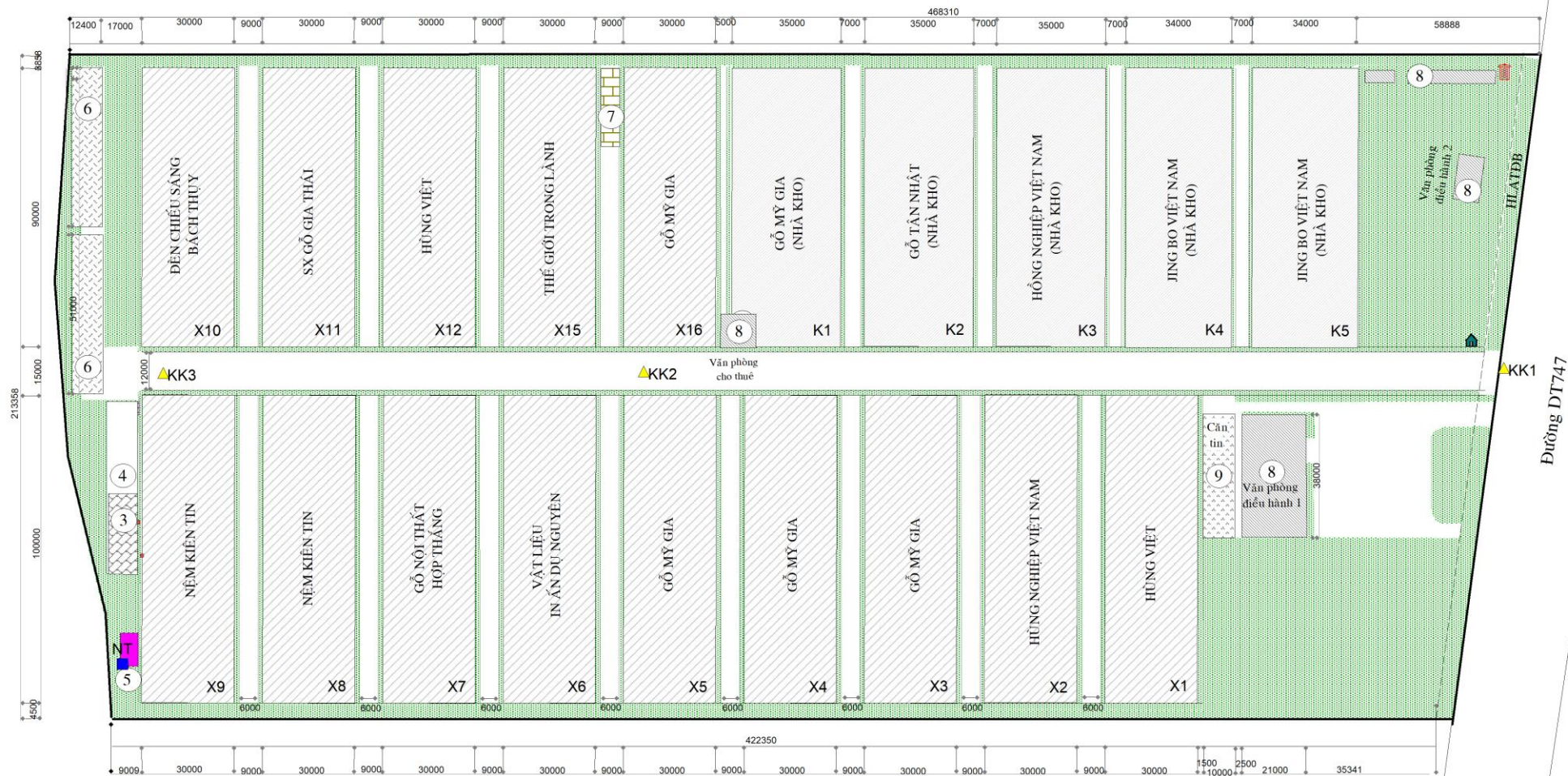
- | | | | |
|----------------------------|----------------------|-------------------------|--|
| ① Nhà xưởng | ⑥ Nhà nghỉ công nhân | Cây xanh | — — — — — Hệ thống thu gom, thoát nước mưa |
| ② Nhà kho | ⑦ Kho chất thải | Trạm điện 3 pha | — — — — — Hệ thống thu gom, thoát nước thải hiện hữu |
| ③ Bể PCCC | ⑧ Văn phòng | Nhà bảo vệ | — — — — — Đường ống thoát nước thải dự kiến xây lắp |
| ④ Bãi xe | ⑨ Cẩn tín | Bể tự hoại | ○ Hồ ga nước thải |
| ⑤ Hệ thống xử lý nước thải | | +0,050 Cao độ nắp hố ga | ■ Hồ ga nước mưa |
| | | +0,941 Cao độ đáy hố ga | |

Tư vấn:
CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG PHÚ HÒA
Địa chỉ: Phường Phú Hòa, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Giám đốc: *Trần Thị Thu Vân*
Thi công: *Nguyễn Thị Ngọc Vân*
Thiết kế: *Nguyễn Phương Nam*

Chủ đầu tư:
CÔNG TY TNHH SX TM ĐỒNG HÒA
Tên công trình:
NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
Địa chỉ: Phường Phú Hòa, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Giám đốc: *Hoàng Việt Hà*

Tên bản vẽ:
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM, THOÁT NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI
Số hiệu bản vẽ: **BVKT03**
Ngày thành lập: **Tháng 10/2024**

tỷ lệ: 1/150



X	Nhà xưởng	6	Nhà nghỉ công nhân		Cây xanh		KK	Vị trí lấy mẫu không khí
K	Nhà kho	7	Kho chất thải		Trạm điện 3 pha		NT	Vị trí lấy mẫu nước thải
3	Bể PCCC	8	Văn phòng		Nhà bảo vệ			
4	Bãi xe	9	Căn tin					
5	Hệ thống xử lý nước thải							

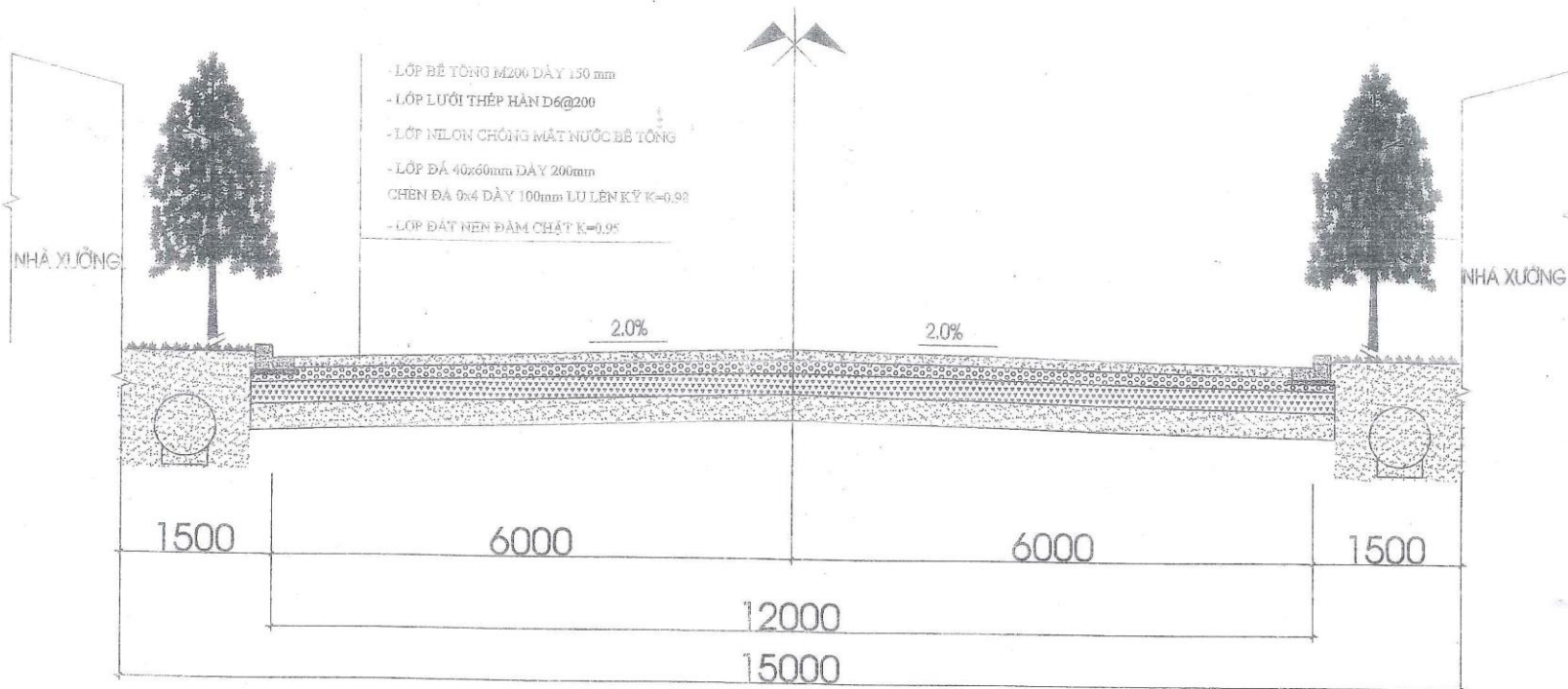
Giám đốc  Trần Thị Thu Vân	Kiểm tra  Nguyễn Thị Túy Vân	Thiết kế  Nguyễn Phương Nam
---	---	--

Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH SGTĐ CÔNG HÒA**
 Tên công trình: **NEHA KƯƠNG ĐÓ THỦE**
 Địa chỉ: Phường Hưng Dũng, quận Tân Uyên,
 tỉnh Bình Dương
 Giám đốc: Hoàng Việt Hà

Tên bản vẽ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU

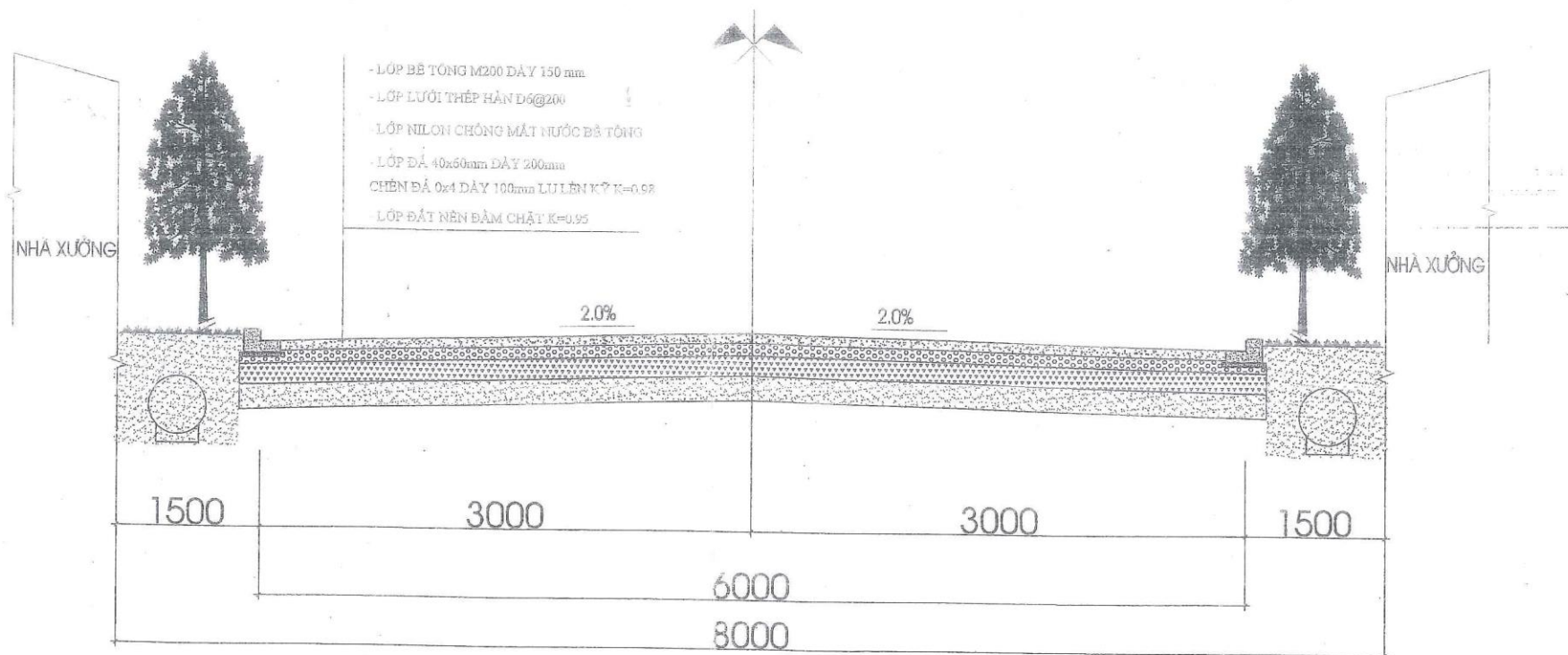
Số hiệu bản vẽ:	BVKT04
Ngày thành lập	Tháng 10/2024



MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG SỐ 1 (12M)

CTY CP XÂY DỰNG BẦU TỬ TM-DV PHẠM GIA
ĐÃ THẨM TRA
 người thẩm tra.....
 Ngày.....tháng.....năm.....

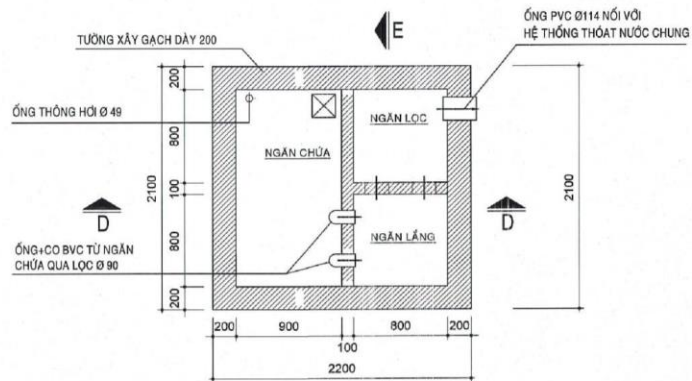
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA 128, ĐƯỜNG SỐ 8, KDC HIỆP THẠNH, PHƯỜNG THẠNH HÒA, T. BÌNH DƯƠNG GIÁM ĐỐC HOÀNG NGỌC LÝ	CÔNG TY TNHH KIỂM TRÚC XÂY DỰNG Atelier 128, ĐƯỜNG SỐ 8, KDC HIỆP THẠNH, PHƯỜNG THẠNH HÒA, T. BÌNH DƯƠNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG NHÀ MÁY SX GẠCH BÊ TÔNG NHIE ACC ĐƠN VỊ: P.UYỄN HƯNG, TX. TÂN LUYỀN, T. BÌNH DƯƠNG CHỦ TRÌ TẠ HỮU NGỌC	THIẾT KẾ TẠ HỮU NGỌC	THỂ HIỆN TẠ HỮU NGỌC QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN THÀNH ĐÔNG CHI TIẾT ĐƯỜNG 12M CTY CP XÂY DỰNG BẦU TỬ TM-DV PHẠM GIA ĐỒNG HÒA NGÀY: 15 / 08 / 2014
--	---	--	-------------------------	---



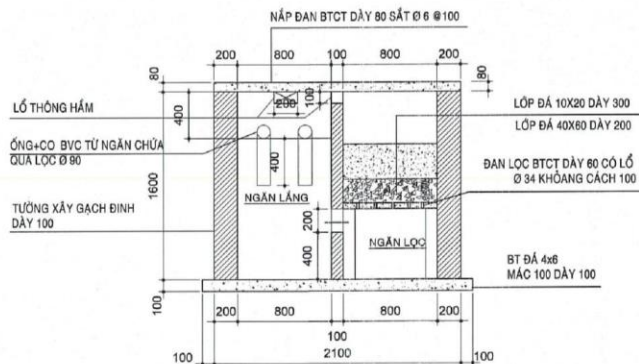
MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG SỐ 2 (6M)

CTY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV PHẠM GIA
ĐÃ THẨM TRA
 Người thẩm tra: *Ko Nguyễn Trường Sơn*
 Ngày: tháng năm

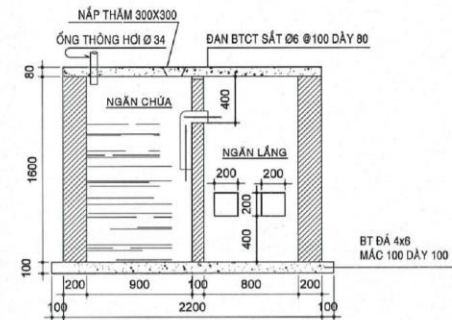
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA 12B, ĐƯỜNG SỐ 8, KDC HIỆP TÂN, T. TÂN UYÊN, T. BÌNH DƯƠNG		CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG NHÀ MÁY SX GẠCH BÊ TÔNG NHIE AOC ĐBXD: P. UYÊN HUNG, TX. TÂN UYÊN, T. BÌNH DƯƠNG		CHI TIẾT ĐƯỜNG 5M		KT 05/16
GIÁM ĐỐC HOÀNG NGỌC LÝ	GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	CHỦ TRÌ <i>ngoc</i> TẠ HỮU NGỌC	THIẾT KẾ <i>ngoc</i> TẠ HỮU NGỌC	THỂ HIỆN <i>ngoc</i> TẠ HỮU NGỌC	QUẢN LÝ KỸ THUẬT <i>ĐHM</i> NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG NGÀY: 15/08/2014



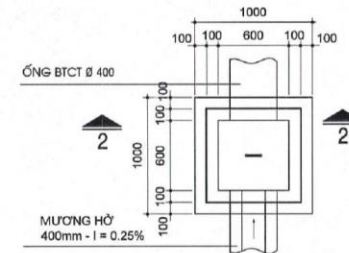
MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI
TL 1/25



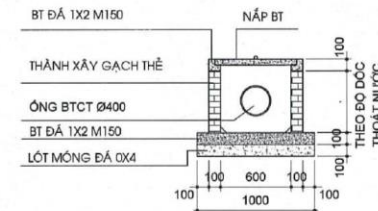
MẶT CẮT E-E
TL 1/25



MẶT CẮT D-D
TL 1/25



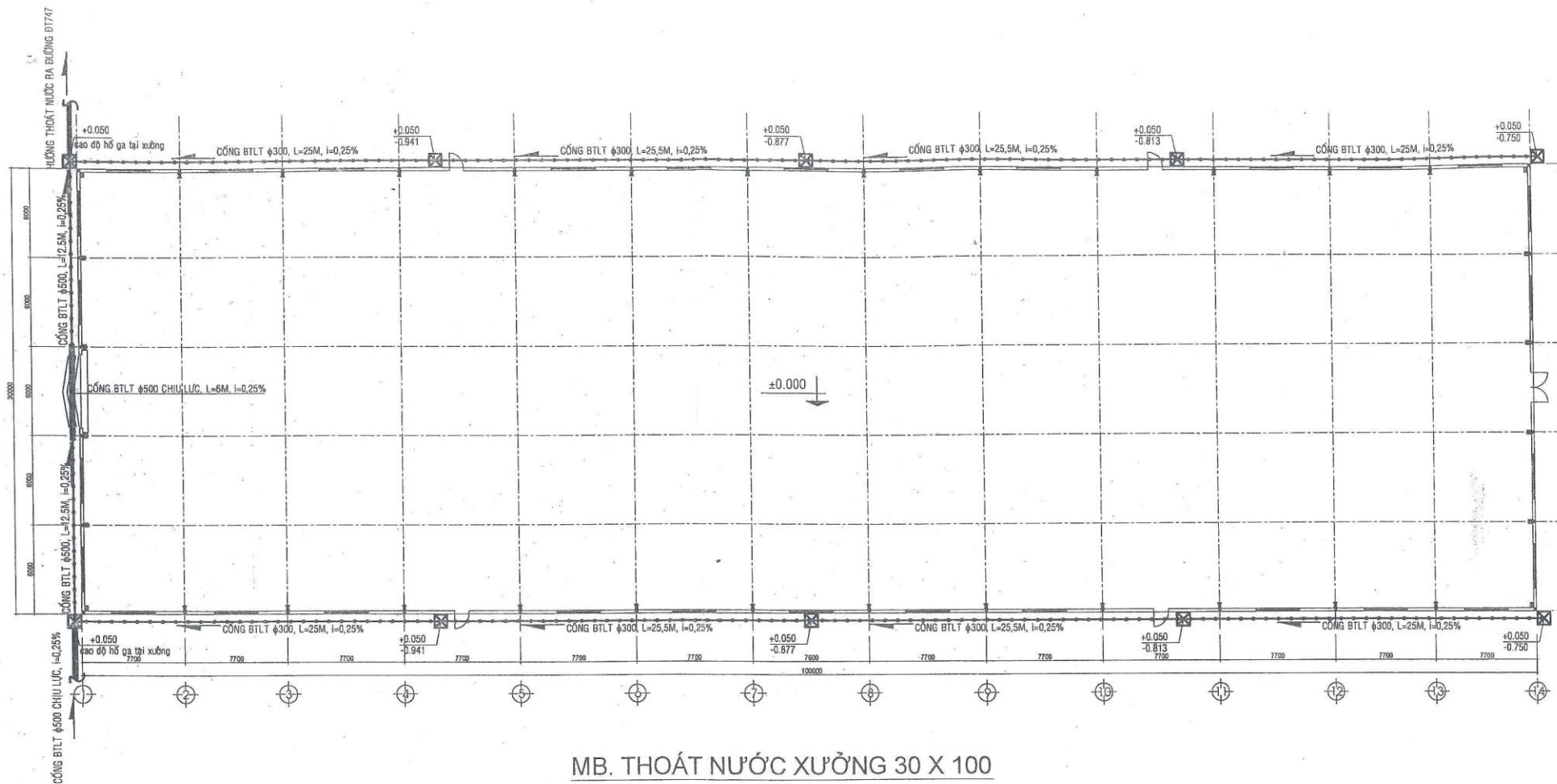
CHI TIẾT HỐ GA 2



MẶT CẮT 2-2

CTY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV PHẠM GIA
ĐÃ THẨM TRA
Người thẩm tra: *KS. Nguyễn Tường Vân*
Ngày: tháng năm

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA 12/1, Đường số 1, KDC Hiệp Thành III, Phường Hiệp Hòa, Quận Tân Uyên, TP. Bình Dương		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG Atelier 12/1, Đường số 1, KDC Hiệp Thành III, Phường Hiệp Hòa, Quận Tân Uyên, TP. Bình Dương		CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG ĐƠN VỊ: P.UYÊN HUNG, TX TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG		MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI		BV TỜ	N 01/04
GIÁM ĐỐC HOÀNG NGỌC LÝ	GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	CHỦ TRÌ <i>Trần Minh Thành</i> TRẦN MINH THÀNH	THIẾT KẾ <i>Trần Minh Thành</i> TRẦN MINH THÀNH	THỂ HIỆN <i>Trần Minh Thành</i> TRẦN MINH THÀNH	QUẢN LÝ KỸ THUẬT <i>Nguyễn Thành Đồng</i> NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	BẢN VẼ XPXD		NGÀY: 15 / 08 / 2014	



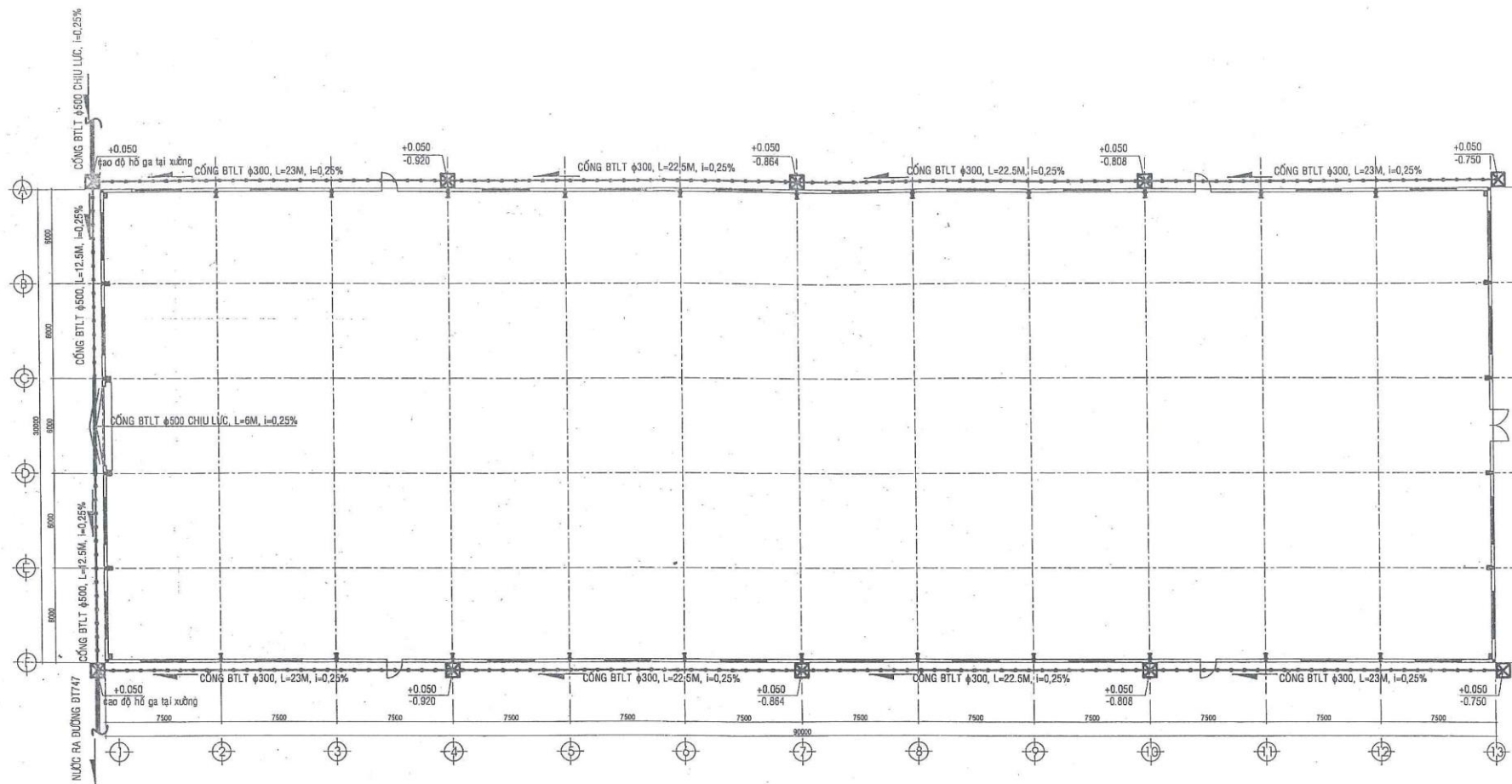
MB. THOÁT NƯỚC XƯỜNG 30 X 100

TL : 1/100

+0.050: CAO ĐỘ ĐÁY RÚNG PHẠM GIA
-0.941: CAO ĐỘ ĐÁY HỒ CỎ
ĐÃ THẨM TRA

Người thẩm tra: KS. Nguyễn Cường Cán
Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA GIÁM ĐỐC HOÀNG NGỌC LÝ		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG Atelier NHÀ BAN 128, Đường số 8, KDC Hiệp Bình Chánh, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Tel: 0903.123.456 GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÀNH ĐỒNG		CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG NHÀ MÁY SX GẠCH BÉ TÔNG NHE ACC ĐƠN VỊ: P. LUYỆN HÙNG, TX. TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG <table><tr><td>CHỦ TRÌ</td><td>THIẾT KẾ</td><td>THỂ HIỆN</td><td>QUẢN LÝ KỸ THUẬT</td></tr><tr><td>TRẦN MINH THÀNH</td><td>TRẦN MINH THÀNH</td><td>TRẦN MINH THÀNH</td><td>NGUYỄN THÀNH ĐỒNG</td></tr></table>		CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC XƯỜNG 30x100 <table><tr><td>BV</td><td>N</td></tr><tr><td>TỜ</td><td>02/04</td></tr><tr><td>BẢN VẼ XPXD</td><td>NGÀY: 15 / 08 / 2014</td></tr></table>		BV	N	TỜ	02/04	BẢN VẼ XPXD	NGÀY: 15 / 08 / 2014
CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	QUẢN LÝ KỸ THUẬT																		
TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG																		
BV	N																				
TỜ	02/04																				
BẢN VẼ XPXD	NGÀY: 15 / 08 / 2014																				



MB. THOÁT NƯỚC XƯỜNG 30 X 90

TL : 1/100

+0.050 : CAO ĐỘ NẤP HỒ GA

0.941 : CAO ĐỘ DẦY HỒ GA
CTY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV PHẠM GIA

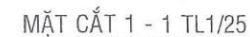
ĐÃ THẨM TRA

Người thẩm tra: KS. Nguyễn Trường Căn
Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA GIÁM ĐỐC HOÀNG NGỌC LÝ	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG Atelier 128, Đường số 8, TĐC Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG NHÀ MÁY SX GẠCH BÊTÔNG NHE ACC ĐỊA ĐIỂM: P.UYÊN HUNG, TX TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC XƯỜNG 30x90 THỂ HIỆN TRẦN MINH THÀNH	BV TỜ N 03/04 BẢN VẼ XPXD NGÀY: 15 / 08 / 2014
--	--	---	---	--



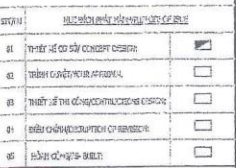
-HÚC ĐƯỢC LẤY TỪ NGƯỜI CẤP GIẺNG KHOAN BƠM VÀO HỒ PCCC
ĐƯỜNG NHỰA PVC THOÁT NƯỚC MƯA TẠI NHỮNG VỊ TRÍ DẪN
HỒ GA ĐƯỢC ĐƯA VÀO HỒ GA
-CHIỀU CAO HỒ GA ĐƯỢC THAY ĐỔI THEO TỪNG VỊ TRÍ TRÊN
-CHIỀU DÀI THOÁT NƯỚC SẠO CHỈ ĐẲN BẢO GẢO CAO TRÌNH DẪN
CÔNG LƯỚI CAO HƠN CAO TRÌNH DẪN HỒ GA ÍT NHẤT 200



CTY CP XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TM-DV PHẠM GIA
ĐÃ THẨM TRA
Người thẩm tra: *KS. Nguyễn Trường B.*
Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ N. 3700147821 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA TX. AN XUYEN, TỈNH BÌNH DƯƠNG		CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG Atelier NHÀ ĐÀN 126, Đường số 8, KDC Hiệp Thành III, Hiệp Thành, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG NHÀ ĐÀN 126, Đường số 8, KDC Hiệp Thành III, Hiệp Thành, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh		CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐỒNG HÒA HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG NHÀ MÁY X S GẠCH BÊ TÔNG NHỆ ACC ĐƠN VỊ: P.UYỄN HUNG, TX TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG		CHI TIẾT CỐNG, HỐ GA		BV TỜ	N 04/04
GIÁM ĐỐC	HOÀNG NGỌC LÝ	GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	BẢN VẼ XPXD	NGÀY: 15 / 08 / 2014
				TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	TRẦN MINH THÀNH	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG		

ON CRYSTALLINITY

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
 SẢN XUẤT VÀ
 THƯƠNG MẠI
 VIỆT NAM
 197-P Nguyễn Hùng-Tân Uyên
 Hoàng Ngọc Lý

TÊN CÔNG TRÌNH/PROJECT NAME:
TRẠNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT Q=135 M³/NGÀY.ĐẾN

KP7-P Uyên Hưng-Tân Uyên

THE FOLLOWING TITLE

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ/CONTRACTOR:

**VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**

1001 TRƯỜNG HỮU GIANG - P. 5 - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

1. 姓名	
2. 性别	
3. 年龄	

<u>DATE RECEIVED FROM:</u>	10
<u>DATE RECEIVED FROM:</u>	D/CN - 01/10
<u>TIME</u>	1:50
<u>NAME</u>	
<u>DATE</u>	
<u>DATE RECEIVED FROM:</u>	13

CÁI THIỆT

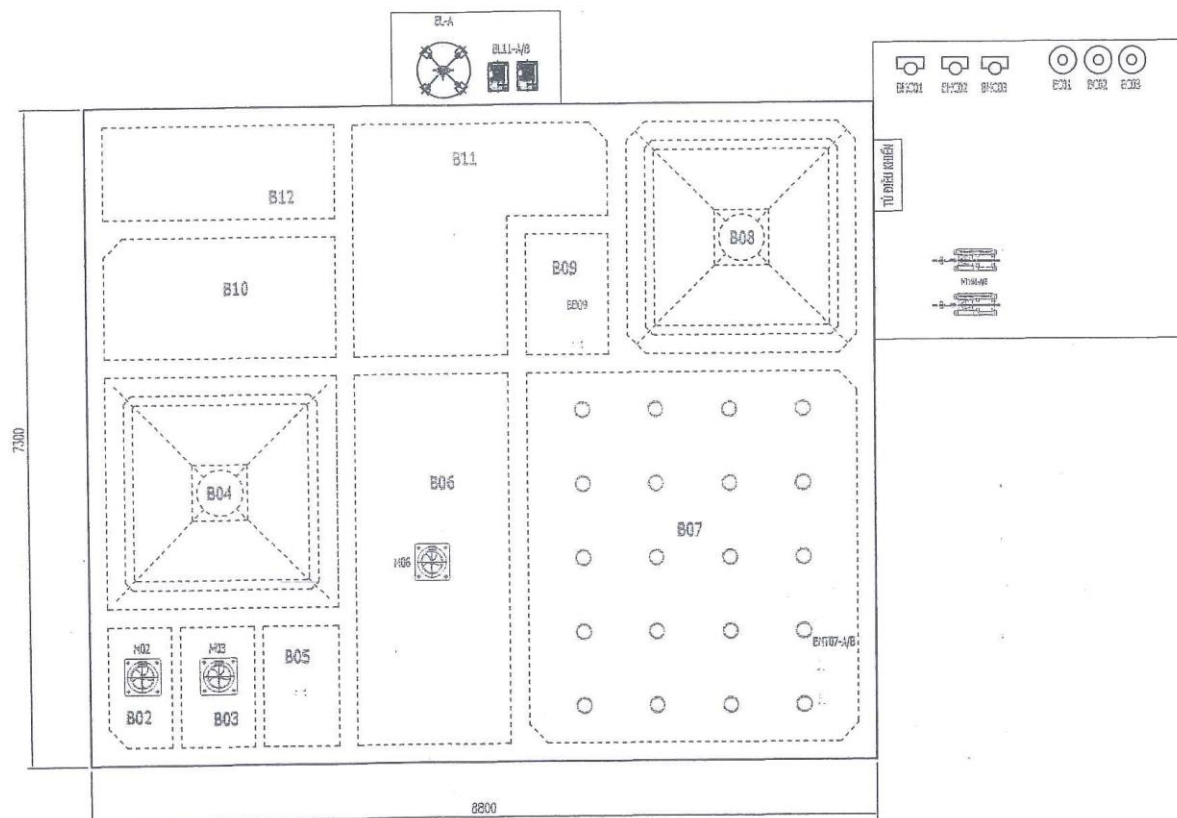
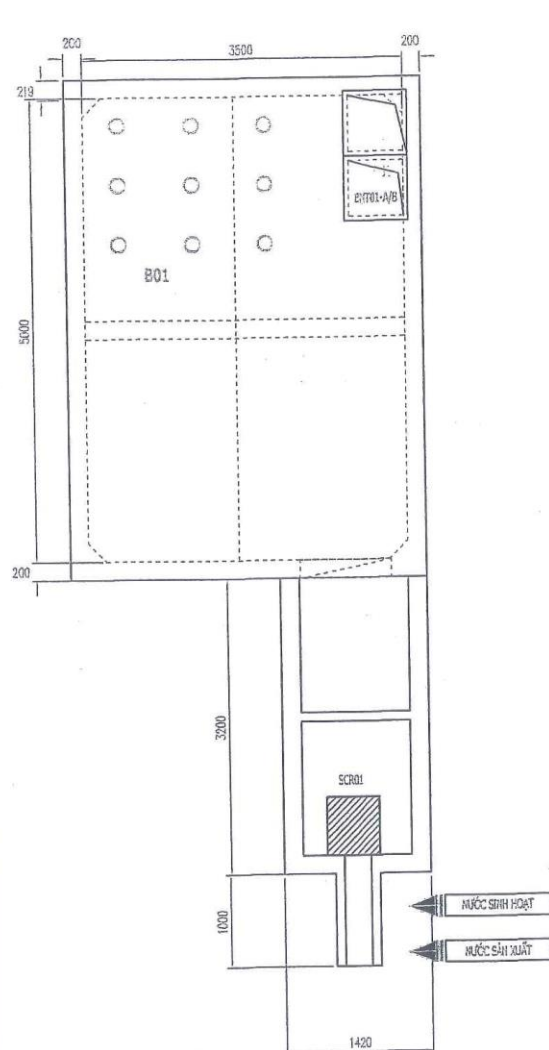
ĐƯỜNG ống SỨC THẢI

ĐƯỜNG ống CẤP NƯỚC

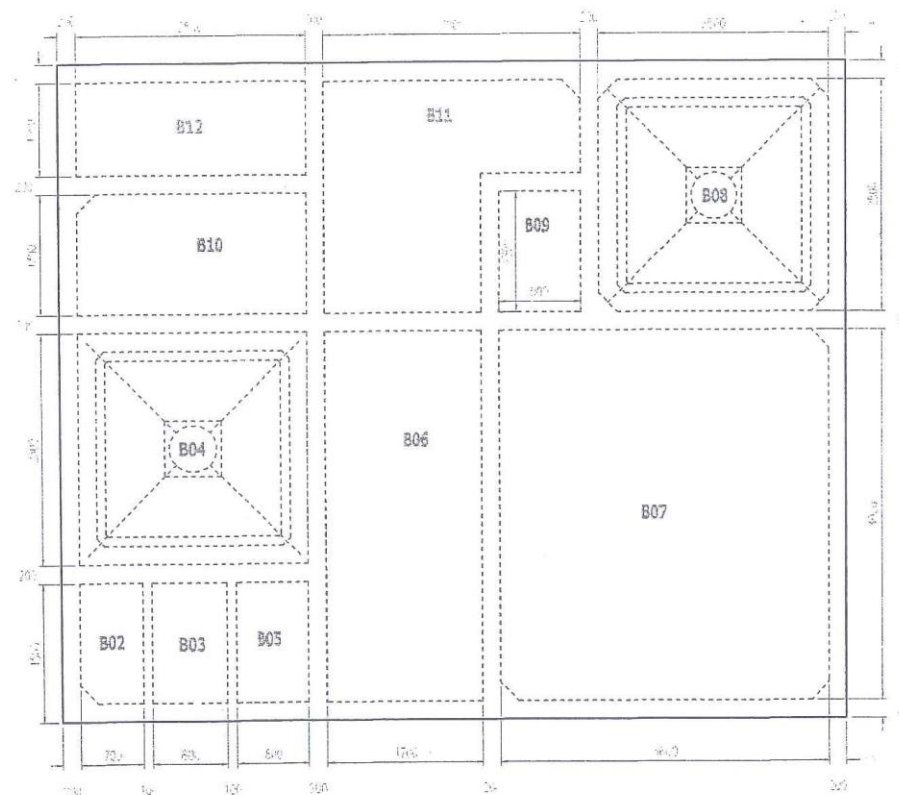
ĐƯỜNG ống DẪN DẦU

ĐƯỜNG ống DẪN HÓA CHẤT

TỶ LỆ 1/50

[illegible]

TỶ LỆ 1/50



ST/No	QUESTION	ANSWER
01	What is the core concept of ethics?	☒
02	What is the difference between ethics and morals?	☐
03	What is the difference between ethics and law?	☐
04	What is the difference between ethics and religion?	☐
05	What is the difference between ethics and philosophy?	☐



HỌ TÊN QUÂN QUẢN	137-P Ủy ban Hùng Tân Ủy ban
QUÂN QUẢN QUẢN LÝ	Hoàng Ngọc Lý

TRẠCH XỬ LÝ MỐC THẢI
CÔNG SUẤT Q=135 HP/NGÀY.BẾN

STATEMAG.COM 327-P Uyên Hưng-Tân Uyên

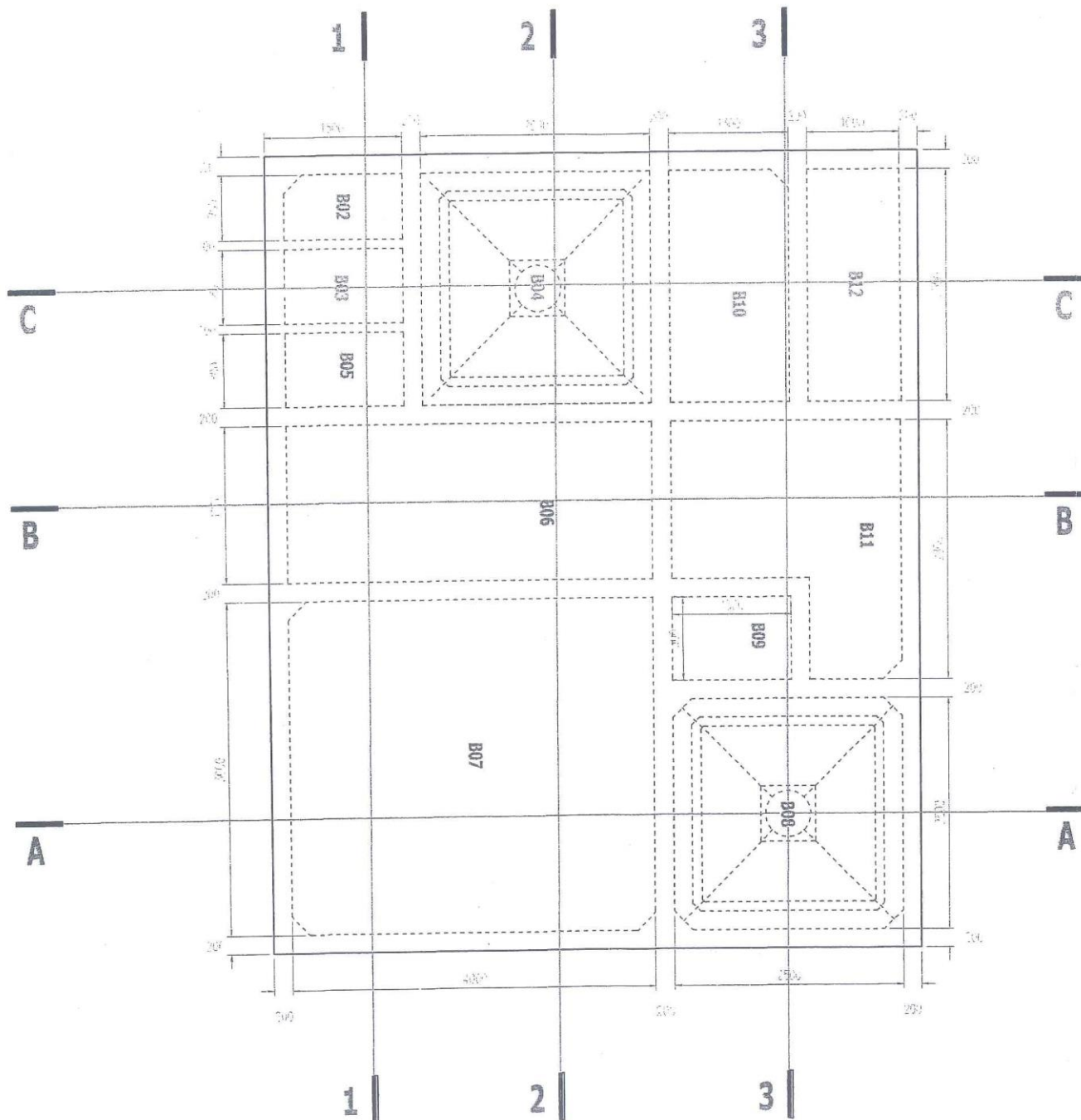
THIS IS A VERIFICATION TITLE

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KÍCH THUỐC TRẠM XỬ LÝ

CONTRACT NO.

VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG[illegible]

TỶ LỆ 1/50



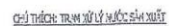
B01: BẾ TÁCH ĐẦU + BẾ ĐIỀU HÒA
 B02: BẾ KEO TỤ
 B03: BẾ TẠO BÔNG
 B04: BẾ LẮNG BỤN HÓA LÝ
 B05: BẾ THU BỤN HÓA LÝ
 B06: BẾ ANGIƠC
 B07: BẾ HIỆU THÍ
 B08: BẾ LẮNG BỤN SINH HỌC
 B09: BẾ THU BỤN
 B10: BẾ PHÂN HỦ BỤN
 B11: BẾ CỎA TRUNG GIỚI
 B12: BẾ KHỬ TRÙNG

[illegible]

TỶ LỆ 1/30



TỶ LỆ 1/50



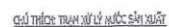
801: BẾ TÁCH DẦU + BẾ ĐIỀU HÒA
 802: BẾ XEO TỤ
 803: BẾ TẠO BÔNG
 804: BẾ LẮNG BỀN HÓA LÝ
 805: BẾ THU BỀN HÓA LÝ
 806: BẾ ANHĐC
 807: BẾ HIỆU THẢ
 808: BẾ LƯNG BỀN SƠN HỌC
 809: BẾ THU BỀN
 810: BẾ PHÂN HỦY BỀN
 811: BẾ CHỮA TRUNG GIẢN
 812: BẾ KHỬ TRÙNG

[illegible]

TỶ LỆ 1/50

[illegible]

TỶ LỆ 1/50

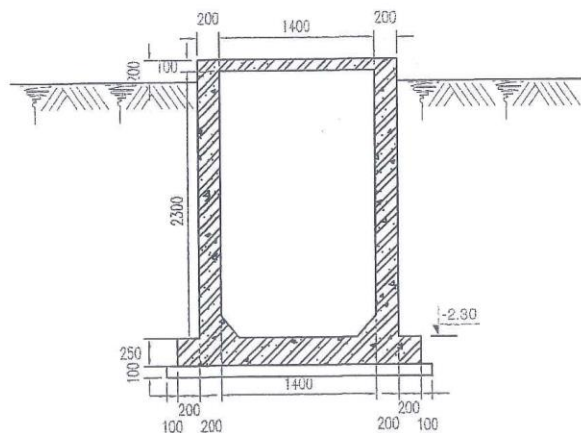


- 011: BẾ TÁCH GIỮA + BẾ GIỮA HÒA
 012: BẾ XEO TỤ
 013: BẾ TẠO BỔNG
 014: BẾ LĂNG BỀN HÒA LÝ
 015: BẾ THU BỀN HÒA LÝ
 016: BẾ ANH QUỐC
 017: BẾ HIỆU KHÍ
 018: BẾ LĂNG BỀN SẠCH HỌC
 019: BẾ THU BỀN
 020: BẾ PHÂN HỦY BỀN
 021: BẾ CHỮA TRUNG GIẢN
 022: BẾ KHỬ TRẮNG

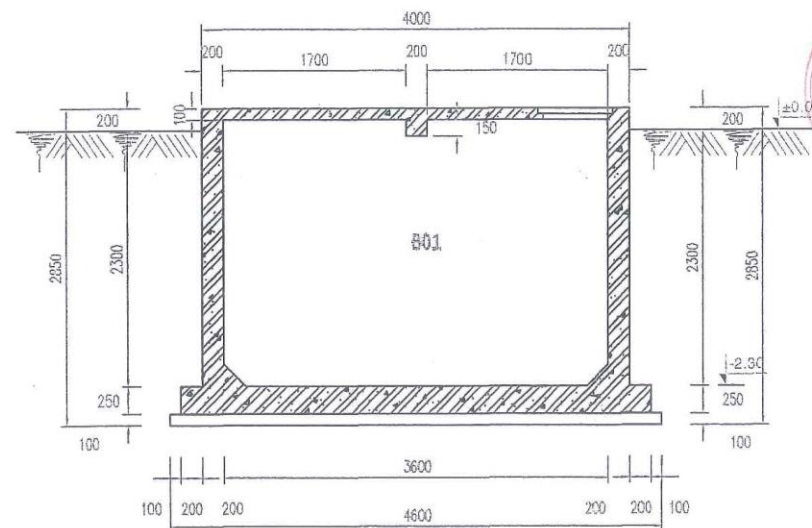
[illegible]

TỶ LỆ 1/50

TỶ LỆ 1/50



TỶ LỆ 1/50



801: BỀ TÁCH DỮ + BỀ ĐIỀU HÒA
802: BỀ XEO TỤ
803: BỀ TẠO BÔNG
804: BỀ LĂNG BÚN HÓA LÝ
805: BỀ THU BÚN HÓA LÝ
806: BỀ ANHOC
807: BỀ HIỆU KHÍ
808: BỀ LĂNG SƠN SINH HỌC
809: BỀ THU BÚN
810: BỀ PHẨM HỮU BÚN
811: BỀ CHỮA TRUNG GIAM
812: BỀ KHỬ TRẮNG

HỌC SINH ĐÓNG KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHẤM	
01	Tên viết tay của bạn không đúng: ☒
02	Tên viết tay của bạn không đúng: ☐
03	Tên viết tay của bạn không đúng: ☐
04	Tên viết tay của bạn không đúng: ☐
05	Tên viết tay của bạn không đúng: ☐

CÔNG TY TNHH SX-TM
SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI
DỒNG HÒA

CHAM ĐOC

07-P Uyên Hưng Tân Uyên
Hưng An Lạc

TÊN CÔNG TRÌNH/PROJECT NAME:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT Q= 135 M³/NGÀY/ĐÊM

SEA HUNTER LOCATION: KF7-P Uyên Hưng-Tân Uyên

THE STATE OF TEXAS

HẬT CÁT A-A VÀ B-B

BANKRUPT RECONSTRUCTOR

VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ:	1002- Trần Hưng Đạo - P.9 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh
----------	--

00167-TH-CAD: (P) 38 9-0821

GHEÖNDSCHAP:	GHEÖNDSCHAP:
----------------------------	----------------------------

[illegible]

The Phys. Rige Sing. Nu. Scilicet

DATE

13. HONOR LION

U.S. GOVERNMENT PRINTING OFFICE

12. NGUYỄN VĂN HỮU

--	--

1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 26

100	100
-----	-----

DATE RECEIVED: _____ 50

ရက်စွဲ: ၂၀၁၆ ခုနှစ်၊ ဇူလိုင်လ ၁၀ ရက်

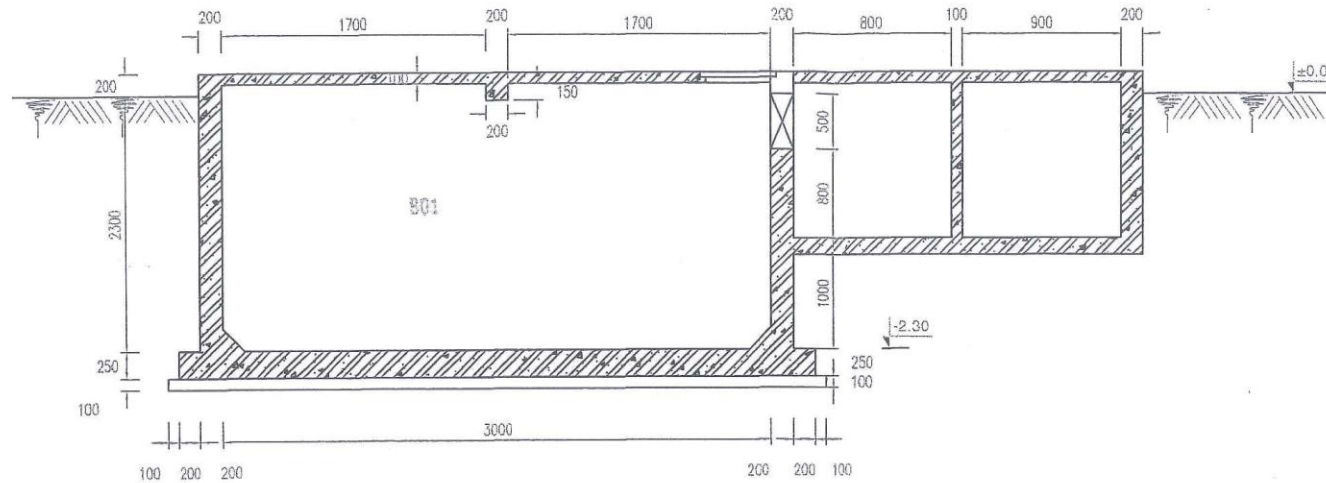
Downloaded from <http://www.jstor.org/stable/2346090> on Tue, 20 Jun 2016 12:02:05 UTC
All use subject to <http://about.jstor.org/terms>

INCIDENT:

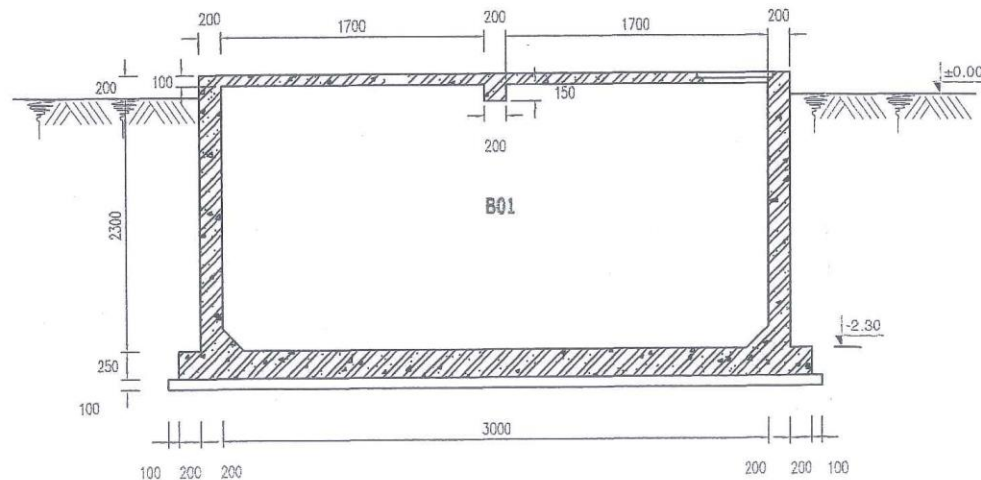
NOTIFY INSTANTLY: 13

TỶ LỆ 1/50

TỶ LỆ 1/50



Tỷ lệ: 1/50



B01: BẾ TÁCH DẦU + BẾ ĐIỀU HÒA
B02: BẾ KEO TỤ
B03: BẾ TẠO BƯỜNG
B04: BẾ LẮNG BỀN HÓA LÝ
B05: BẾ THU SỤM HÓA LÝ
B06: BẾ ANOXIC
B07: BẾ NGUỒN KHÍ
B08: BẾ LẮNG SỤM SINH HỌC
B09: BẾ THU BỀN
B10: BẾ PHÂN HỦY BỀN
B11: BẾ CHẤM TRUNG GIẢN
B12: BẾ KHÍ TRƯỜNG

Sl. No.	Particulars	Amount
01	Travel and conveyance charges	100
02	Medical and dental charges	50
03	Medical and dental consultations charges	50
04	Other medical expenses of patients	50
05	Food charges	50

TÊN CÔNG NHÂN: TRẦN XU LY
CÔNG SUẤT Q= 135 M³/NGÀY. LÊN

TÊN SẢN PHẨM/THIẾT BỊ

TÊN SẢN VẬT/CHƯƠNG TRÌNH

MẶT CẮT C-C VÀ D-D

**VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**

[illegible]

ST. 20211218107	
<u>HỌ TÊN:</u>	
<u>QU. SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	
<u>QU. SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	
<u>TR. PH. HỌC SĨ:</u>	
<u>SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	35
<u>SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	QU. 1 - 30/10
<u>TR. PH. HỌC SĨ:</u>	10/1
<u>SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	
<u>SỐ QUÂN QUẢN LÝ:</u>	13